

Số: 1602/SXD-QLHĐXD

Lào Cai, ngày 03 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ
THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG QUÝ I NĂM 2026
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 10/2024/TT-BXD ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quản lý chất lượng, sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 1 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành sửa đổi bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Trên cơ sở khảo sát thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai và một số tỉnh, thành phố; thông tin giá các loại vật tư, vật liệu do các xã, phường, các đơn vị sản xuất kinh doanh cung cấp; ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực, Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng Quý I năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lào Cai và hướng dẫn áp dụng, cụ thể như sau:

1. Công bố thông tin giá vật liệu xây dựng: Chi tiết tại phụ lục I, II, III kèm theo.

2. Thông tin giá vật liệu xây dựng được công bố tại Phụ lục I, II, II kèm theo văn bản này là giá vật liệu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá vật liệu trong bảng công bố này được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai, báo giá của nhà sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh, báo cáo giá vật liệu xây dựng của UBND các xã, phường; một số giá vật liệu công bố theo địa chỉ nơi sản xuất, nhà cung cấp.

3. Các loại vật liệu xây dựng trong công bố đã quy định rõ kích thước, quy cách, xuất xứ, cơ sở sản xuất. Những loại vật liệu xây dựng không đúng với kích thước, quy cách trong công bố giá, thì không tham khảo, áp dụng.

4. Bảng giá vật liệu xây dựng trong công bố này là các loại vật liệu phổ biến để các chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng tham khảo thông tin về giá để xác định giá xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, không có giá trị dùng để thanh quyết toán. Chủ đầu tư và các tổ chức tư vấn khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải căn cứ vào địa điểm xây dựng công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối

lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế, quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét lựa chọn sử dụng vật liệu xây dựng tại Phụ lục I, II, III kèm theo văn bản này hoặc vật liệu khác trên cơ sở đáp ứng về tiêu chuẩn, chất lượng và xác định giá vật liệu phù hợp với giá thị trường, đảm bảo hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí cho công trình và đáp ứng mục tiêu đầu tư.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 29/12/2023 và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, đảm bảo chính xác, hiệu quả, chống thất thoát trong đầu tư công.

6. Trường hợp đối với các loại vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị công trình không có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì Chủ đầu tư, căn cứ thẩm quyền được phân cấp, phân quyền chủ động xác định giá theo quy định như sau:

6.1. Đối với vật liệu xây dựng: Các tiêu chí cần đánh giá, xem xét khi lựa chọn giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1.1 Phụ lục số IV, Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

6.2. Đối với thiết bị lắp đặt vào công trình

- Trường hợp xác định giá thiết bị trong tổng mức đầu tư của dự án: Xác định theo hướng dẫn tại mục 2.3 Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Trường hợp xác định giá thiết bị trong dự toán xây dựng: Xác định theo hướng dẫn tại mục 1. sửa đổi, bổ sung mục 2.1 mục 1 phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

6.3. Chủ đầu tư được thuê doanh nghiệp thẩm định giá có đủ điều kiện, năng lực để thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá

7. Khi chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thực hiện tổ chức khảo sát, xác định giá vật liệu cần lưu ý:

- Các chủng loại vật liệu sử dụng phải đáp ứng quy định tại Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan;

- Vật liệu phải đáp ứng phù hợp giá thị trường, nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn về kỹ thuật, chất lượng phù hợp với hồ sơ thiết kế; phải có giấy chứng nhận hợp

quy và thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của Sở Xây dựng đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước khi lưu thông trên thị trường;

- Thông tin giá các loại vật liệu phải từ nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng có giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật, giá các loại vật liệu phải đảm bảo phù hợp tại thời điểm lập;

- Khảo sát về khả năng cung cấp vật liệu tại nơi được lựa chọn cung ứng, đảm bảo phù hợp với nhu cầu sử dụng của dự án, công trình.

8. Các đơn vị sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng và giá của các vật liệu gửi đăng công bố.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn, giải đáp theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các phường, xã;
- Các phòng, ban, đơn vị SXD;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QLHĐXD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tiến Nam

CÔNG BỐ THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG QUÝ I NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI
(CÁT, ĐÁ, SỎI, XI MĂNG, THÉP, GẠCH XÂY, NHÓM SẢN PHẨM GỖ)

(Kèm theo Văn bản số 1602/SXD-QLHXD ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai)

STT	Nhóm vật liệu (*)	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển(*)	Giá bán (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
I CÁT XÂY DỰNG									
HỢP TÁC XÃ KHAI MINH (Công văn số 38/KT-ĐT ngày 15/3/2026 của Phòng Kinh tế xã Trấn Yên) Địa chỉ: Tổ dân phố Phúc Xuân, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai Địa chỉ bãi tập kết: Thôn Đào Thịnh 4, xã Trấn Yên, tỉnh Lào Cai Số điện thoại: 0972304042 - 0352248515 Giấy chứng nhận hợp quy (11/03/2025-10/03/2028)									
Giá bán áp dụng từ ngày 01/01/2026									
1	Cát xây dựng	Cát mịn	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Khai Minh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nơi bán phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai	175.000
2	Cát xây dựng	Cát thô	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Khai Minh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nơi bán phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai	195.000
Giá bán áp dụng từ 09/03/2026 đến khi cho quyết định thay đổi giá mới									
1	Cát xây dựng	Cát mịn	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Khai Minh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nơi bán phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai	195.000
2	Cát xây dựng	Cát thô	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Khai Minh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nơi bán phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai	215.000
HỢP TÁC XÃ HÙNG TRỌNG DŨNG (Văn bản số 417/UBND-KT ngày 17/3/206 của UBND xã Mường Lai) Địa chỉ nơi khai thác hoặc địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn Trung Tâm, xã Mường Lai Số điện thoại liên hệ: 0974634550/0949829568									
1	Cát xây dựng	Cát nghiền (cát nhân tạo)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Hùng Trọng Dũng	Việt Nam	Giá bán trên đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ Thôn Trung Tâm, xã Mường Lai	320.000
CÔNG TY TNHH MTV KHÁNH DUY YB (Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 11/3/2026 của UBND xã Tân Hợp) Địa chỉ nơi khai thác hoặc địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn Gốc Gạo, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai Số điện thoại liên hệ: 0971452499 Giấy phép khai thác còn hiệu lực: 547/GP-UBND ngày 02/4/2024 của UBND tỉnh Yên Bái; Giấy chứng nhận hợp quy: 289/QĐ-TTGD ngày 21/11/2025; Thông báo tiếp nhận hợp quy: 239/TB-SXD ngày 09/12/2025 của Sở xây dựng- UBND tỉnh Lào Cai									
1	Cát xây dựng	Cát đen xây dựng	m3			Công ty TNHH MTV Khánh Duy YB	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ Thôn Gốc Gạo, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai	267.000
2	Sỏi	Sỏi	m3			Công ty TNHH MTV Khánh Duy YB	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ Thôn Gốc Gạo, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai	355.000
CÔNG TY TNHH TMTH VI ANH - Giấy phép khai thác hiệu lực 19/9/2035; Chứng nhận hợp quy từ ngày 03/02/2026-02/02/2029 - Theo báo cáo số 386/UBND-KT ngày 20/03/2026 của UBND xã Bảo Thắng									
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđ1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Nam Hải, xã Bảo Thắng	177.273
2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđ1 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Nam Hải, xã Bảo Thắng	177.273
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđ1 >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Nam Hải, xã Bảo Thắng	177.273
4	Cát xây dựng	Sỏi 1 x 2	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Nam Hải, xã Bảo Thắng	177.273
5	Cát xây dựng	Sỏi 2 x 4	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Nam Hải, xã Bảo Thắng	177.273

CÔNG TY TNHH TMTH MTV MINH THẮNG - Giấy phép khai thác hiệu lực: 19/4/2028; Giấy chứng nhận hợp quy 19/4/2025-18/4/2027; Thông báo tiếp nhận hợp quy số 8/TB - SGTVTXD ngày 09/07/2025, hạn đến 18/4/2027 - Theo báo cáo số 386/UBND-KT ngày 20/03/2026 của UBND xã Bảo Thắng và Bản kê khai giá số 02/KKG-MT ngày 24/03/2026 của Công ty TNHH TMTH MTV MINH THẮNG									
Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 20/03/2026									
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđ1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn An Trà, xã Bảo Thắng	209.091
2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđ1 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn An Trà, xã Bảo Thắng	209.091
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđ1 >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn An Trà, xã Bảo Thắng	209.091
Giá áp dụng từ ngày 21/03/2026									
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđ1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn An Trà, xã Bảo Thắng	272.727
2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđ1 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn An Trà, xã Bảo Thắng	272.727
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđ1 >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn An Trà, xã Bảo Thắng	272.727
CÔNG TY TNHH TMTH MTV MINH NGỌC - Giấy phép khai thác hiệu lực: 24/7/2028; Giấy chứng nhận hợp quy đến 13/09/2026; Thông báo tiếp nhận hợp quy số 289/TB - SGTVTXD ngày 27/10/2023, hạn đến 13/9/2026 - Theo văn bản số 386/UBND-KT ngày 20/03/2026 của UBND xã Bảo Thắng và Bản Kê khai giá số 1512/KKG-MN ngày 15/12/2025, Số 0903/KKG-MN ngày 09/03/2026 của Công ty TNHH MTV ĐTXD Minh Ngọc - Theo thông tin từ văn bản Kê khai giá của công ty: Đối với những khách hàng lớn, khách hàng truyền thống mức giá bán có thể thấp hơn so với giá niêm yết 10.000d/m3 (đã bao gồm cả VAT)									
Giá áp dụng từ ngày 16/12/2025 đến hết ngày									
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđ1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Đồng Tâm, thôn An Tiến, thôn Nam Hải xã Bảo Thắng	227.273
2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđ1 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Đồng Tâm, thôn An Tiến, thôn Nam Hải xã Bảo Thắng	227.273
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđ1 >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Đồng Tâm, thôn An Tiến, thôn Nam Hải xã Bảo Thắng	227.273
Giá áp dụng từ ngày 10/03/2026									
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđ1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Đồng Tâm, thôn An Tiến, thôn Nam Hải xã Bảo Thắng	272.727
2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđ1 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Đồng Tâm, thôn An Tiến, thôn Nam Hải xã Bảo Thắng	272.727
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđ1 >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Đồng Tâm, thôn An Tiến, thôn Nam Hải xã Bảo Thắng	272.727
CÔNG TY TNHH TM&XNK ĐẠI MINH (Theo báo cáo 218/UBND-KT ngày 13/03/2026 của Phòng Kinh tế xã Bảo Hà) - Giấy phép khai thác hiệu lực: 19/10/2039; Giấy chứng nhận hợp quy đến 107/8/2026; Thông báo tiếp nhận hợp quy số /TB - SGTVTXD ngày , hạn đến 10/8/2026 - Địa chỉ công ty: Số 1538 đường Trần Phú, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Điện thoại: 0982 986 778									
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđ1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ (Thôn Tân Sơn, thôn Tân Trúc xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai	227.273
2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđ1 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ (Thôn Tân Sơn, thôn Tân Trúc xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai	227.273
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđ1 >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ (Thôn Tân Sơn, thôn Tân Trúc xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai	227.273

4	Sỏi	Sỏi Dmax 20mm&40mm	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ (Thôn Tân Sơn, thôn Tân Trúc xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai)	227.273
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG QUỐC ĐẠT - Giấy phép khai thác hiệu lực: 19/10/2026; Giấy chứng nhận hợp quy đến 19/10/2026; Thông báo tiếp nhận hợp quy số 121/TB -SXD ngày 31/5/2024, hạn đến 19/10/2026 - Theo văn bản số 19/PKT-XD ngày 20/03/2026 của Phòng Kinh tế xã Dương Quý và số 88/PKT-XD ngày 19/03/2026 của Phòng Kinh tế xã Văn Bàn									
1	Cát xây dựng	Cát xây (Md1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn Làng Nôm - xã Văn Bàn; thôn Nà Hạch, thôn Pá Bó - xã Dương Quý	272.727
2	Cát xây dựng	Cát trát (Md1 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn Làng Nôm - xã Văn Bàn; thôn Nà Hạch, thôn Pá Bó - xã Dương Quý	272.727
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Md1 >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn Làng Nôm - xã Văn Bàn; thôn Nà Hạch, thôn Pá Bó - xã Dương Quý	272.727
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM 91-94 - Giấy phép khai thác hiệu lực: 16/9/2027; Giấy chứng nhận hợp quy đến 19/10/2026 đối với sản phẩm cát; Thông báo tiếp nhận hợp quy số 67/TB-SXD ngày 26/4/2025 có hiệu lực đến ngày 20/3/2026 đối với sản phẩm cát - Theo báo cáo ngày 15/03/2026 của Phòng Kinh tế xã Bảo Yên và Bản kê khai giá ngày 07/01/2026 của Công ty CP Khoáng sản Hà Nam 91-94									
1	Cát xây dựng	Cát vàng đổ bê tông	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát thuộc khu 8 xã Bảo Yên	409.091
2	Cát xây dựng	Cát vàng xây, trát	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát thuộc khu 8 xã Bảo Yên	318.182
3	Sỏi	Sỏi 1 x 2	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát thuộc khu 8 xã Bảo Yên	272.727
4	Sỏi	Sỏi 2 x 4	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát thuộc khu 8 xã Bảo Yên	172.727
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƯỜNG TUẤN - Giấy phép khai thác hiệu lực: 24/02/2036; Giấy chứng nhận hợp quy đến 09/9/2027; Thông báo tiếp nhận hợp quy số 240/TB-SXD ngày 14/10/2024 có hiệu lực đến ngày 09/9/2027 - Theo báo cáo số 778/UBND-KTHTĐT ngày 24/03/2026 của UBND phường Cam Đường và Kê khai số 01/KKG-CT ngày 08/3/2026 của DNTN Cường Tuấn									
Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 (đầu quý) đến hết ngày 09/03/2026									
1	Cát xây dựng	Cát xây (Md1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát trên sông Hồng thuộc phường Cam Đường và xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	227.273
2	Cát xây dựng	Cát trát (Md1 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát trên sông Hồng thuộc phường Cam Đường và xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	227.273
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Md1 >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát trên sông Hồng thuộc phường Cam Đường và xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	227.273
Giá áp dụng từ ngày 10/03/2026									
1	Cát xây dựng	Cát xây (Md1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát trên sông Hồng thuộc phường Cam Đường và xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	272.727
2	Cát xây dựng	Cát trát (Md1 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát trên sông Hồng thuộc phường Cam Đường và xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	272.727
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Md1 >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát trên sông Hồng thuộc phường Cam Đường và xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	272.727
CÔNG TY TNHH MTV Hậu Tươi - Địa chỉ công ty: Thôn Làng San, xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai - SĐT: 0972148842									
Giá bán từ ngày 24/12/2025 (Theo bản kê khai giá số 2412/KKG-HT ngày 24/12/2025 của Công									

1	Cát xây dựng	Cát thô và cát mịn	m3	QCVN 16:2023/BXD		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát, sỏi trên suối Cạn, xã Y Tý, tỉnh Lào Cai	381.818	
2	Cát xây dựng	Sỏi Dmax=20mm	m3	TCVN 7570:2006		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát, sỏi trên suối Cạn, xã Y Tý, tỉnh Lào Cai	363.636	
3	Cát xây dựng	Sỏi Dmax=40mm	m3	TCVN 7570:2006		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát, sỏi trên suối Cạn, xã Y Tý, tỉnh Lào Cai	363.636	
II ĐÁ XÂY DỰNG									
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG YÊN BÁI (Bảo cáo số 62/BC-UBND ngày 12/3/2026 của UBND xã Cát Thịnh) Địa chỉ nơi khai thác: Thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh (mỏ đá Km5) Số điện thoại liên hệ: 0984781737									
1	Đá xây dựng	Đá hỗn hợp sau nổ mìn, đá sô bô	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 01-DG/DNTH/2017 đạt 82,1 N/mm2		Công ty Cổ phần xây dựng giao thông Yên Bái	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất Thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh (mỏ đá Km5)	270.000
2	Đá xây dựng	Đá học	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 01-DG/DNTH/2017 đạt 82,1 N/mm2		Công ty Cổ phần xây dựng giao thông Yên Bái	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất Thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh (mỏ đá Km5)	350.000
3	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1 (base A)	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 01-DG/DNTH/2017 đạt 82,1 N/mm2		Công ty Cổ phần xây dựng giao thông Yên Bái	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất Thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh (mỏ đá Km5)	330.000
4	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2 (base B)	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 01-DG/DNTH/2017 đạt 82,1 N/mm2		Công ty Cổ phần xây dựng giao thông Yên Bái	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất Thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh (mỏ đá Km5)	290.000
5	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 01-DG/DNTH/2017 đạt 82,1 N/mm2		Công ty Cổ phần xây dựng giao thông Yên Bái	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất Thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh (mỏ đá Km5)	360.000
6	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 01-DG/DNTH/2017 đạt 82,1 N/mm2		Công ty Cổ phần xây dựng giao thông Yên Bái	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất Thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh (mỏ đá Km5)	360.000
7	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 01-DG/DNTH/2017 đạt 82,1 N/mm2		Công ty Cổ phần xây dựng giao thông Yên Bái	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất Thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh (mỏ đá Km5)	350.000
8	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 01-DG/DNTH/2017 đạt 82,1 N/mm2		Công ty Cổ phần xây dựng giao thông Yên Bái	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất Thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh (mỏ đá Km5)	360.000
9	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 01-DG/DNTH/2017 đạt 82,1 N/mm2		Công ty Cổ phần xây dựng giao thông Yên Bái	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất Thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh (mỏ đá Km5)	200.000
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO - CHI NHÁNH SXVL LÂM GIANG Địa chỉ công ty: Số 99 đường Trần Hưng Đạo, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai Địa chỉ Chi nhánh SXVL Lâm Giang: Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai Số điện thoại: 0982535277-0986664579 Giấy chứng nhận hợp quy (11/6/2025-11/6/2028)									

1	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	TCVN 7572-10:2006	200-300mm	Chi nhánh SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	182.000
2	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 7572-10:2006	5-20mm	Chi nhánh SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	255.000
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 7572-10:2006	10-40mm	Chi nhánh SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	250.000
4	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 7572-10:2006	10-60mm	Chi nhánh SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	240.000
5	Đá xây dựng	Đá 2,5x5	m3	TCVN 7572-10:2006	15-50mm	Chi nhánh SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	240.000
6	Đá xây dựng	Đá Subase	m3	TCVN 7572-10:2006	0,075-37,5mm	Chi nhánh SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	210.000
7	Đá xây dựng	Đá Base	m3	TCVN 7572-10:2006	0,075-37,5mm	Chi nhánh SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	225.000
8	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	TCVN 7572-10:2006	0,1-0,5m	Chi nhánh SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	255.000
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CAO CB (Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 09/3/2026 của UBND xã Phong Dụ Hạ) Địa chỉ nơi khai thác hoặc địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn Khe Lâu, xã Phong Dụ Hạ, tỉnh Lào Cai Số điện thoại liên hệ: 0918348898 Giấy phép khai thác còn hiệu lực: Quyết định số: 777/QĐ- UBND tỉnh Yên Bái ngày 08-6-2011; Giấy chứng nhận hợp quy số TQC.11.3480 ngày 03/01/2025 kết thúc ngày 02/01/2028									
1	Đá xây dựng	Đá dăm phân phối loại 1	m3			Công ty TNHH Công nghệ cao CB; Địa chỉ: Thôn Khe Lâu, xã Phong Dụ Hạ		Giá bán tại Bến Bãi chưa có chi phí vận chuyển	290.000
2	Đá xây dựng	Đá dăm phân phối loại 2	m3			Công ty TNHH Công nghệ cao CB; Địa chỉ: Thôn Khe Lâu, xã Phong Dụ Hạ		Giá bán tại Bến Bãi chưa có chi phí vận chuyển	270.000

3	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH Công nghệ cao CB; Địa chỉ: Thôn Khe Lâu, xã Phong Dụ Hạ		Giá bán tại Bến Bãi chưa có chi phí vận chuyển	330.000
4	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty TNHH Công nghệ cao CB; Địa chỉ: Thôn Khe Lâu, xã Phong Dụ Hạ		Giá bán tại Bến Bãi chưa có chi phí vận chuyển	330.000
5	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH Công nghệ cao CB; Địa chỉ: Thôn Khe Lâu, xã Phong Dụ Hạ		Giá bán tại Bến Bãi chưa có chi phí vận chuyển	320.000
6	Đá xây dựng	Đá 05x1	m3			Công ty TNHH Công nghệ cao CB; Địa chỉ: Thôn Khe Lâu, xã Phong Dụ Hạ		Giá bán tại Bến Bãi chưa có chi phí vận chuyển	370.000
7	Đá xây dựng	Đá mặt	m3			Công ty TNHH Công nghệ cao CB; Địa chỉ: Thôn Khe Lâu, xã Phong Dụ Hạ		Giá bán tại Bến Bãi chưa có chi phí vận chuyển	270.000
8	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH Công nghệ cao CB; Địa chỉ: Thôn Khe Lâu, xã Phong Dụ Hạ		Giá bán tại Bến Bãi chưa có chi phí vận chuyển	250.000
<p>CÔNG TY TNHH HTQ YÊN BÁI (Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 11/3/2026 của UBND xã Tân Hợp) Địa chỉ nơi khai thác hoặc địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn Đoàn Kết, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai Số điện thoại liên hệ: 0983389469 Giấy phép khai thác còn hiệu lực: 230/GP-UBND ngày 23 /02 /2023 của UBND tỉnh Yên Bái V/v gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; Giấy chứng nhận hợp quy số: SP.034.24.23 (từ ngày 31/05/2024 đến ngày 30/05/2027); Theo Quyết định 0123/QĐQUASTS ngày 31/5/2024 .</p>									
1	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 8859:2023		Công ty TNHH HTQ Yên Bái		Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Thôn Đoàn Kết, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai	210.000
2	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 8859:2023		Công ty TNHH HTQ Yên Bái		Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Thôn Đoàn Kết, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai	210.000
3	Đá xây dựng	Đá bẫy (Bẫy A+ B)	m3	TCVN 8859:2023		Công ty TNHH HTQ Yên Bái		Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Thôn Đoàn Kết, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai	170.000
4	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	TCVN 8859:2023		Công ty TNHH HTQ Yên Bái		Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Thôn Đoàn Kết, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai	157.000
5	Đá xây dựng	Đá bụi đá mặt	m3	TCVN 8859:2023		Công ty TNHH HTQ Yên Bái		Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Thôn Đoàn Kết, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai	114.000
<p>CÔNG TY TNHH XDSX&TMDV HÙNG ĐẠI SON (Văn bản số 488/UBND-PKT ngày 23/3/2026 của UBND xã Lục Yên) Địa chỉ nhà máy sản xuất: thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai Số điện thoại liên hệ: 0917187596 Thông tin về đại lý (Địa chỉ, SĐT): Không Giấy chứng nhận hợp quy Đá hộc số XN.007.22; cấp phối đá dăm số SP 025.00.23</p>									
1	Đá xây dựng	Đá hỗn hợp sau nổ mìn	m3	TCCS 01:2022/HDS		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	81.818
2	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	254.545

3	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	290.909
4	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	290.909
5	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	290.909
6	Đá xây dựng	Đá bột mịn	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	163.636
7	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	190.909
8	Đá xây dựng	Đá Bảy A	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	218.182
9	Đá xây dựng	Đá Bảy B	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	190.909
10	Đá xây dựng	Đá Bảy C	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	100.000
CÔNG TY TNHH HUY HOÀNG LỤC YÊN (Văn bản số 488/UBND-PKT ngày 23/3/2026 của UBND xã Lục Yên) Địa chỉ nhà máy sản xuất: thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai Số điện thoại liên hệ: 0914356078									
	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán tại thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai	255.000
	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán tại thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai	290.000
	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán tại thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai	290.000
	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán tại thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai	290.000
	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán tại thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai	191.000
	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại 1	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán tại thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai	215.000
	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại 2	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán tại thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai	190.000
	Đá xây dựng	Mạt đá	m3			Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán tại thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai	130.000
CÔNG TY TNHH ĐỒNG TIẾN Địa chỉ: Thôn Đồng Tâm, xã Yên Thành, tỉnh Lào Cai Số điện thoại liên hệ: 02163885468 - 0986037050									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3	QCVN 16:2019/BXD	5x10mm	Công ty TNHH Đồng Tiến	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện của bên mua tại mỏ Thôn Đồng Tâm, xã Yên Thành, tỉnh Lào Cai	320.000
2	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	QCVN 16:2019/BXD	10x20mm	Công ty TNHH Đồng Tiến	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện của bên mua tại mỏ Thôn Đồng Tâm, xã Yên Thành, tỉnh Lào Cai	320.000
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	QCVN 16:2019/BXD	20x40mm	Công ty TNHH Đồng Tiến	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện của bên mua tại mỏ Thôn Đồng Tâm, xã Yên Thành, tỉnh Lào Cai	320.000
4	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	QCVN 16:2019/BXD	40x60mm	Công ty TNHH Đồng Tiến	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện của bên mua tại mỏ Thôn Đồng Tâm, xã Yên Thành, tỉnh Lào Cai	305.000
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	QCVN 16:2019/BXD	100x200mm	Công ty TNHH Đồng Tiến	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện của bên mua tại mỏ Thôn Đồng Tâm, xã Yên Thành, tỉnh Lào Cai	255.000
6	Đá xây dựng	Đá Base (Bây A)	m3	QCVN 16:2019/BXD	10x10mm	Công ty TNHH Đồng Tiến	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện của bên mua tại mỏ Thôn Đồng Tâm, xã Yên Thành, tỉnh Lào Cai	290.000

7	Đá xây dựng	Đá Subase (Bây B)	m3	QCVN 16:2019/BXD	10x10mm	Công ty TNHH Đồng Tiến	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện của bên mua tại mô Thôn Đồng Tâm, xã Yên Thành, tỉnh Lào Cai	270.000
CÔNG TY TNHH VĨNH THÀNH YÊN BÁI Địa chỉ: Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình Số điện thoại: 0968780561-0986037050									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3	QCVN 16:2019/BXD	5x10mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	350.000
2	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	QCVN 16:2019/BXD	10x20mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	350.000
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	QCVN 16:2019/BXD	20x40mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	350.000
4	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	QCVN 16:2019/BXD	40x60mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	340.000
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	QCVN 16:2019/BXD	100x200mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	300.000
6	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3	QCVN 16:2019/BXD	10x10mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	340.000
7	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3	QCVN 16:2019/BXD	10x10mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	320.000
CÔNG TY TNHH VĨNH THÀNH YÊN BÁI (Văn bản số 530/UBND-KT ngày 25/3/2026 của UBND xã Yên Bình) Địa chỉ: Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình Số điện thoại: 0968780561-0986037050									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3	QCVN 16:2019/BXD	5x10mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	353.000
2	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	QCVN 16:2019/BXD	10x20mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	353.000
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	QCVN 16:2019/BXD	20x40mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	353.000
4	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	QCVN 16:2019/BXD	40x60mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	348.000
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	QCVN 16:2019/BXD	100x200mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	308.000
6	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3	QCVN 16:2019/BXD	10x10mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	346.000

7	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3	QCVN 16:2019/BXD	10x10mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	328.000
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THÀNH HƯƠNG (Bảo cáo số 360/UBND-TH ngày 16/3/2026 của UBND xã Văn Chấn) Địa chỉ: Thôn Bản Hóc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai Số điện thoại: 0961444855 Chứng nhận hợp chuẩn (21/11/2024 -20/11/2027) Giấy phép khai thác còn hiệu lực: 24/06/2043									
1	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	10mm	DNTN Thành Hương	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Đồng Khê, thôn Bản Hóc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	318.181
2	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	20-70mm	DNTN Thành Hương	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Đồng Khê, thôn Bản Hóc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	318.181
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	20-70mm	DNTN Thành Hương	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Đồng Khê, thôn Bản Hóc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	327.272
4	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	20-70mm	DNTN Thành Hương	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Đồng Khê, thôn Bản Hóc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	327.272
5	Đá xây dựng	Đá 0.5 x1	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	20-70mm	DNTN Thành Hương	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Đồng Khê, thôn Bản Hóc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	327.272
6	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	0-5mm	DNTN Thành Hương	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Đồng Khê, thôn Bản Hóc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	181.818
7	Đá xây dựng	Đá Base	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	Dmax=25	DNTN Thành Hương	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Đồng Khê, thôn Bản Hóc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	300.000
8	Đá xây dựng	Đá Subbase	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	Dmax=37.5	DNTN Thành Hương	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Đồng Khê, thôn Bản Hóc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	263.636
9	Đá xây dựng	Đá xô bỏ (sau nổ mìn)	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	Hỗn hợp	DNTN Thành Hương	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại mỏ Đồng Khê, thôn Bản Hóc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	245.454
HỢP TÁC XÃ HÙNG TRỌNG DŨNG (Văn bản số 417/UBND-KT ngày 17/3/206 của UBND xã Mường Lai) Địa chỉ nơi khai thác hoặc địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn Trung Tâm, xã Mường Lai Số điện thoại liên hệ: 0974634550/0949829568									
1	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Hùng Trọng Dũng	Việt Nam	Giá bán trên đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ thông Trung Tâm, xã Mường Lai	295.000
2	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Hùng Trọng Dũng	Việt Nam	Giá bán trên đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ thông Trung Tâm, xã Mường Lai	335.000
3	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Hùng Trọng Dũng	Việt Nam	Giá bán trên đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ thông Trung Tâm, xã Mường Lai	335.000

4	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Hùng Trọng Dũng	Việt Nam	Giá bán trên đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ thông Trung Tâm, xã Mường Lai	335.000
5	Đá xây dựng	Bột mịn	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Hùng Trọng Dũng	Việt Nam	Giá bán trên đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ thông Trung Tâm, xã Mường Lai	155.000
6	Đá xây dựng	Đá 05	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Hùng Trọng Dũng	Việt Nam	Giá bán trên đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ thông Trung Tâm, xã Mường Lai	230.000
7	Đá xây dựng	Bây A	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Hùng Trọng Dũng	Việt Nam	Giá bán trên đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ thông Trung Tâm, xã Mường Lai	255.000
8	Đá xây dựng	Bây B	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Hùng Trọng Dũng	Việt Nam	Giá bán trên đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ thông Trung Tâm, xã Mường Lai	225.000
9	Đá xây dựng	Bây C	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Hùng Trọng Dũng	Việt Nam	Giá bán trên đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ thông Trung Tâm, xã Mường Lai	80.000
Tên Đơn Vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN (Bảo cáo số 360/UBND-TH ngày 16/3/2026 của UBND xã Văn Chấn) Địa chỉ nơi khai thác: Thôn Bản Hốc xã Văn Chấn (Mỏ đá Đồng Khê) Số điện thoại liên hệ: 0913.251.392 Giấy phép khai thác còn hiệu lực: 24/04/2042									
1	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm2		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	301.000
2	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm3		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	311.000
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm4		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	328.000
4	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm5		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	346.000
5	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm6		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	274.000

6	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm7		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bán Hóc, xã Văn Chấn	182.000
7	Đá xây dựng	Đá bẫy A	m ³	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm8		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bán Hóc, xã Văn Chấn	301.000
8	Đá xây dựng	Đá bẫy B	m ³	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm9		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bán Hóc, xã Văn Chấn	246.000
9	Đá xây dựng	Đá xô bò (sau nổ mìn)	m ³	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm10		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bán Hóc, xã Văn Chấn	180.000
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THAN ĐÁ SUỐI BẮC (Văn bản số 135/UBND-KTHTĐT ngày 16/3/2026 của UBND phường Trung Tâm) - Giá bán tại nơi khai thác, đã bao gồm: chi phí bốc xúc lên xe, thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường, tiền CQKTKS, tiền KQPHMT - Địa chỉ nơi khai thác: TDP Suối Dao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai - Điện thoại: 0987372888 - Công suất khai thác: 40.000m ³ /năm đá vôi nguyên khối - Công suất chế biến: 59.600m ³ /năm sản phẩm đá các loại									
1	Đá xây dựng	Đá sau nổ mìn + cào Quảng khô bãi	m ³			Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Dao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	270.000
2	Đá xây dựng	Đá dăm 1x2	m ³	Đang hoàn thiện thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận hợp quy		Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Dao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	360.000
3	Đá xây dựng	Đá dăm 0.5x1			Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Dao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	360.000	
4	Đá xây dựng	Đá dăm 2x4	m ³		Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Dao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	360.000	
5	Đá xây dựng	Đá dăm 4x6	m ³		Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Dao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	350.000	
6	Đá xây dựng	Đá hộc	m ³		Đang hoàn thiện thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận hợp quy		Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Dao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai
7	Đá xây dựng	Đá Base (bẫy A)	m ³	QCVN 16:2023/BXD		Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Dao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	330.000
8	Đá xây dựng	Đá SubBase (bẫy B)	m ³	QCVN 16:2023/BXD		Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Dao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	290.000
9	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³			Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Dao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	200.000
CÔNG TY TNHH HUY HOÀNG LỤC YÊN Địa chỉ: Thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai Địa điểm khai thác: Mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.									
Giá bán từ 01/01/2026									
1	Đá xây dựng	Đá hộc	m ³	QCVB 16:2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	255.000
2	Đá xây dựng	Đá 4x6	m ³	QCVB 16:2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	290.000

3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	290.000
4	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	290.000
5	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	191.000
6	Đá xây dựng	Đá bẫy A	m3	TCVN8859:2011		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	215.000
7	Đá xây dựng	Đá bẫy B	m3	TCVN8859:2011		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	190.000
8	Đá xây dựng	Mặt đá	m3			Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	130.000
Giá bán từ 01/04/2026									
1	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	305.000
2	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	335.000
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	335.000
4	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	335.000
5	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	230.000
6	Đá xây dựng	Đá bẫy A	m3	TCVN8859:2011		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	265.000
7	Đá xây dựng	Đá bẫy B	m3	TCVN8859:2011		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	230.000

8	Đá xây dựng	Mạt đá	m3			Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	175.000
CÔNG TY TNHH XD LƯƠNG HÀ - Giấy phép khai thác hiệu lực: 06/12/2028; Chứng nhận hợp chuẩn (16/12/2024 - 15/12/2027)									
Giá bán từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 08/03/2026									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	200.000
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	272.727	
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	245.455	
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	227.273	
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	218.182	
6	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 1 (đá hỗn hợp không có đất)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	218.182	
7	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 2 (đá hỗn hợp có đất)	m3	TCVN 8859: 2023		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	150.000	
8	Đá xây dựng	Đá mặt	m3			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	127.273	
9	Đá xây dựng	Đá xô bỏ	m3			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	180.000	
Giá bán từ ngày 09/03/2026 (Theo bản kê khai giá của Công ty số 01/KKG-LH ngày 06/03/2026)									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	245.455
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	318.182	
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	290.909	
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	272.727	
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	263.636	
6	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 1 (đá hỗn hợp không có đất)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	263.636	
7	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 2 (đá hỗn hợp có đất)	m3	TCVN 8859: 2023		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	195.455	
8	Đá xây dựng	Đá mặt	m3			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	172.727	
9	Đá xây dựng	Đá xô bỏ	m3			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	225.455	
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HÀ - Chứng nhận hợp chuẩn (30/8/2024 - 29/8/2027) - Theo thông tin từ bản Kê khai giá số 05/KKG-PH ngày 06/3//2026 của Công ty CP Phú Hà									
Giá bán từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 09/03/2026									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (30/8/2024 - 29/8/2027)		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	200.000
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	272.727	
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	227.273	

4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	209.091
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	200.000
6	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 1 (đá hỗn hợp không có đất)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (30/8/2024 - 29/8/2027)		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	218.182
7	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 2 (đá hỗn hợp có đất)	m3	TCVN 8859: 2023			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	150.000
8	Đá xây dựng	Đá mặt	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	127.273
9	Đá xây dựng	Đá xô bỏ	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	180.000
Giá bán từ ngày 10/03/2026 (Theo bản kê khai giá của Công ty số 05/KKG-PH ngày 06/03/2026)									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (30/8/2024 - 29/8/2027)		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	245.455
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	318.182
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	290.909
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	272.727
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	263.636
6	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 1 (đá hỗn hợp không có đất)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (30/8/2024 - 29/8/2027)		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	263.636
7	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 2 (đá hỗn hợp có đất)	m3	TCVN 8859: 2023			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	195.455
8	Đá xây dựng	Đá mặt	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	172.727
9	Đá xây dựng	Đá xô bỏ	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	225.455
CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN BẢN CẦM - Giấy phép khai thác hiệu lực: 15/3/2029; Chứng nhận hợp chuẩn (21/4/2025- 20/4/2026) - Chính sách ưu đãi về giá cho những khách hàng lớn, khách hàng truyền thống của doanh nghiệp (Khách hàng có ký hợp đồng mua bán mua với khối lượng trên 1.000m3), Mức giá bán sẽ thấp hơn so với giá niêm yết trên 5,000d/m3 đến 10.000d/m3 tùy vào từng loại sản phẩm)									
Giá bán từ 20/12/2025 đến hết ngày 11/3/2026									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	181.818
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	236.364
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	200.000
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	195.455
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	181.818
6	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại I (Dmax=25mm)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	181.818
7	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại II (Dmax=37,5mm)	m3	TCVN 8859: 2023			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	145.455
8	Đá xây dựng	Đá mặt	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	127.273
Giá bán từ ngày 12/03/2026 (Theo Bản kê khai giá số 103 KKG/BC ngày 10/03/2026 của Công ty									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	218.182
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	290.909

3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bàn Cầm, thôn Bàn Cầm, xã Phong Hải	245.455
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bàn Cầm, thôn Bàn Cầm, xã Phong Hải	236.364
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bàn Cầm, thôn Bàn Cầm, xã Phong Hải	218.182
6	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại I (Dmax=25mm)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)		Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bàn Cầm, thôn Bàn Cầm, xã Phong Hải	218.182
7	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại II (Dmax=37,5mm)	m3	TCVN 8859: 2023			Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bàn Cầm, thôn Bàn Cầm, xã Phong Hải	163.636
8	Đá xây dựng	Đá mặt	m3				Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bàn Cầm, thôn Bàn Cầm, xã Phong Hải	145.455
Công ty TNHH VLXD SƠN THẠCH - Chứng nhận hợp chuẩn đến ngày 28/11/2027 (Theo báo cáo của Phòng Kinh tế xã Xuân Quang ngày /12/2025 và Bản đăng ký số 07/ST-PL ngày 03/03/2026 của Công ty TNHH VLXD Sơn Thạch)									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang	140.909
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	Chứng nhận hợp chuẩn (29/11/2024 - 28/11/2027)				Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang	231.818
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang	209.091
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang	195.455
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang	209.091
6	Đá xây dựng	Đá mặt	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang	81.818
7	Đá xây dựng	Đá xô bỏ	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang	-
CÔNG TY TNHH QUANG HƯNG - Giấy phép khai thác hiệu lực: 20/2/2027; Chứng nhận hợp chuẩn (05/12/2024 - 20/02/2027) - Theo báo cáo ngày 23/03/2026 của Phòng Kinh tế xã Mường Khương									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (05/12/2024 - 20/02/2027)			Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	186.364
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	231.818
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	213.636
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	195.454
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	154.545
6	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại I (Dmax=25mm)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (05/12/2024 - 20/02/2027)			Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	172.727
7	Đá xây dựng	Đá mặt (bột đá)	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	136.364
8	Đá xây dựng	Đá xô bỏ	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	118.182
9	Đá xây dựng	Cấp phối đá thải	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	118.182
CÔNG TY TNHH HƯNG PHÁT - Giấy phép khai thác hiệu lực: 13/7/2027; Chứng nhận hợp chuẩn (08/3/2025 - 07/3/2026); - Theo báo cáo ngày 23/03/2026 của Phòng Kinh tế xã Mường Khương									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	186.363

2	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (08/3/2025 - 07/3/2026)			Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	231.818
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	213.636
4	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	195.454
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	154.545
6	Đá xây dựng	Đá mặt (bột đá)	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	136.363
7	Đá xây dựng	Đá 3 (đá xô bỏ)	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	118.181
8	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại I (Dmax=25mm)	m3	TCVN 8859: 2023		Chứng nhận hợp chuẩn (08/3/2025 - 07/3/2026)			Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương
9	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại II (Dmax=37,5mm)	m3	TCVN 8859: 2023				Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	118.181
CÔNG TY TNHH MTV DUY HIẾU - Giấy phép khai thác hiệu lực: 19/01/2031; Chứng nhận hợp chuẩn (08/3/2025 - 07/3/2026) - Theo văn bản số 56/BC-PKT ngày 18/03/2026 của Phòng Kinh tế xã Xuân Hòa và Bản kê khai giá số 01/KKG ngày 12/03/2026 của Công ty TNHH MTV Duy Hiếu									
Giá bán từ đầu quý (01/01/2026) đến hết ngày 11/03/2026									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (08/3/2025 - 07/3/2026)			Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	190.909
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	222.727
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	204.545
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	195.454
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	154.545
6	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại I (Dmax=25mm)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (08/3/2025 - 07/3/2026)			Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	181.818
7	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại II (Dmax=37,5mm)	m3	TCVN 8859: 2023				Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	136.364
8	Đá xây dựng	Đá mặt	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	90.909
Giá bán từ ngày 12/03/2026									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (08/3/2025 - 07/3/2026)			Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	260.000
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	295.000
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	275.000
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	265.000
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	220.000
6	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại I (Dmax=25mm)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (08/3/2025 - 07/3/2026)			Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	250.000
7	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại II (Dmax=37,5mm)	m3	TCVN 8859: 2023				Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	200.000
8	Đá xây dựng	Đá mặt	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	150.000
CÔNG TY TNHH MTV TRUNG ANH - Giấy phép khai thác hiệu lực: 04/5/2031; Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)									
Giá bán từ ngày 03/01/2026 đến hết ngày 19/03/2026									

1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	190.909
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	250.000
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	220.000
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	220.000
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	210.000
6	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 1 (đá hỗn hợp không có đất)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	200.000
7	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 2 (đá hỗn hợp có đất)	m3	TCVN 8859: 2023				Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	150.000
8	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	TCVN 8859: 2023				Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	120.000
Giá bán từ ngày 20/03/2026									
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	210.000
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	290.000
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	260.000
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006				Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	240.000
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3					Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	250.000
6	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 1 (đá hỗn hợp không có đất)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	220.000
7	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 2 (đá hỗn hợp có đất)	m3	TCVN 8859: 2023				Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	170.000
8	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	TCVN 8859: 2023				Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	140.000
III XI MĂNG									
CÔNG TY TNHH HÒA BÌNH (Báo cáo số 9/BC-02 ngày 11/03/2026 của Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị UBND phường Yên Bái) Số điện thoại liên hệ: 02163.852.630 Thông tin về đại lý: Số nhà 349 đường Nguyễn Thái Học, tổ dân phố số 15, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai									
1	Xi măng	Xi măng CHINFON PCB30	kg	PCB30		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	1.831
2	Xi măng	Xi măng CHIINFON PCB40	kg	PCB40		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	1.859
3	Xi măng	Xi măng NORCEM PCB30	kg	PCB30	Vỏ 3 lớp	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	1.287
4	Xi măng	Xi măng NORCEM PCB40	kg	PCB40	Vỏ 3 lớp	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	1.379
5	Xi măng	Xi măng Yên Bái PCB30	kg	PCB30	Vỏ 2 lớp	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	1.285
6	Xi măng	Xi măng Yên Bái PCB30	kg	PCB30	Vỏ 3 lớp	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	1.300
7	Xi măng	Xi măng Yên Bái PCB40	kg	PCB40	Vỏ 2 lớp	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	1.385
8	Xi măng	Xi măng Yên Bái PCB40	kg	PCB40	Vỏ 3 lớp	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	1.400
9	Xi măng	Xi măng trắng	kg			CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	5.093
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG YÊN BÌNH (Văn bản số 530/UBND-KT ngày 25/3/2026 của UBND xã Yên Bình) Địa chỉ: Tổ 3, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam Số điện thoại: 0293886296 Thông báo hợp quy số 66/TB-SXD ngày 16/4/2025; Chứng nhận hợp quy hết hạn ngày 25/12/2026									
1	Xi măng	Xi măng PCB30	kg	TCVN 6260:2020	Vỏ 3 lớp	Công ty Cổ phần Xi Măng Yên Bình	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển tại nhà máy, chưa bao gồm cước vận chuyển	1.125
2	Xi măng	Xi măng PCB40	kg	TCVN 6260:2020	Vỏ 3 lớp	Công ty Cổ phần Xi Măng Yên Bình	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển tại nhà máy, chưa bao gồm cước vận chuyển	1.225

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI (Văn bản số 530/UBND-KT ngày 25/3/2026 của UBND xã Yên Bình) Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, thôn 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam Số điện thoại: 02163.885154 Thông báo hợp quy số 13/TB-SXD ngày 22/01/2024; Chứng nhận hợp quy hết hạn ngày 07/3/2027									
1	Xi măng	Xi măng PCB30 (XM Yên Bái)	kg	TCVN2682:2020	Bao 50 Kg	Công ty Cổ phần Xi Măng và Khoáng sản Yên Bái	Việt Nam	Giá tại nhà máy bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện	1.055
2	Xi măng	Xi măng PCB40 (XM Yên Bái)	kg	TCVN2682:2020	Bao 50 Kg	Công ty Cổ phần Xi Măng và Khoáng sản Yên Bái	Việt Nam	Giá tại nhà máy bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện	1.249
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRƯỜNG LÊ (Văn bản số 135/UBND-KTHTĐT ngày 16/3/2026 của UBND phường Trung Tâm) - Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xếp lên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại kho của đơn vị bán hàng. - Địa chỉ nơi bán hàng: Tổ 3, Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai. - Điện thoại: 02163870122									
1	Xi măng	Xi măng PCB30 (NORCEM Yên Bình)	kg	TCVN2682:2020	Bao 50 Kg	Công ty Cổ phần Xi Măng Yên Bình	Việt Nam	Chưa bao gồm cước VC	1.400
2	Xi măng	Xi măng PCB40 (NORCEM Yên Bình)	kg	TCVN2682:2020	Bao 50 Kg	Công ty Cổ phần Xi Măng Yên Bình	Việt Nam	Chưa bao gồm cước VC	1.500
1	Xi măng	Xi măng PCB30 (XM Yên Bái)	kg	TCVN2682:2020	Bao 50 Kg	Công ty Cổ phần Xi Măng và Khoáng sản Yên Bái	Việt Nam	Chưa bao gồm cước VC	1.400
2	Xi măng	Xi măng PCB40 (XM Yên Bái)	kg	TCVN2682:2020	Bao 50 Kg	Công ty Cổ phần Xi Măng và Khoáng sản Yên Bái	Việt Nam	Chưa bao gồm cước VC	1.500
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN MINH LONG (Theo Bản kê khai giá số T11/2025 ngày 09/12/2025 của Công ty TNHH ĐT&PT Minh Long)									
Giá bán lẻ áp dụng từ ngày 10/12/2025									
1	Xi măng	Xi măng Hoàng Long	Tấn	PCB30	PCB30		Việt nam	Giá bán tại kho trên phương tiện bên mua (Địa chỉ kho: Số 386 đường Bình Minh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai)	1.250.000
2	Xi măng	Xi măng Hoàng Long	Tấn	PCB40	PCB40		Việt nam	Giá bán tại kho trên phương tiện bên mua (Địa chỉ kho: Số 386 đường Bình Minh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai)	1.342.593
3	Xi măng	Xi măng Hà Trung	Tấn	PCB30	PCB30		Việt nam	Giá bán tại kho trên phương tiện bên mua (Địa chỉ kho: Số 386 đường Bình Minh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai)	1.250.000
4	Xi măng	Xi măng Hà Trung	Tấn	PCB40	PCB40		Việt nam	Giá bán tại kho trên phương tiện bên mua (Địa chỉ kho: Số 386 đường Bình Minh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai)	1.342.593
Giá bán lẻ áp dụng từ ngày 13/03/2026									
1	Xi măng	Xi măng Hoàng Long	Tấn	PCB30	PCB30		Việt nam	Giá bán tại kho trên phương tiện bên mua (Địa chỉ kho: Số 386 đường Bình Minh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai)	1.287.037
2	Xi măng	Xi măng Hoàng Long	Tấn	PCB40	PCB40		Việt nam	Giá bán tại kho trên phương tiện bên mua (Địa chỉ kho: Số 386 đường Bình Minh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai)	1.379.630
3	Xi măng	Xi măng Hà Trung	Tấn	PCB30	PCB30		Việt nam	Giá bán tại kho trên phương tiện bên mua (Địa chỉ kho: Số 386 đường Bình Minh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai)	1.296.296
4	Xi măng	Xi măng Hà Trung	Tấn	PCB40	PCB40		Việt nam	Giá bán tại kho trên phương tiện bên mua (Địa chỉ kho: Số 386 đường Bình Minh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai)	1.388.889
CÔNG TY TNHH XD&TM THÁI BÌNH MINH (Theo văn bản kê khai giá số 01/TBM-BG ngày 23/03/2026)									
Giá bán lẻ áp dụng từ ngày 23/03/2026									

1	Xi măng	Xi măng Tân Quang	Tấn	PCB 30	PCB 30	Công ty CP xi măng Tân Quang	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.185.185
2	Xi măng	Xi măng Tân Quang	Tấn	PCB 40	PCB 40	Công ty CP xi măng Tân Quang	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.277.778
3	Xi măng	Xi măng Yên Bái	Tấn	PCB 30	PCB 30	Công ty CP Xi măng và khoáng sản Yên Bái	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.092.593
4	Xi măng	Xi măng Yên Bái	Tấn	PCB 40	PCB 40	Công ty CP Xi măng và khoáng sản Yên Bái	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.185.185
5	Xi măng	XM Hải Phòng	Tấn	PCB 30	PCB 30	Công ty TNHH MTV xi măng vicem Hải Phòng	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.546.296
6	Xi măng	XM Hải Phòng	Tấn	PCB40	PCB40	Công ty TNHH MTV xi măng vicem Hải Phòng	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.564.815
7	Xi măng	Xi măng Bút Sơn	Tấn	PCB 30		Công ty cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.527.778
8	Xi măng	Xi măng Bút Sơn	Tấn	PCB 40		Công ty cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.546.296
9	Xi măng	Xi măng Yên Bình	Tấn	PCB 30	PCB 30	Công ty CP xi măng Yên Bình	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.185.185
10	Xi măng	Xi măng Yên Bình	Tấn	PCB 40	PCB 40	Công ty CP xi măng Yên Bình	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.277.778
11	Xi măng	Xi măng Mai Sơn	Tấn	PCB 30		Công ty cổ phần xi măng Mai Sơn	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.129.630
12	Xi măng	Xi măng Mai Sơn	Tấn	PCB 40		Công ty cổ phần xi măng Mai Sơn	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.222.222

13	Xi măng	Xi măng Miền Bắc	Tấn	PCB 30		Công ty CP kinh doanh xi măng Miền Bắc	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đồng Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.111.111
14	Xi măng	Xi măng Miền Bắc	Tấn	PCB 40		Công ty CP kinh doanh xi măng Miền Bắc	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đồng Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.203.704
IV THÉP XÂY DỰNG									
CÔNG TY TNHH HÒA BÌNH (Báo cáo số 9/BC-02 ngày 11/03/2026 của Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị UBND phường Yên Bái)									
Số điện thoại liên hệ: 02163.852.630									
Thông tin về đại lý: Số nhà 349 đường Nguyễn Thái Học, tổ dân phố số 15, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai									
1	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ6 +Φ8	kg	CT240-T	Φ6 +Φ8	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.272
2	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Φ8 Gai	kg	CB300 - V	Φ8 Gai	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.372
3	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ10 Gai 11,7m	kg	Gr40	Φ10 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	16.000
4	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ10 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ10 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	16.000
5	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ10 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ10 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	16.400
6	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ12 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ12 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.590
7	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ12 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ12 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.990
8	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ14 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ14 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.590
9	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ14 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ14 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.990
10	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ16 Gai 11,7m	kg	Gr40	Φ16 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.590
11	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ16 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ16 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.590
12	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ16 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ16 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.990
13	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ18 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ18 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.590
14	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ18 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ18 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.990
15	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ20 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ20 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.790
16	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ20 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ20 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	16.190
17	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ22 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ22 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.890
18	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ22 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ22 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	16.290
19	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ25 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ25 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	15.890
20	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ25 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ25 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	16.290
21	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ28 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ28 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	16.290
22	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ32 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ32 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	16.290
23	Thép xây dựng	Thép buộc 1ly đa hội	kg	không có thông tin		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	23.318
24	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép buộc 1ly	kg	Hòa Phát		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	23.818
25	Thép xây dựng	Đinh 5 phân	kg	Việt Nhật		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	22.272
26	Thép xây dựng	Đinh 7 phân	kg	Việt Nhật		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	21.772
27	Thép xây dựng	Thép góc: Góc 30x30 ĐH	kg	Gia công	30x30 ĐH	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	18.544
28	Thép xây dựng	Thép góc: Góc 40+50+63 ĐH	kg	Gia công	40+50+63 ĐH	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	18.031
29	Thép xây dựng	Thép góc: Góc 70+75 ĐH	kg	Gia công	70+75 ĐH	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	19.570
30	Thép xây dựng	Thép góc: 40+50+63+75 An Khánh	kg	TCVN197;TCVN198 (JISZ2241;JIS Z2248)	50+63+75 An Khánh	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	20.918
31	Thép xây dựng	Thép U+1: U50,65 Đức	kg	TCVN197;TCVN198 (JISZ2241;JIS Z2248)	U50,65 An Khánh	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	19.926
32	Thép xây dựng	Thép U+1: U80-100	kg	TCVN197;TCVN198 (JISZ2241;JIS Z2248)	U80-100 An Khánh	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	18.934
33	Thép xây dựng	Thép U+1: U120-140	kg	TCVN197;TCVN198 (JISZ2241;JIS Z2248)	U120-140 An Khánh	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	19.926
34	Thép xây dựng	Thép U+1: I100,120	kg	TCVN197;TCVN198 (JISZ2241;JIS Z2248)	I100,120 An Khánh	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	19.430
35	Thép xây dựng	Thép U+1: U Dập các loại từ 2,5-2,8	kg	Gia công		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	17.943
36	Thép xây dựng	Thép U+1: U dập các loại từ 3,0- 3,5	kg	Gia công		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	18.439
37	Thép xây dựng	Thép Hộp + Ống: Thép hộp đen, ống đen từ 0,8 đến 1,8 ly	kg	TCCS03:2012		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	19.818

38	Thép xây dựng	Thép Hộp + Ống: Hộp mạ kẽm, ống mạ kẽm từ 0,8 đến 1,8 ly	kg	TCCS03:2012		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý phường Yên Bái	19.272
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRƯỜNG LÊ (Văn bản số 135/UBND-KTHTĐT ngày 16/3/2026 của UBND phường Trung Tâm) Địa chỉ nơi bán hàng: Tổ 3, Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai. Điện thoại: 02163870122									
1	Thép xây dựng	Thép tròn trơn Φ 6; Φ 8 CB240-T	kg	TCVN 1651-2008	Cuộn	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	16.700
2	Thép xây dựng	Thép tròn gai Φ 8 CB300-V	kg	TCVN 1651-2008	Cây 11,7m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	17.000
3	Thép xây dựng	Thép tròn Φ 10 CB300-V	kg	TCVN 1651-2008	Cây 11,7m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	17.100
4	Thép xây dựng	Thép tròn Φ 12 CB300-V	kg	TCVN 1651-2008	Cây 11,7m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	16.800
5	Thép xây dựng	Thép tròn Φ 14 CB300-V	kg	TCVN 1651-2008	Cây 11,7m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	16.800
6	Thép xây dựng	Thép tròn Φ 16 CB300-V	kg	TCVN 1651-2008	Cây 11,7m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	16.800
7	Thép xây dựng	Thép tròn Φ 18 CB300-V	kg	TCVN 1651-2008	Cây 11,7m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	16.800
8	Thép xây dựng	Thép tròn Φ 20 CB300-V	kg	TCVN 1651-2008	Cây 11,7m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	16.800
9	Thép xây dựng	Thép tròn Φ 22 CB300-V	kg	TCVN 1651-2008	Cây 11,7m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	16.800
10	Thép xây dựng	Thép tròn Φ 25 CB300-V	kg	TCVN 1651-2008	Cây 11,7m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	16.800
11	Thép xây dựng	Thép buộc 1 ly	kg	TCVN 1651-2008	Cuộn	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	22.727
12	Đinh 5	Đinh 5	kg	TCVN 1651-2008	Dài 50mm	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	22.727
13	Đinh 7	Đinh 7	kg	TCVN 1651-2008	Dài 70mm	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	22.727
14	Thép xây dựng	Thép hình V30,V40, V50,V63,V70,V75	kg	TCVN 1651-2008	Cây 6m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	21.000
15	Thép xây dựng	Thép U50 Đúc		TCVN 1651-2008	Cây 6m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	21.000
16	Thép xây dựng	Thép U100 Đúc	kg	TCVN 1651-2008	Cây 6m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	21.000
17	Thép xây dựng	Thép U120 Đúc	kg	TCVN 1651-2008	Cây 6m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	21.000
18	Thép xây dựng	Thép I 100	kg	TCVN 1651-2008	Cây 6m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	21.000
19	Thép xây dựng	Thép dập U80,U100,U120	kg	TCVN 1651-2008	Cây 6m	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	21.000
20	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm 25x25,30x30,20x40, 30x60,40x40,40x80, 50x50,50x100	kg	TCVN 1651-2008	bó	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	21.000
21	Thép xây dựng	Ống thép mạ kẽm Φ26,62x1,1 ly	kg	TCVN 1651-2008	bó	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	21.000
22	Thép xây dựng	Ống thép mạ kẽm Φ 33,5 x 1,1 ly	kg	TCVN 1651-2008	bó	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	21.000
23	Thép xây dựng	Ống thép mạ kẽm Φ 42,2 x 1,1 ly	kg	TCVN 1651-2008	bó	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	21.000
24	Thép xây dựng	Ống thép mạ kẽm Φ 48,1 x 1,1 ly	kg	TCVN 1651-2008	bó	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	21.000
25	Thép xây dựng	Ống thép mạ kẽm Φ 59,9 x 1,1 ly	kg	TCVN 1651-2008	bó	Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	Giá bán tại nơi bán Tổ 3, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai, chưa bao gồm cước VC	21.000

22	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d32 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.570
23	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.870
24	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.670
25	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.670
26	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.670
27	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.670
28	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.670
29	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.670
30	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.670
31	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d28 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.670
32	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d32 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.670
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN									
THÉP CỐT BÊ TÔNG									
Giá bán từ ngày 26/12/2025 đến hết ngày 11/01/2026									
1	Thép xây dựng	Thép trơn CT3, CB240-T d6-T, d8-T	tấn		Thép cuộn	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.850
2	Thép xây dựng	Thép vằn SD295A, CB300-V D8	tấn		Thép cuộn	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.850
3	Thép xây dựng	Thép vằn SD295A, CB300-V D9	tấn		Cây (L=11,7m)	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.350
4	Thép xây dựng	Thép vằn CT5, SD295A, CB300-V D10	tấn		Thép cuộn	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.900
5	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CT5, SD295A, Gr40, CB300-V D10	tấn		Cây (L=11,7m)	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.300
6	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CT5, SD295A, CB300-V D12	tấn		Cây (L=11,7m)	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.100
7	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CT5, SD295A, Gr40, CB300-V D14-D40	tấn		Cây (L=11,7m)	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.050
8	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V D10	tấn		Cây (L=11,7m)	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.400
9	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V D12	tấn		Cây (L=11,7m)	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.200
10	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V D14-D40	tấn		Cây (L=11,7m)	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.150
Giá bán từ ngày 12/01/2026 đến hết ngày 18/01/2026									
1	Thép xây dựng	Thép trơn CT3, CB240-T d6-T, d8-T	tấn		Thép cuộn	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.050
2	Thép xây dựng	Thép vằn SD295A, CB300-V D8	tấn		Thép cuộn	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.050
3	Thép xây dựng	Thép vằn SD295A, CB300-V D9	tấn		Cây (L=11,7m)	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.550
4	Thép xây dựng	Thép vằn CT5, SD295A, CB300-V D10	tấn		Thép cuộn	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.100
5	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CT5, SD295A, Gr40, CB300-V D10	tấn		Cây (L=11,7m)	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.500

4	Thép xây dựng	Thép góc L63÷L65 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.400
5	Thép xây dựng	Thép góc L70÷L80 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.350
6	Thép xây dựng	Thép góc L90 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.200
7	Thép xây dựng	Thép góc L100 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.200
8	Thép xây dựng	Thép góc L120÷L130 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.650
9	Thép xây dựng	Thép góc L150 SS 400	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.000
10	Thép xây dựng	Thép góc L100 SS 540	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.000
11	Thép xây dựng	Thép góc L120÷L130 SS 540	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.000
12	Thép xây dựng	Thép góc L150 SS 540	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.400
13	Thép xây dựng	Thép C8÷10 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.450
14	Thép xây dựng	Thép C12 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.500
15	Thép xây dựng	Thép C14 SS 400, CT38, CT42,	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.750
16	Thép xây dựng	Thép C15 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.750
17	Thép xây dựng	Thép C16 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.750
18	Thép xây dựng	Thép I10 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.000
19	Thép xây dựng	Thép I12 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.950
20	Thép xây dựng	Thép I15 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.200
		Thép ngắn dài (L40-L75) các loại:							
21	Thép xây dựng	Độ dài 9m ≤ L <12m	tấn		9m ≤ L <12m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.770
22	Thép xây dựng	Độ dài 6m ≤ L <9m	tấn		6m ≤ L <9m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.460
23	Thép xây dựng	Độ dài 4m ≤ L <6m	tấn		4m ≤ L <6m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.150
24	Thép xây dựng	Độ dài 2m ≤ L <4m	tấn		2m ≤ L <4m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	12.830
		Thép ngắn dài (L80-L150,C,I) các loại:							
25	Thép xây dựng	Độ dài 9m ≤ L <12m	tấn		9m ≤ L <12m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.850
26	Thép xây dựng	Độ dài 6m ≤ L <9m	tấn		6m ≤ L <9m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.530
27	Thép xây dựng	Độ dài 4m ≤ L <6m	tấn		4m ≤ L <6m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.250
28	Thép xây dựng	Độ dài 2m ≤ L <4m	tấn		2m ≤ L <4m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	12.970
Giá bán từ ngày 12/02/2026 đến hết ngày 15/03/2026									
1	Thép xây dựng	Thép góc L40 SS 400, CT38, CT42,	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.850

2	Thép xây dựng	Thép góc L50 SS 400, CT38, CT42,	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.650
3	Thép xây dựng	Thép góc L60 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.650
4	Thép xây dựng	Thép góc L63÷L65 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.600
5	Thép xây dựng	Thép góc L70÷L80 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.550
6	Thép xây dựng	Thép góc L90 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.400
7	Thép xây dựng	Thép góc L100 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.400
8	Thép xây dựng	Thép góc L120÷L130 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.650
9	Thép xây dựng	Thép góc L150 SS 400	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.000
10	Thép xây dựng	Thép góc L100 SS 540	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.000
11	Thép xây dựng	Thép góc L120÷L130 SS 540	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.000
12	Thép xây dựng	Thép góc L150 SS 540	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.400
13	Thép xây dựng	Thép C8÷10 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.450
14	Thép xây dựng	Thép C12 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.500
15	Thép xây dựng	Thép C14 SS 400, CT38, CT42,	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.750
16	Thép xây dựng	Thép C15 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.750
17	Thép xây dựng	Thép C16 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.750
18	Thép xây dựng	Thép I10 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.000
19	Thép xây dựng	Thép I12 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.950
20	Thép xây dựng	Thép I15 SS 400, CT38, CT42	tấn	(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.200
		Thép ngắn dài (L40-L75) các loại:					
21	Thép xây dựng	Độ dài $9m \leq L < 12m$	tấn	$9m \leq L < 12m$		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.970
22	Thép xây dựng	Độ dài $6m \leq L < 9m$	tấn	$6m \leq L < 9m$		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.660
23	Thép xây dựng	Độ dài $4m \leq L < 6m$	tấn	$4m \leq L < 6m$		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.350
24	Thép xây dựng	Độ dài $2m \leq L < 4m$	tấn	$2m \leq L < 4m$		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.030
		Thép ngắn dài (L80-L150,C,I) các loại:					
25	Thép xây dựng	Độ dài $9m \leq L < 12m$	tấn	$9m \leq L < 12m$		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.850
26	Thép xây dựng	Độ dài $6m \leq L < 9m$	tấn	$6m \leq L < 9m$		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.530
27	Thép xây dựng	Độ dài $4m \leq L < 6m$	tấn	$4m \leq L < 6m$		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.250
28	Thép xây dựng	Độ dài $2m \leq L < 4m$	tấn	$2m \leq L < 4m$		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	12.970

Giá bán từ ngày 16/03/2026 đến hết ngày 22/03/2026								
1	Thép xây dựng	Thép góc L40 SS 400, CT38, CT42,	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.250
2	Thép xây dựng	Thép góc L50 SS 400, CT38, CT42,	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.050
3	Thép xây dựng	Thép góc L60 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.050
4	Thép xây dựng	Thép góc L63÷L65 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.000
5	Thép xây dựng	Thép góc L70÷L80 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.950
6	Thép xây dựng	Thép góc L90 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.900
7	Thép xây dựng	Thép góc L100 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.900
8	Thép xây dựng	Thép góc L120÷L130 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.150
9	Thép xây dựng	Thép góc L150 SS 400	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.500
10	Thép xây dựng	Thép góc L100 SS 540	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.300
11	Thép xây dựng	Thép góc L120÷L130 SS 540	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.300
12	Thép xây dựng	Thép góc L150 SS 540	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.700
13	Thép xây dựng	Thép C8÷10 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.050
14	Thép xây dựng	Thép C12 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.100
15	Thép xây dựng	Thép C14 SS 400, CT38, CT42,	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.350
16	Thép xây dựng	Thép C15 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.350
17	Thép xây dựng	Thép C16 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.350
18	Thép xây dựng	Thép I10 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.300
19	Thép xây dựng	Thép I12 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.250
20	Thép xây dựng	Thép I15 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.500
		Thép ngắn dài (L40-L75) các loại:						
21	Thép xây dựng	Độ dài 9m ≤ L < 12m	tấn		9m ≤ L < 12m		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.370
22	Thép xây dựng	Độ dài 6m ≤ L < 9m	tấn		6m ≤ L < 9m		Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.060

23	Thép xây dựng	Độ dài 4m ≤ L < 6m	tấn		4m ≤ L < 6m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.750
24	Thép xây dựng	Độ dài 2m ≤ L < 4m	tấn		2m ≤ L < 4m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.430
		Thép ngắn dài (L80-L150,C,I) các loại:							
25	Thép xây dựng	Độ dài 9m ≤ L < 12m	tấn		9m ≤ L < 12m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.350
26	Thép xây dựng	Độ dài 6m ≤ L < 9m	tấn		6m ≤ L < 9m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.030
27	Thép xây dựng	Độ dài 4m ≤ L < 6m	tấn		4m ≤ L < 6m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.750
28	Thép xây dựng	Độ dài 2m ≤ L < 4m	tấn		2m ≤ L < 4m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.470
Giá bán từ ngày 23/03/2026									
1	Thép xây dựng	Thép góc L40 SS 400, CT38, CT42,	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.450
2	Thép xây dựng	Thép góc L50 SS 400, CT38, CT42,	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.250
3	Thép xây dựng	Thép góc L60 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.250
4	Thép xây dựng	Thép góc L63÷L65 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.200
5	Thép xây dựng	Thép góc L70÷L80 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.150
6	Thép xây dựng	Thép góc L90 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.100
7	Thép xây dựng	Thép góc L100 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.100
8	Thép xây dựng	Thép góc L120÷L130 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.350
9	Thép xây dựng	Thép góc L150 SS 400	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.700
10	Thép xây dựng	Thép góc L100 SS 540	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.500
11	Thép xây dựng	Thép góc L120÷L130 SS 540	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.500
12	Thép xây dựng	Thép góc L150 SS 540	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.900
13	Thép xây dựng	Thép C8÷10 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.250
14	Thép xây dựng	Thép C12 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.300
15	Thép xây dựng	Thép C14 SS 400, CT38, CT42,	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.550
16	Thép xây dựng	Thép C15 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.550
17	Thép xây dựng	Thép C16 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.550

18	Thép xây dựng	Thép I10 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.500
19	Thép xây dựng	Thép I12 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.450
20	Thép xây dựng	Thép I15 SS 400, CT38, CT42	tấn		(L= 6m, 9m, 12m)			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.700
		Thép ngắn dài (L40-L75) các loại:							
21	Thép xây dựng	Độ dài 9m ≤ L <12m	tấn		9m ≤ L <12m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.570
22	Thép xây dựng	Độ dài 6m ≤ L <9m	tấn		6m ≤ L <9m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.260
23	Thép xây dựng	Độ dài 4m ≤ L <6m	tấn		4m ≤ L <6m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.950
24	Thép xây dựng	Độ dài 2m ≤ L <4m	tấn		2m ≤ L <4m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.630
		Thép ngắn dài (L80-L150,C,I) các loại:							
25	Thép xây dựng	Độ dài 9m ≤ L <12m	tấn		9m ≤ L <12m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.550
26	Thép xây dựng	Độ dài 6m ≤ L <9m	tấn		6m ≤ L <9m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.230
27	Thép xây dựng	Độ dài 4m ≤ L <6m	tấn		4m ≤ L <6m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.950
28	Thép xây dựng	Độ dài 2m ≤ L <4m	tấn		2m ≤ L <4m			Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	13.670
V GẠCH XÂY DỰNG									
CÔNG TY CPXD QUANG THỊNH - NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL VĂN CHẤN (Văn bản số 135/UBND-KTHTĐT ngày 16/3/2026 của UBND phường Trung Tâm) - Giá bán tại nơi khai thác, đã bao gồm: chi phí bốc xúc lên xe, thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường, tiền CQKTKS, tiền KQPHTM - Địa chỉ nơi khai thác: TDP 14, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai - Điện thoại: 0973970888									
1	Gạch xây dựng	Gạch rỗng 2 lỗ TC M75A1	viên		220x105x60	Công ty CPXD Quang Thịnh	Việt Nam	Giá tại nơi bán TDP 14, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	1.370
2	Gạch xây dựng	Gạch rỗng 2 lỗ M75A2	viên		220x105x60	Công ty CPXD Quang Thịnh	Việt Nam	Giá tại nơi bán TDP 14, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	970
3	Gạch xây dựng	Gạch đặc A1	viên		220x105x60	Công ty CPXD Quang Thịnh	Việt Nam	Giá tại nơi bán TDP 14, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	1.570
4	Gạch xây dựng	Gạch đặc A2	viên		220x105x60	Công ty CPXD Quang Thịnh	Việt Nam	Giá tại nơi bán TDP 14, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	1.200
5	Gạch xây dựng	Gạch cong	viên			Công ty CPXD Quang Thịnh	Việt Nam	Giá tại nơi bán TDP 14, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	1.100
CÔNG TY CP DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TÀI ĐỨC (Văn bản số 51/CV-KT ngày 12/3/2026 của Phòng Kinh tế UBND xã Việt Hồng) Địa chỉ nhà máy sản xuất: Tổ dân phố Đồng Quýt, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai Số điện thoại liên hệ: 0941.077.877									
1	Gạch xây dựng	Gạch chi rỗng không nung M75	Viên	QCVN 16:2019/BXD	(220x105x65)mm	Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình Tài Đức	Việt Nam	Giá bán tại bãi tập kết, đã bao gồm chi phí bốc xếp lên xe của đơn vị bên mua	1.190
2	Gạch xây dựng	Gạch chi đặc không nung M100	Viên	QCVN 16:2019/BXD	(220x105x65)mm	Công ty cổ phần sản xuất vật liệu và xây dựng công trình Tài Đức	Việt Nam	Giá bán tại bãi tập kết, đã bao gồm chi phí bốc xếp lên xe của đơn vị bên mua	1.260

CÔNG TY TNHH VĨNH THÀNH YÊN BÁI (Văn bản số 530/UBND-KT ngày 25/3/2026 của UBND xã Yên Bình) Địa chỉ: Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình Số điện thoại: 0968780561-0986037050 Giấy chứng nhận hợp quy (26/10/2023-25/10/2026)									
1	Gạch xây dựng	Gạch bê tông đặc M100	viên	TCVN	220x105x65mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	1.350
2	Gạch xây dựng	Gạch bê tông M75	viên	TCVN	220x105x65mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	1.350
3	Gạch xây dựng	Gạch bê tông giả đá	m2	TCVN 6476:1999	300x300x30mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	120.000
CÔNG TY TNHH VĨNH THÀNH YÊN BÁI Địa chỉ: Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình Số điện thoại: 0968780561-0986037050 Giấy chứng nhận hợp quy (26/10/2023-25/10/2026)									
1	Gạch xây dựng	Gạch bê tông đặc M100	viên	TCVN	220x105x65mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	1.370
2	Gạch xây dựng	Gạch bê tông M75	viên	TCVN	220x105x65mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	1.370
3	Gạch xây dựng	Gạch bê tông giả đá	m2	TCVN 6476:1999	300x300x30mm	Công ty TNHH Vĩnh Thành Yên Bái	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí bốc, xúc lên phương tiện bên mua tại Cảng Hương Lý, Thôn 13, xã Yên Bình	100.000
CÔNG TY CỔ PHẦN KHI NGOẠI QUAN ĐẠI AN Chứng nhận hợp quy (21/12/2024 - 20/12/2027); TB tiếp nhận hợp quy số 84/TB - SXD ngày 09/05/2025 hạn đến 12/02/2027 và số 02/TB-SXD ngày 02/01/2025 - Địa chỉ: Lô F12 đường Phùng Hưng, KCN Đông Phố Mới, phường Lào Cai - Điện thoại: 0362222222 - Theo văn bản đề nghị công bố giá của Công ty ngày 10/01/2026									
1	Gạch xây	Gạch bê tông (KT 220x100x48mm)	viên	QCVN 16:2023/BXD	M7,5 - 220x100x48mm	Công ty cổ phần Kho ngoại Quan Đại An		Giá trên phương tiện bên mua tại kho Lô F12 đường Phùng Hưng, KCN Đông Phố Mới, phường Lào Cai	1.350
2	Gạch xây	Gạch bê tông (KT 220x150x116)	viên	QCVN 16:2023/BXD	M7,5 - 220x150x116 mm	Công ty cổ phần Kho ngoại Quan Đại An		Giá trên phương tiện bên mua tại kho Lô F12 đường Phùng Hưng, KCN Đông Phố Mới, phường Lào Cai	2.930
3	Gạch xây	Gạch bê tông (KT 220x105x60 mm)	viên	QCVN 16:2023/BXD	M10,0 - 220x105x60 mm	Công ty cổ phần Kho ngoại Quan Đại An		Giá trên phương tiện bên mua tại kho Lô F12 đường Phùng Hưng, KCN Đông Phố Mới, phường Lào Cai	1.400
CÔNG TY CPSX -XNK PHÚ HƯNG - Theo Báo giá của công ty ngày 01/12/2025 - Địa chỉ công ty: Số 002A, đường Hàm Nghi, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai - Điện thoại: 0984 202 894									
Giá bán từ 01/01/2026 (dầu quý) đến hết 28/02/2026									
1	Gạch xây	Gạch nung rỗng 53-2T-20-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x95x53	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bát Xát	1.019
2	Gạch xây	Gạch nung đặc 53-M100	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x95x53	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bát Xát	1.343
3	Gạch xây	Gạch nung đặc 50-M100	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 200x90x50	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bát Xát	1.204
4	Gạch xây	Gạch nung rỗng 48-2T-15-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 196x88x48	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bát Xát	926

Giá bán từ 01/03/2026 đến hết ngày 15/03/2026									
1	Gạch xây	Gạch nung rỗng 53-2T-20-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x95x53	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bát Xát	1.204
2	Gạch xây	Gạch nung đặc 53-M100	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x95x53	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bát Xát	1.435
3	Gạch xây	Gạch nung đặc 50-M100	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 200x90x50	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bát Xát	1.574
4	Gạch xây	Gạch nung rỗng 48-2T-15-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 196x88x48	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bát Xát	1.157
Giá bán từ ngày 16/03/2026									
1	Gạch xây	Gạch nung rỗng 53-2T-20-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x95x53	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bát Xát	1.435
2	Gạch xây	Gạch nung đặc 53-M100	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x95x53	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bát Xát	1.620
3	Gạch xây	Gạch nung đặc 50-M100	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 200x90x50	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bát Xát	1.759
4	Gạch xây	Gạch nung rỗng 48-2T-15-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 196x88x48	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bát Xát	1.343
Công ty cổ phần sản xuất VLXD gốm Tân An (Theo báo cáo số 218/UBND-KT của Phòng Kinh tế xã Bảo Hà ngày 13/03/2026) - Giấy phép khai thác mỏ sét đến 16/10/2027; Thông báo hợp quy hạn đến 23/6/2027 - Điện thoại: 097 4191977									
1	Gạch xây	Gạch rỗng 60 - 2T- M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT (220*105*60mm)	Công ty cổ phần sản xuất VLXD gốm Tân An	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bảo Hà	1.389
2	Gạch xây	Gạch đặc 60 - M100	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT (220*105*60mm)	Công ty cổ phần sản xuất VLXD gốm Tân An	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bảo Hà	1.667
CÔNG TY CP SX VÀ XD TIẾN THÀNH - Địa chỉ công ty: Số nhà 202, Đường Điện Biên, Phường Lào Cai - Điện thoại: 0984 202 894 - Văn bản báo giá số 01/2026 ngày 12/03/2026 và số 02/2026 ngày 15/03/2026 của Công ty CP SX và XD Tiến Thành									
Giá bán từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 14/03/2026									
1	Gạch xây	Gạch bê tông (loại đặc)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác 10,0MPA; KT (220 x 105 x 60) mm			Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	1.300
2	Gạch xây	Gạch bê tông (loại đặc)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác 10,0MPA; KT (210 x 105 x 60) mm			Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	1.300
3	Gạch xây	Gạch bê tông (loại hai lỗ rỗng)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác ≥ 7,5; KT (220 x 105 x 60) mm			Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	1.300
4	Gạch xây	Gạch Terazo ngoại thất (gạch giả đá vuông)	viên	TCVN 7744: 2013	KT: (40 x 40 x 5) cm			Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	22.400
5	Gạch xây	Gạch Terazo ngoại thất	viên	TCVN 7744:2013	KT: (40 x 40 x 3) cm			Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	17.600
6	Gạch xây	Gạch Terazo ngoại thất	viên	TCVN: 7744:2013	KT: (40 x 40 x 5) cm			Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	24.000

7	Gạch tự chèn	Gạch lục lăng nhiều màu hoa văn chìm (23v/m ²);	viên	TCVN 6476: 1999	220x250x60mm		Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	5.565	
Giá bán từ ngày 15/03/2026									
1	Gạch xây	Gạch bê tông (loại đặc)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác 10,0MPA; KT (220 x 105 x 60) mm		Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	1.600	
2	Gạch xây	Gạch bê tông (loại đặc)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác 10,0MPA; KT (210 x 105 x 60) mm		Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	1.600	
3	Gạch xây	Gạch bê tông (loại hai lỗ rỗng)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác ≥ 7,5; KT (220 x 105 x 60) mm		Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	1.600	
4	Gạch xây	Gạch Terazo ngoại thất (gạch giả đá vuông)	viên	TCVN 7744: 2013	KT: (40 x 40 x 5) cm		Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	22.400	
5	Gạch xây	Gạch Terazo ngoại thất	viên	TCVN 7744:2013	KT: (40 x 40 x 3) cm		Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	20.800	
6	Gạch xây	Gạch Terazo ngoại thất	viên	TCVN: 7744:2013	KT: (40 x 40 x 5) cm		Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	25.600	
7	Gạch tự chèn	Gạch lục lăng nhiều màu hoa văn chìm (23v/m ²);	viên	TCVN 6476: 1999	220x250x60mm		Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	6.522	
CÔNG TY CỔ PHẦN TM&XD DUYÊN HẢI - Địa chỉ công ty: Lô 18, đường Thủ Dầu Một khu tiểu thủ CN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai - Điện thoại: 0982 661 666 - Giấy chứng nhận hợp quy số 131//QĐ-TTGD ngày 19/6/2024 của TTGDCLXD tỉnh Lào Cai, có hiệu lực đến 18/6/2027 - Theo báo cáo số 47/BC-PKT ngày 26/12/2025 của Phòng Kinh tế xã Gia Phú									
1	Gạch xây	Gạch Terazo ngoại thất	viên	TCVN 7744:2013	KT: (40 x 40 x 3) cm		Giá bán trên phương tiện bên mua tại Thôn Mường 1, xã Gia Phú	16.296	
2	Gạch xây	Gạch bê tông (loại đặc)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác 10,0MPA; KT (220 x 105 x 60) mm		Giá bán trên phương tiện bên mua tại Thôn Mường 1, xã Gia Phú	1.250	
3	Gạch xây	Gạch bê tông (loại hai lỗ rỗng)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác 7,5MPA; KT (220 x 105 x 60) mm		Giá bán trên phương tiện bên mua tại Thôn Mường 1, xã Gia Phú	1.204	
CÔNG TY CỔ PHẦN TM THÀNH CÔNG - Điện thoại: 0973 453 538 - Thông báo tiếp nhận hợp quy số 30/TB-SXD ngày 14/02/2025, hạn đến ngày 27/12/2027. - Theo báo cáo số 17/BC-PKT ngày 18/03/2026 của Phòng Kinh tế xã Gia Phú									
1	Gạch đất sét nung	Gạch đất sét nung, đặc 50-M100	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x90x50mm, Mác 100		Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.250	
2	Gạch đất sét nung	Gạch đất sét nung, rỗng 55-2T-20-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x95x55mm, 2 lỗ tròn, độ rỗng 20%, Mác 75		Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.065	

3	Gạch đất sét nung	Gạch đất sét nung, rỗng 55-2T-35-M50	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x95x55mm, 2 lỗ tròn, độ rỗng 35%, Mác 50			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	926
4	Gạch đất sét nung	Gạch đất sét nung, rỗng 60-2T-30-M50	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 220x105x60mm, 2 lỗ tròn, độ rỗng 30%, Mác 50			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.250
5	Gạch đất sét nung	Gạch đất sét nung, rỗng 60-2T-20-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 220x105x60mm, 2 lỗ tròn, độ rỗng 20%, Mác 75			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.481
CÔNG TY CỔ PHẦN TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRUNG KIÊN - CN TỈNH LÀO CAI - Địa chỉ công ty: - Điện thoại: 0963618045 - Thông báo tiếp nhận hợp quy số 95/TB-SXD ngày 21/5/2025, hạn đến ngày 19/03/2026 - Theo báo cáo số 17/BC-PKT ngày 18/03/2026 của Phòng Kinh tế xã Gia Phú									
1	Gạch đất sét nung	Gạch đất sét nung, rỗng 55-2T-20-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 210x95x55mm, 2 lỗ tròn, độ rỗng 20%, Mác 75			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.111
HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG MẠNH SAN (Văn bản số 262/UBND-KT ngày 24/3/2026 của UBND xã Đông Cuông) Địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn Sài Lương, Xã Đông Cuông, Tỉnh Lào Cai. Số điện thoại liên hệ: 0343099368 MST : 5200867374 Giấy chứng nhận chất lượng ISO : HT 1505 - 23; Giấy chứng nhận hợp quy QCVN : QC 3153 - 23;									
1	Gạch xây	Gạch Đặc A1	Viên	1.7kg - 2 kg / 200*95*53	Gạch Tuynel	HTX Mạnh San	Việt Nam	Giá bán tại thôn Sài Lương, xã Đông Cuông, tỉnh Lào Cai	1.450
2	Gạch xây	Gạch Đặc A2	Viên	1.7kg - 2 kg / 200*95*53	Gạch Tuynel	HTX Mạnh San	Việt Nam	Giá bán tại thôn Sài Lương, xã Đông Cuông, tỉnh Lào Cai	950
3	Gạch xây	Gạch Lỗ Bàn 10 A1	Viên	1.4kg - 1.6 kg / 200*95*53	Gạch Tuynel	HTX Mạnh San	Việt Nam	Giá bán tại thôn Sài Lương, xã Đông Cuông, tỉnh Lào Cai	1.250
4	Gạch xây	Gạch Lỗ Bàn 10 A2	Viên	1.4kg - 1.6 kg / 200*95*53	Gạch Tuynel	HTX Mạnh San	Việt Nam	Giá bán tại thôn Sài Lương, xã Đông Cuông, tỉnh Lào Cai	800
5	Gạch xây	Gạch Lỗ Bàn 9 A1	Viên	1.2kg - 1.4kg / 200*88*50	Gạch Tuynel	HTX Mạnh San	Việt Nam	Giá bán tại thôn Sài Lương, xã Đông Cuông, tỉnh Lào Cai	1.000
6	Gạch xây	Gạch Lỗ Bàn 9 A2	Viên	1.2kg - 1.4kg / 200*88*50	Gạch Tuynel	HTX Mạnh San	Việt Nam	Giá bán tại thôn Sài Lương, xã Đông Cuông, tỉnh Lào Cai	750
CÔNG TY TNHH LÂM HOÀNG LỤC YÊN (Văn bản số 469/UBND-PKT ngày 20/3/2026 của UBND xã Lục Yên; Văn bản số 488/UBND-PKT ngày 23/3/2026 của UBND xã Lục Yên) Địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn 13, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai Số điện thoại liên hệ: 0818334999 Thông tin về đại lý (Địa chỉ, SĐT): Công ty TNHH Lâm Hoàng Lục Yên Giấy chứng nhận chất lượng: ngày 12/8/2025; Giấy chứng nhận hợp quy số 0197/2025/QĐ-QUASTA-CE; Thông báo tiếp nhận hợp quy: số 019.25.00 cho sản phẩm gạch									
1	Gạch xây	Gạch không nung đặc M100	Viên	QCVN 16:2023/BXD	22x10,5x 6,5	Công ty TNHH Lâm Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán tại nơi sản xuất Thôn 13, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai	1.300
2	Gạch xây	Gạch không nung rỗng M75	Viên	QCVN 16:2023/BXD	22x10,5x 6,5	Công ty TNHH Lâm Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán tại nơi sản xuất Thôn 13, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai	1.250
VI NHÓM SẢN PHẨM GỖ, CỬA GỖ CÁC LOẠI									
Cơ sở sản xuất Lâm Sản Chung Thao									
Gỗ các loại									
1	Gỗ	Gỗ ly tó (nhóm 5,6)	m3			Cơ sở sản xuất Lâm Sản Chung Thao (Địa chỉ: TDP Mã Tuyển, TT Mường Khương; ĐT: 0945 196 886)		Giá bán tại xưởng	5.700.000
2	Gỗ	Gỗ cầu phong, xà gỗ (nhóm 5,6)	m3						5.700.000
3	Gỗ	Gỗ cốp pha nhóm 7,8	m3						2.800.000
4	Gỗ	Gỗ hộp nhóm 4	m3						4.700.000
5	Gỗ	Gỗ hộp nhóm 5,6	m3						4.500.000
Cửa gỗ các loại									
Cửa gỗ nhóm 3									
1	Gỗ	Cửa đi gỗ pa nô đặc, cửa chớp	m2			Cơ sở sản xuất Lâm Sản Chung Thao (Địa chỉ: TDP Mã Tuyển, TT Mường Khương; ĐT: 0945 196 886)		Giá bán tại xưởng	1.200.000
2	Gỗ	Cửa đi gỗ pa nô + kính trắng 5 ly	m2						1.100.000
3	Gỗ	Cửa sổ gỗ pa nô + kính trắng 5 ly	m2						1.100.000
4	Gỗ	Khung cửa đi, cửa sổ kép	md						900.000

5	Gỗ	Khung cửa đi, cửa sổ đơn	md					450.000
Cửa gỗ nhóm 4								
1	Gỗ	Cửa đi gỗ pa nô đặc, cửa chớp	m2		Cơ sở sản xuất Lâm Sản Chung Thao (Địa chỉ: TDP Mã Tuyên, TT Mường Khương; ĐT: 0945 196 886)	Giá bán tại xưởng		1.100.000
2	Gỗ	Cửa đi gỗ pa nô + kính trắng 5 ly	m2				1.000.000	
3	Gỗ	Cửa sổ gỗ pa nô + kính trắng 5 ly	m2				1.000.000	
4	Gỗ	Khung cửa đi, cửa sổ kép	md				800.000	
5	Gỗ	Khung cửa đi, cửa sổ đơn	md				400.000	
	Gỗ	Nẹp khuôn	md				30.000	
Cửa gỗ đôi								
1	Gỗ	Cửa đi gỗ pa nô đặc, cửa chớp	m2		Cơ sở sản xuất Lâm Sản Chung Thao (Địa chỉ: TDP Mã Tuyên, TT Mường Khương; ĐT: 0945 196 886)	Giá bán tại xưởng		2.600.000
2	Gỗ	Cửa đi gỗ pa nô + kính trắng 5 ly	m2				2.500.000	
3	Gỗ	Cửa sổ gỗ pa nô + kính trắng 5 ly	m2				2.500.000	
4	Gỗ	Khung cửa đi, cửa sổ kép	md				1.100.000	
5	Gỗ	Khung cửa đi, cửa sổ đơn	md				600.000	
Theo thông tin của UBND xã Bảo Hà tại văn bản số 218/UBND-KT ngày 13/03/2026								
	Gỗ	Gỗ cốp pha nhóm 7,8	m3			Giá bán tại xưởng		2.800.000
Xưởng gỗ tư nhân ông Sản Seo Lệnh (tại Thôn Pả Chư Ty, xã Lũng Phình, số điện thoại 0866.866.229)								
Gỗ các loại								
	Gỗ	Gỗ ly tồ (nhóm 5,6)	m3		Xưởng gỗ tư nhân ông Sản Seo Lệnh (tại Thôn Pả Chư Ty, xã Lũng Phình, số điện thoại 0866.866.229)	Giá bán tại xưởng		6.500.000
	Gỗ	Gỗ cầu phong, xà gỗ (nhóm 5,6)	m3				6.500.000	
	Gỗ	Gỗ cốp pha nhóm 7,8	m3				4.000.000	
	Gỗ	Gỗ hộp nhóm 5,6	m3				5.000.000	
Cửa gỗ nhóm 4								
	Gỗ	Cửa đi gỗ pa nô đặc, cửa chớp	m2		Xưởng gỗ tư nhân ông Sản Seo Lệnh (tại Thôn Pả Chư Ty, xã Lũng Phình, số điện thoại 0866.866.229)	Giá bán tại xưởng		1.200.000
	Gỗ	Cửa đi gỗ pa nô + kính trắng 5 ly	m2				1.200.000	
	Gỗ	Cửa sổ gỗ pa nô + kính trắng 5 ly	m2				1.200.000	
	Gỗ	Khung cửa đi, cửa sổ kép	md				500.000	
	Gỗ	Khung cửa đi, cửa sổ đơn	md				300.000	
	Gỗ	Nẹp khuôn	md				30.000	

PHỤ LỤC II

CÔNG BỐ THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG QUÝ I NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI
(VẬT TƯ NGÀNH ĐIỆN, VẬT TƯ NGÀNH NƯỚC)

(Kèm theo Văn bản số 1602/SXD-QLHXD ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai)

STT	Nhóm vật liệu (*)	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển(*)	Giá bán (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
I VẬT TƯ NGÀNH ĐIỆN									
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG THIÊN PHÚC Địa chỉ: Lô 4, cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình Giá bán áp dụng kể từ ngày 01/2/2026 đến khi có thông báo mới									
1	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 6m	cột	TCCS 01:2022/NL	Vươn 1.5m, dày 3mm. Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn.	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.079.131
2	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 7m	cột	TCCS 01:2022/NL	Vươn 1.5m, dày 3mm. Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn.	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.403.084
3	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 8m	cột	TCCS 01:2022/NL	Vươn 1.5m, dày 3mm. Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn.	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.278.632
4	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 8m	cột	TCCS 01:2022/NL	Vươn 1.5m, dày 3.5mm Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn.	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.695.669
5	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 9m	cột	TCCS 01:2022/NL	Vươn 1.5m, dày 3.5mm. Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn.	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.246.571
6	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 10m	cột	TCCS 01:2022/NL	Vươn 1.5m, dày 3.5mm. Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn.	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.698.341
7	Vật tư ngành điện	Cột thép bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 11m	cột	TCCS 01:2022/NL	Vươn 1.5m, dày 3.5mm. Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn.	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.427.592
8	Vật tư ngành điện	Cần đèn ngõ xóm lắp trên cột chữ H đơn và bê tông ly tâm đơn D60x3mm	cái	TCCS 01:2022/NL	Cao 1.380mm vươn 735mm + Bộ gông V63x6mm, mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.878.624
9	Vật tư ngành điện	Cần đèn ngõ xóm lắp trên cột chữ H đôi và bê tông ly tâm đôi D60x3mm	cái	TCCS 01:2022/NL	Cao 1.380mm vươn 735mm + Bộ gông V63x6mm, mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.993.778
10	Vật tư ngành điện	Cần đèn ngõ xóm lắp trên cột chữ H đơn và bê tông ly tâm đơn D60x3mm	cái	TCCS 01:2022/NL	Cao 1.800mm vươn 1200mm + Bộ gông V63x6mm, mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.175.278

11	Vật tư ngành điện	Cần đèn ngõ xóm lắp trên cột chữ H đôi và bê tông ly tâm đôi D60x3mm	cái	TCCS 01:2022/NL	Cao 1.800mm vưon 1200mm + Bộ gông V63x6mm, mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.356.778
12	Vật tư ngành điện	Cần đèn ngõ xóm lắp trên cột chữ H đơn và bê tông ly tâm đơn D60x3mm	cái	TCCS 01:2022/NL	Cao 2000mm vưon 1200mm + Bộ gông V63x6mm, mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.447.528
13	Vật tư ngành điện	Cần đèn ngõ xóm lắp trên cột chữ H đôi và bê tông ly tâm đôi D60x3mm	cái	TCCS 01:2022/NL	Cao 2000mm vưon 1200mm + Bộ gông V63x6mm, mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.583.653
14	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 14m	cột	TCCS 01:2022/NL	D1=120,D2=276 dày 4.5mm, chân đế 450x450	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	18.593.025
15	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 17m	cột	TCCS 01:2022/NL	D1=120,D2=276 dày 5mm, chân đế 450x450	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	25.475.588
16	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 20m	cột	TCCS 01:2022/NL	D1=150,D2=342 dày 5mm, chân đế 500x500	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	30.466.838
17	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông cao 6.2m	cột	TCCS 01:2022/NL	D1=210,D2=173 dày 6mm, tay vưon 6m D1=178,D2=80 dày 5mm,chân đế 450x450	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	20.911.968
18	Vật tư ngành điện	Khung móng M16x240x240x675	bộ	TCCS 01:2022/NL		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	775.953
19	Vật tư ngành điện	Khung móng M16x260x260x675	bộ	TCCS 01:2022/NL		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	781.006
20	Vật tư ngành điện	Khung móng M24x300x300x675	bộ	TCCS 01:2022/NL		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	878.885
21	Vật tư ngành điện	Khung móng M16x340x340x675	bộ	TCCS 01:2022/NL		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	788.586
22	Vật tư ngành điện	Khung móng M24x300x300x750	bộ	TCCS 01:2022/NL		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	883.938

23	Vật tư ngành điện	Khung móng 8M24x450x450x1250	bộ	TCCS 01:2022/NL		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.911.704
24	Vật tư ngành điện	Khung móng 8M30x4500x450x1350	bộ	TCCS 01:2022/NL		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.301.765
25	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX NLMT 40W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2019	Tấm thu solar 18V 130W Pin lưu trữ Lithium 12.8V 32-64AH	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.050.050
26	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX NLMT 50W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2020	Tấm thu solar 18V 130W Pin lưu trữ Lithium 12.8V 32-64AH	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.855.533
27	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX NLMT 60W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2021	Tấm thu solar 18V 130W Pin lưu trữ Lithium 12.8V 32-64AH	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.987.533
28	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX NLMT 70W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2023	Tấm thu solar 18V 130W Pin lưu trữ Lithium 12.8V 32-64AH	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.695.397
29	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX NLMT 80W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2025	Tấm thu solar 18V 160W Pin lưu trữ Lithium 12.8V 40-80AH	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.243.012
30	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX NLMT 100W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2027	Tấm thu solar 18V 160W Pin lưu trữ Lithium 12.8V 40-80AH	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	13.012.342
31	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX NLMT 120W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2028	Tấm thu solar 18V 200W Pin lưu trữ Lithium 12.8V 48-96AH	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	14.947.004
32	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX NLMT 150W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2029	Tấm thu solar 36V 240W Pin lưu trữ Lithium 25.6V 30-60AH	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	16.031.604
33	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX NLMT 180W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2030	Tấm thu solar 36V 320W Pin lưu trữ Lithium 25.6V 40-80AH	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	15.972.635
34	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX NLMT 200W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2031	Tấm thu solar 36V 320W Pin lưu trữ Lithium 25.6V 40-80AH	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	18.234.670

35	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 40W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2032	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.483.033
36	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 50W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2033	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.589.580
37	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 60W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2034	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.713.947
38	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 65W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2035	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.822.474
39	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 70W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2036	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.123.061
40	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 75W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2037	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.235.768
41	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 80W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2038	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.503.236
42	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 90W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2039	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.109.121
43	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 100W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2040	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.470.639
44	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 120W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2041	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.983.407
45	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 150W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2042	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.918.489
46	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 180W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2043	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.448.607

47	Vật tư ngành điện	Đèn LED LOTUX 200W DIM	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2044	Sử dụng DIM (tiết giảm công suất); Có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.262.607
48	Vật tư ngành điện	Đèn pha led TP01 150W	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2045		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.089.408
49	Vật tư ngành điện	Đèn pha led TP01 200W	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2046		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.988.880
50	Vật tư ngành điện	Đèn pha led TP01 250W	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2047		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.634.968
51	Vật tư ngành điện	Đèn pha led TP01 300W	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2048		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.413.523
52	Vật tư ngành điện	Đèn pha led TP01 400W	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2049		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.594.129
53	Vật tư ngành điện	Đèn pha led TP01 500W	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2050		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	11.813.919
54	Vật tư ngành điện	Đèn pha led TP01 600W	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2051		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	14.510.746
55	Vật tư ngành điện	Đèn pha led TP01 700W	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2052		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	16.625.359
56	Vật tư ngành điện	Đèn pha led TP01 800W	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2053		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	18.918.034
57	Vật tư ngành điện	Đèn pha led TP01 900W	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2054		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	20.194.309
58	Vật tư ngành điện	Đèn pha led TP01 1000W	bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2055		Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	22.664.927

80	Vật tư ngành điện	Bộ cung cấp tín hiệu thông minh (lắp trên đèn có tích hợp công chờ chiếu sáng thông minh)	Bộ	TCVN ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; TCVN 7722-2-3:2044	Lắp trên đèn có công chờ chiếu sáng thông minh	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Chiếu Sáng Thiên Phúc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ cụm công nghiệp Xuân Tiến, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.005.540
CÔNG TY TNHH MTV CADIVI MIỀN BẮC Địa chỉ: Lô D1-3, Khu công nghiệp Đại Đồng, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh Số điện thoại: (0222)2220456 - 0936.751.111 Giá bán áp dụng từ ngày 02/01/2026 đến khi có thông báo									
1	Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn cứng bọc PVC – 300/500 V VC/LF-0,50 (F 0,80)- 300/500 V	m	TCVN 6610-3:2000 (IEC 60227-3:1997)	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.240
2	Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn cứng bọc PVC – 300/500 V VC/LF-1,00 (F1,13)- 300/500 V	m	TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4:1997)	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.370
3	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng) VCmd/LF-2x0.5-(2x16/0.2)-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1:2005	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.220
4	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng) VCmd/LF-2x0.75-(2x24/0.2)-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1:2005	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.770
5	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng) VCmd/LF-2x1-(2x32/0.2)-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1:2005	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	11.260
6	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng) VCmd/LF-2x1,5-(2x30/0.25)-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1:2005	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	16.050
7	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng) VCmd/LF-2x2,5-(2x50/0.25)-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1:2005	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	26.010
8	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V-(ruột đồng) Vcmo/LF-2x1-(2x32/0.2)-300/500 V	m	TCVN 6610-5:2000 (IEC 60227-5)	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.550
9	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V-(ruột đồng) Vcmo/LF-2x1,5-(2x30/0.25)-300/500 V	m	TCVN 6610-5:2000 (IEC 60227-5)	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	17.680
10	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V-(ruột đồng) Vcmo/LF-2x6-(2x7x12/0.30)-300/500 V	m	TCVN 6610-5:2000 (IEC 60227-5)	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	64.210
11	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV-(ruột đồng) CV/LF-1.5 (7/0.52) - 0.6/1kV	m	AS/NZS 5000.1:2005	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.350
12	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV-(ruột đồng) CV/LF-2.5 (7/0.67) - 0.6/1kV	m	AS/NZS 5000.1:2005	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	13.610
13	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV-(ruột đồng) CV/LF-10 (7/1.35) - 0.6/1kV	m	AS/NZS 5000.1:2005	100m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	50.070

14	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV-(ruột đồng) CV-50 - 0.6/1kV	m	AS/NZS 5000.1:2005	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	227.150
15	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV-(ruột đồng) CV-240 - 0.6/1kV	m	AS/NZS 5000.1:2005	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.141.300
16	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV-(ruột đồng) CV-300 - 0.6/1kV	m	AS/NZS 5000.1:2005	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.431.540
17	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-1 (1x7/0.425) – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.090
18	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-1.5 (1x7/0,52) – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	11.670
19	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-6.0 (1x7/1.04) – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	34.580
20	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-25 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	124.260
21	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-50 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	230.190
22	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-95 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	454.050
23	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-150 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	702.390
24	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-2x1.5 (2x7/0.52)– 300/500 V	m	TCVN 6610-4	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	26.100
25	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-2x4 (2x7/0.85)– 300/500 V	m	TCVN 6610-4	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	56.520
26	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-2x10 (2x7/1.35)– 300/500 V	m	TCVN 6610-4	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	126.060
27	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-3x1.5 (3x7/0.52) – 300/500 V	m	TCVN 6610-4	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	34.430
28	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-3x2.5 (3x7/0.67) – 300/500 V	m	TCVN 6610-4	500m/ cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	52.030

59	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (2 lõi ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng nhôm bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-2x10 (2x7/1.35) - 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	145.020
60	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (2 lõi ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng nhôm bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-2x50 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	526.000
61	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (2 lõi ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng nhôm bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-2x150-0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.555.470
62	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-3x6 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	138.570
63	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-3x16 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	286.340
64	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-3x50 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	749.580
65	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-3x185 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.792.440
66	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-3x4+1x2,5 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	121.910
67	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-3x16+1x10 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	344.210
68	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA -3x50+1x25 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	874.530
69	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA -3x240+1x120 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.346.330
70	Vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn C-10	m	TCVN - 5064	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	47.230
71	Vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn C-50	m	TCVN - 5064	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	235.480
72	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế – 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DK-CVV-2x4 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	74.580
73	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế – 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DK-CVV-2x10 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	149.890

74	Vật tư ngành điện	Cáp điện kè - 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DK-CVVV-2x35 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	403.390
75	Vật tư ngành điện	Cáp điều khiển - 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV-2x1.5 (2x7/0.52) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	27.560
76	Vật tư ngành điện	Cáp điều khiển - 0,6/1 kV- (10 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV-10x2.5 (10x7/0.67) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	149.030
77	Vật tư ngành điện	Cáp điều khiển - 0,6/1 kV- (19 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV-19x4 (19x7/0.85) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	426.700
78	Vật tư ngành điện	Cáp điều khiển - 0,6/1 kV- (37 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV-37x2.5 (37x7/0.67) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	524.290
79	Vật tư ngành điện	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1 kV- (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV/Sc-3x1.5 (3x7/0.52) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	52.160
80	Vật tư ngành điện	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1 kV- (2->37 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV/Sc-8x2.5 (8x7/0.67) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	146.240
81	Vật tư ngành điện	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1 kV- (30 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV/Sc-30x2.5 (30x7/0.67) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	462.740
82	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV - (ruột đồng, có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ PVC) CX1V/WBC-95-12/20(24) kV	m	TCVN 5935-2	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	521.640
83	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV - (ruột đồng, có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ PVC) CX1V/WBC-240-12/20(24) kV	m	TCVN 5935-2	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.223.740
84	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế có màn chắn kim loại-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV - (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại bằng đồng 0.13 mm cho từng lõi, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/SE/DSTA-3x50-12/20(24)kV	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-2	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.303.120
85	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế có màn chắn kim loại-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV - (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại bằng đồng 0.13 mm cho từng lõi, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/SE/DSTA-3x240-12/20(24)kV	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-2	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.501.410
86	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế có màn chắn kim loại-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV - (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại bằng đồng 0.13 mm cho từng lõi, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/SE/DSTA-3x300-12/20(24)kV	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-2	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.344.600

87	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế có màn chắn kim loại-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV - (3 lõi, ruột đồng, bản dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bản dẫn cách điện, màn chắn kim loại bằng đồng 0.13 mm cho từng lõi, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/SE/DSTA-3x400-12/20(24)kV	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-2	200m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.652.990
88	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV)-0,6/1kV AV-16-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.640
89	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV)-0,6/1kV AV-35-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	19.520
90	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV)-0,6/1kV AV-120-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	60.890
91	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV)-0,6/1kV AV-500-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	242.010
92	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép ACSR-50/8 (6/3.2+1/3.2)	m	TCVN 5064	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	24.800
93	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép ACSR-95/16 (6/4.5+1/4.5)	m	TCVN 5064	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	47.440
94	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép ACSR-240/32 (24/3.6+7/2.4)	m	TCVN 5064	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	118.110
95	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế -0,6/1 kV- (2 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE) LV-ABC-2x50-0,6/1 kV (ruột nhôm)	m	TCVN 6447/AS 3560	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	54.730
96	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện FR-PVC) CV/FR-1x25 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	131.750
97	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện FR-PVC) CV/FR-1x240 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.167.170
98	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (1 lõi, ruột đồng, băng mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-95-0,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	479.960
99	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (1 lõi, ruột đồng, băng mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-240-0,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.221.560
100	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (1 lõi, ruột đồng, băng mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-300-0,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.522.500
101	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (2 lõi, ruột đồng, băng mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-2x1.5-0,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	44.310

117	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy ít khói, không halogen (3+1 lõi, ruột đồng, băng mica, cách điện XLPE, vỏ bọc LSHF) CXE/FR-LSHF-3x10+1x6 -0.6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	231.720
118	Vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời H1Z2Z2-K-4-1,5kV DC	m	BS EN 50618	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	27.580
119	Vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời H1Z2Z2-K-6-1,5kV DC	m	BS EN 50618	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	39.500
120	Vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời H1Z2Z2-K-300-1,5kV DC	m	BS EN 50618	500m/cuộn	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy công ty Lô D1-3 Khu Công nghiệp Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.628.790

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC
Địa chỉ: Số 30 khu C, khu đầu giá QSDD, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Số điện thoại: 0868496188
Địa chỉ nhà máy: QL3, xóm Đoàn Kết, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên

Đèn LED chiếu sáng (Chip Led: Epistar, Cree, Osram, Bridgelux, Nichia, Luxeon 3030, Citizen, Lumiled Philips; Nguồn LED (Driver): Philips, Osram, Meanwell, DONE, Inventronic)									
1	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố EPSILON-100W	Cái	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.286.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố NUY-100W DIM	Cái	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.100.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố NUY-150W DIM	Cái	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.320.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố UPSILON-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.990.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-100W, DIM	Cái	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.608.000

6	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-120W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.774.000
7	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.135.000
8	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.721.000
9	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-180W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.982.000
10	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX-50W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.250.000
11	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX- 60W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.980.000
12	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX- 80W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.484.000

13	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX-100W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.377.000
14	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX -100W DIM DALI	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.385.000
15	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX-120W DIM DALI	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.952.000
16	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX-150W DIM DALI	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.385.000
17	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX-160W DIM DALI	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.797.000
18	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố BWIN-100W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.710.000
19	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố BWIN-120W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.160.000

20	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CWIN -150W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.510.000
21	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố DWIN -150W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.010.000
22	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-50W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.015.000
23	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-80W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.955.000
24	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.641.000
25	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.345.000
26	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.936.000

27	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.510.000
28	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.239.000
29	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-50W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.817.200
30	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-70W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.980.000
31	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-75W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.390.000
32	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-90W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.121.000
33	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-100W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.177.000

34	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-100W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.585.000
35	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-120W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.774.000
36	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-120W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.258.000
37	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.235.000
38	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.721.000
39	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-160W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.797.000
40	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-100W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.328.000

41	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-120W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3:2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.850.000
42	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3:2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.018.000
43	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-80W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3:2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.070.000
44	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-100W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3:2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.536.000
45	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-120W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3:2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.050.000
46	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3:2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.881.000
47	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-180W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3:2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.280.000

48	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-200W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.480.000
49	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố ALUMOS-150W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.190.000
50	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời ALPHA-100W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.540.000
51	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-50W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.860.000
52	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-60W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.150.000
53	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời GAMMA-75W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.440.000
54	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời SIGMA-80W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.880.000

55	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-160W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.430.000
56	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-180W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	14.650.000
57	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời MOMO-120W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.120.000
58	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời NANO-150W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.230.000
59	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB05-200w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.297.000
60	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-250w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.395.000
61	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-300w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.795.000

62	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02- 400w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3:2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.155.000
63	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-500w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3:2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.995.000
64	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB03-600w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3:2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.952.000
65	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB04-800w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3:2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	14.167.800
66	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB07-1000w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3:2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	16.667.800
Khung móng									
67	Vật tư ngành điện	M16x240x240x500-4T (chiều dài 550)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	300.000
68	Vật tư ngành điện	M16x260x260x500-4T (chiều dài 550)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	325.000
69	Vật tư ngành điện	M16x340x340x500-4T (chiều dài 550)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	343.000
70	Vật tư ngành điện	M24x300x300x675-4T (chiều dài 750)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	500.000
71	Vật tư ngành điện	M24x400x1200-8T (chiều dài 1350) thép C45, lắp cột 13-16m	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.985.000

72	Vật tư ngành điện	M24x450x1350-8T (chiều dài 1500) thép C45, lắp cột 17-18m không nâng hạ	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.480.000
73	Vật tư ngành điện	M30x800x1750-18T (chiều dài 1750) thép C45, 2 tầng đĩa định vị lắp cột nâng hạ 17-25m	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.860.000
74	Vật tư ngành điện	M30x900x1750-20T (chiều dài 1750) thép C45, 2 tầng đĩa định vị lắp cột nâng hạ 30-35m	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.850.000
Cột đèn sân vườn trang trí									
75	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35 thân thép D141 LED 40W- 50W-100W cao 3,5m	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.115.000
76	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35 thân thép D114 LED 40W- 50W-100W cao 3,5m	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.685.000
77	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35 thân thép D168 LED 40W- 50W-100W cao 3,5m	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.120.000
78	Vật tư ngành điện	Đế DP03	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.116.000
79	Vật tư ngành điện	Cột DP01 (lắp cho cột sân vườn)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.147.000
80	Vật tư ngành điện	Cột cù tời DP04	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.905.000
81	Vật tư ngành điện	Cột sư tử DP02	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.699.000
82	Vật tư ngành điện	Đế cột PINE + Thân D108	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.900.000
83	Vật tư ngành điện	Đế cột DC06 + Thân D76	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.952.000
84	Vật tư ngành điện	Đế cột DC05 + Thân D108	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.794.000

85	Vật tư ngành điện	Cột DC01 (lắp cho cột thép)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.645.000
86	Vật tư ngành điện	Đế cột BANIAN + Thân D108	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.534.000
87	Vật tư ngành điện	Đế cột NOUVO + Thân D108	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.689.000
88	Vật tư ngành điện	Đế cột DC02 + Thân D76	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.513.000
Chùm đèn cột sân vườn									
89	Vật tư ngành điện	Chùm CH02 (4+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.178.000
90	Vật tư ngành điện	Chùm CH02 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.026.000
91	Vật tư ngành điện	Chùm CH04 (4+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.758.000
92	Vật tư ngành điện	Chùm CH04 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.524.000
93	Vật tư ngành điện	Chùm CH06 (4+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	972.000
94	Vật tư ngành điện	Chùm CH06 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	834.000
95	Vật tư ngành điện	Chùm CH07 (4+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.717.000
96	Vật tư ngành điện	Chùm CH07 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.386.000
97	Vật tư ngành điện	Chùm CH08 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.358.000
98	Vật tư ngành điện	Chùm CH11 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.717.000

99	Vật tư ngành điện	Chùm CH11 (4+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.993.000
100	Vật tư ngành điện	Chùm CH12 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.593.900
101	Vật tư ngành điện	Đèn Jupiter	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Nhựa	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.731.000
102	Vật tư ngành điện	Cột Alequyn+Chùm Alequyn (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.766.000
Cần đèn lắp vào thân cột thép - D78 mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123									
103	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB01-D	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.157.000
104	Vật tư ngành điện	Cần kép MB01-K	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.595.000
105	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB02-D	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	961.000
106	Vật tư ngành điện	Cần kép MB02-K	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.340.000
107	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB06-D	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	686.000
108	Vật tư ngành điện	Cần kép MB06-K	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.013.000
109	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB03-D	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.079.000
110	Vật tư ngành điện	Cần kép MB03-K	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.699.000
111	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB04-D, MB05-D, MB07-D, MB08-D, MB09-D, MB10-D	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.378.000
112	Vật tư ngành điện	Cần kép MB04-K, MB05-K, MB07-K, MB08-K, MB09-K, MB10-K	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.617.000
Cột thép chiếu sáng - Liên cần đơn mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123									

113	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=4m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.650.000
114	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=5m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.950.000
115	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.500.000
116	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.897.000
117	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.262.000
118	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.328.000
119	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.156.000
120	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.858.000
121	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.735.000
122	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.404.000
123	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.033.000
124	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.365.000
125	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.043.000
126	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=12m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.255.000

Thân cột thép chiếu sáng - D78 mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123

127	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=3m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.550.000
128	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=4m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.700.000
129	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=5m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.268.000
130	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.046.000
131	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.543.000
132	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.591.000
133	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.653.000
134	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.199.000
135	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.000.000
136	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.598.000
137	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.772.000
138	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.617.000
139	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn H=12m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.179.000
Cột giàn đèn nâng hạ mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123, nâng hạ tự động giàn đèn, kim thu sét thụ động D16, đèn báo không									
140	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 17m (có bộ điện nâng hạ, hạ, lực bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	97.400.000

141	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 20m (có bộ điện nâng hạ, long bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	109.400.000
142	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 25m (có bộ điện nâng hạ, long bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	119.400.000
143	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 30m (có bộ điện nâng hạ, long bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	134.000.000
144	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 35m (có bộ điện nâng hạ, long bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	158.000.000
Cột đèn pha sân Golf mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123									
145	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn côn 13m (dày 4mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	16.500.000
146	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn côn 14m (dày 4mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	18.520.000
147	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn côn 15m (dày 4/5mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	23.530.000
148	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn côn 16m (dày 4/5mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	24.521.000
149	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn côn 17m (dày 5/6mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	27.520.000
150	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn côn 18m (dày 5/6mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	29.670.000
151	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn côn 19m (dày 5/6mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	33.500.000
Nắp hồ ga, song chắn rác bằng vật liệu Composite/Gang									
152	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang 860x430mm + Khung 960x530mm tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.000.000
153	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang 860x430mm + Khung 960x530mm tải trọng 25 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.250.000
154	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang 860x430mm + Khung 960x530mm tải trọng 40 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.980.000

155	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite , Gang 860x430mm tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.400.000
156	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite , Gang 860x430mm tải trọng 25 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.050.000
157	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite , Gang 860x430mm tải trọng 40 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.450.000
158	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang 960x530mm tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.680.000
159	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang 960x530mm tải trọng 25 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.850.000
160	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang 960x530mm tải trọng 40 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.250.000
161	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite 960x530mm tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.030.000
162	Vật tư ngành nước	Nắp hồ ga Composite, Gang 850x850mm tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.100.000
163	Vật tư ngành nước	Nắp hồ ga Composite, Gang 850x850mm tải trọng 25 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.230.000
164	Vật tư ngành nước	Nắp hồ ga Composite, Gang 850x850mm tải trọng 40 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.980.000
165	Vật tư ngành nước	Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900mm D700 tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.700.000
166	Vật tư ngành nước	Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900mm D700 tải trọng 25 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.750.000
167	Vật tư ngành nước	Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900mm D700 tải trọng 40 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.250.000
168	Vật tư ngành nước	Nắp thăm thu kết hợp CPS KT 1660x950mm Tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.600.000

Cột đèn Tín hiệu giao thông

169	Vật tư ngành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 6,2m dày 6mm, tay vịn đơn 6m dày 5mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.900.000
170	Vật tư ngành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 6,2m dày 6mm, tay vịn đơn 4m dày 5mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.300.000
171	Vật tư ngành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 3,3m, tay vịn đơn 4m, dày 5mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.600.000
172	Vật tư ngành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 6,2m dày 6mm, tay vịn vuông góc 5m + 2m dày 4mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	13.000.000
173	Vật tư ngành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 5,6m, tay vịn đơn 5m, dày 5mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.600.000
174	Vật tư ngành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 4,4m dày 3mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.670.000
175	Vật tư ngành điện	Thanh giá treo đèn thép mạ kẽm D60 dày 3mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	450.000
176	Vật tư ngành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 2,5m dày 3mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.140.000
177	Vật tư ngành điện	Đèn cảnh báo tín hiệu giao thông màu vàng, màu đỏ, đi chậm SLOW D300 sử dụng năng lượng mặt trời (đã bao gồm pin năng lượng mặt trời, tủ điều khiển) hoặc điện áp (12V-24V-48V-220V)	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô Nhựa ABS/Thép/Hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.535.000
178	Vật tư ngành điện	Đèn tín hiệu giao thông 3 màu xanh, đỏ, vàng (72-125LED), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.056.000
179	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D100	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.560.000
180	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D200	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.060.000
181	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D300 (128-168-216 LED)	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.970.000
182	Vật tư ngành điện	Đèn mũi tên chỉ hướng màu xanh D300, (125 LED)	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vô Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.900.000

183	Vật tư ngành điện	Đèn chữ thập D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.180.000
184	Vật tư ngành điện	Đèn LED chữ thập D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.620.000
185	Vật tư ngành điện	Đèn LED đốm ngược D300 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.835.000
186	Vật tư ngành điện	Đèn LED đốm ngược D400 (Led) vỏ hộp thép và tay đỡ	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS/Thép/Hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.295.000
187	Vật tư ngành điện	Đèn LED đốm ngược D600 (Led) vỏ hộp và tay đỡ thép sơn tĩnh điện	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS/Thép/Hộp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.000.000
188	Vật tư ngành điện	Đèn LED đi bộ 2 x D300 (72/73 Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.900.000
189	Vật tư ngành điện	Đèn LED đi bộ D300 (48/48 Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.950.000
190	Vật tư ngành điện	Trụ tụ điều khiển tín hiệu giao thông ổn áp 2000VA, UPS 1400VA, 1,2,3 pha (12V-24V-48V-220V) KT: 1000x600x400mm	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Hyundai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	52.500.000
191	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 50A (vỏ tủ 1200x600x400, tôn dày 1,2mm, thiết bị đóng cắt LS Hàn Quốc chính hãng) chưa bao gồm Công tơ điện lực cấp	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Hyundai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.350.000
192	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 63A (vỏ tủ 1200x600x400, tôn dày 1,2mm, thiết bị đóng cắt LS Hàn Quốc chính hãng) chưa bao gồm Công tơ điện lực cấp	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Hyundai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.950.000
193	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 100A (vỏ tủ 1200x600x400, tôn dày 1,2mm, thiết bị đóng cắt LS Hàn Quốc chính hãng) chưa bao gồm Công tơ điện lực cấp	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Hyundai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.950.000
194	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 50A (vỏ tủ 1200x600x350, tôn dày 1,5mm, thiết bị đóng cắt LS Hàn Quốc chính hãng) chưa bao gồm Công tơ điện lực cấp	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Hyundai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	11.350.000
195	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 63A (vỏ tủ 1200x600x350, tôn dày 1,5mm, thiết bị đóng cắt LS Hàn Quốc chính hãng) chưa bao gồm Công tơ điện lực cấp	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Hyundai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.950.000
196	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 100A (vỏ tủ 1200x600x350, tôn dày 1,5mm, thiết bị đóng cắt LS Hàn Quốc chính hãng) chưa bao gồm Công tơ điện lực cấp	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Hyundai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.950.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SANTO

Địa chỉ trụ sở: Tầng 4, Tòa nhà 29T1, Lô đất N05 khu đô thị Đông Nam, đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ nhà máy sản xuất: Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Số điện thoại: 024 3556 5727 - 0934500486

1	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 25	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 32mm, đường kính trong 25mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10.200
2	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 30	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 40mm, đường kính trong 30mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	11.900
3	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 40	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 50mm, đường kính trong 40mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	17.100
4	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 50	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 65mm, đường kính trong 50mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	23.400
5	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 65	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 85mm, đường kính trong 65mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	34.000
6	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 72	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 95mm, đường kính trong 72mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	38.200
7	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 80	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 105mm, đường kính trong 80mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	44.200
8	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 90	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 110mm, đường kính trong 90mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	50.900
9	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 100	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 130mm, đường kính trong 100mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	62.500
10	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 125	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 160mm, đường kính trong 125mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	97.100
11	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 150	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 195mm, đường kính trong 150mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	132.600
12	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 160	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 205mm, đường kính trong 160mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	160.000
13	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 175	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 230mm, đường kính trong 175mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	197.800
14	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 200	m	TCVN8699:2011;TCVN799 7:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 260mm, đường kính trong 200mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	236.400

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HUY BẢO

Địa chỉ nhà máy: Lô CN3.2C, khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đồng Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Số điện thoại: 0387908952 - 0387556886

1	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEX)	m	TCVN 8699:2011	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN32	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	15.000
2	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEX)	m	TCVN 8699:2012	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN40	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	21.000
3	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEX)	m	TCVN 8699:2013	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN50	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	29.000
4	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEX)	m	TCVN 8699:2014	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN95	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	65.000
5	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEX)	m	TCVN 8699:2015	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN125	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	121.000
6	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEX)	m	TCVN 8699:2016	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN150	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	165.000
7	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEX)	m	TCVN 8699:2017	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN200	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	290.000

CÔNG TY CỔ PHẦN WINCO VIỆT NAM

Địa chỉ công ty: Ô 12 TT3, Khu đô thị Văn Phú, phường Kiến Hưng, TP Hà Nội

Số điện thoại: 0246.2934.886 - 0982.405.086

CỘT THÉP LIÊN CÁN ĐƠN MẠ KẸM NHÚNG NÓNG

6	Vật tư ngành điện	Đế gang DC05B cao 1,58m thân cột thép cao 8m ngon D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	11.121.600
7	Vật tư ngành điện	Đế gang DC05B cao 1,58m thân cột thép cao 9m ngon D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	11.707.500
8	Vật tư ngành điện	Đế gang DC05B cao 1,58m thân cột thép cao 10m ngon D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	12.146.400
9	Vật tư ngành điện	Đế gang sứ từ cao 2,9m thân cột thép cao 9m ngon D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	17.670.000
10	Vật tư ngành điện	Đế gang sứ từ cao 2,9m thân cột thép cao 10m ngon D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	19.800.000
CỘT ĐA GIÁC MÀ KÉM NHỮNG NÓNG									
1	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 14m-130-5mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	19.636.000
2	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 17m-150-5mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	25.905.000
3	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 20m-180-5mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	35.175.000
4	Vật tư ngành điện	Lọng bắt pha không đèn 8 cạnh	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.750.000
5	Vật tư ngành điện	Cột đa giác nâng hạ 20m- ngon D260/600-5/5mm, bắt 8-16 đèn	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	145.000.000
6	Vật tư ngành điện	Cột đa giác nâng hạ 25m- ngon D260/600-5/6/6mm, bắt 8-16 đèn	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	185.000.000
7	Vật tư ngành điện	Cột đa giác nâng hạ 30m- ngon D260/673-5/6/8mm, bắt 8-16 đèn	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	225.000.000
8	Vật tư ngành điện	Cột đa giác nâng hạ 35m- ngon D260/728-6/6/8/8mm, bắt 8-16 đèn	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	350.000.000
9	Vật tư ngành điện	Cột đa giác SVD 30M + Dàn thao tác và Giá lắp đèn 24 - 32 đèn pha, có thang treo - ngon D950/450- 9/9/9/6mm dày 10/8/8/8mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	550.000.000
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG PHỐ									
ĐÈN ĐƯỜNG LED A-WIN MAX; CHÍP LED NICHIA-JAPAN/PHILIPS; DRIVER: INVENTRONICS/PHILIPS; BẢO VỆ XUNG ÁP 25KV-10KA;									
1	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 60-80W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	7.875.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 90-100W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2012	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	8.375.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 110-150W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2013	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	8.750.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 160-200W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2014	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	10.125.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 210-240W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2015	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	11.875.000
6	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 250W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2016	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	14.125.000
ĐÈN ĐƯỜNG LED A-WIN MINI; CHÍP LED NICHIA-JAPAN/PHILIPS; DRIVER: INVENTRONICS/PHILIPS; BẢO VỆ XUNG ÁP 25KV-10KA;									
1	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 40-50W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.153.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 60-70W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.562.500
3	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 80-100W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.982.500
4	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 110-120W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	7.125.000
ĐÈN ĐƯỜNG LED B-WIN; CHÍP LED NICHIA-JAPAN/PHILIPS; DRIVER: INVENTRONICS/PHILIPS; BẢO VỆ XUNG ÁP 25KV-10KA;									
1	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led B-WIN công suất 40W-50W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.820.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led B-WIN công suất 60W-100W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	7.500.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led B-WIN công suất 110W-150W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	8.700.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led B-WIN công suất 160W-200W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	10.950.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led B-WIN công suất 210W-250W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	12.480.000
ĐÈN ĐƯỜNG LED C-WIN MAX; CHÍP LED NICHIA-JAPAN/PHILIPS; DRIVER: INVENTRONICS/PHILIPS; BẢO VỆ XUNG ÁP 25KV-10KA;									
1	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MAX công suất 60-80W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	7.625.000

10	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 830 công suất 60w-80w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vô nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	4.120.000
11	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 830 công suất 100w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vô nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	4.580.000
12	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 830 công suất 120w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vô nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.045.000
13	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 830 công suất 150w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vô nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.250.000
ĐÈN PHA LED HAPY 701: CHIP LED LUMILEDS; DRIVER: DIM 6 cấp; BAO VỆ XUNG ÁP 15KV;									
1	Vật tư ngành điện	Đèn pha led HAPY 701 công suất 200w	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vô nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	4.550.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn pha led HAPY 701 công suất 250w	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vô nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.350.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn pha led HAPY 701 công suất 300w	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vô nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.890.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn pha led HAPY 701 công suất 400w	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vô nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.850.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn pha led HAPY 701 công suất 600w	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vô nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	8.800.000
PHỤ KIỆN CHIẾU SÁNG									
1	Vật tư ngành điện	Cọc tiếp địa V63x63x6x2500	cọc	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	630.000
2	Vật tư ngành điện	KM cột M16x340x340x500	móng	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	450.000
3	Vật tư ngành điện	KM cột M16x260x260x500	móng	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	425.000
4	Vật tư ngành điện	KM cột M16x240x240x525	móng	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	415.500
5	Vật tư ngành điện	KM cột M24x300x300x675	móng	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	595.000
6	Vật tư ngành điện	KM cột đa giác M24x1375x8T	móng	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.075.000
7	Vật tư ngành điện	KM cột đa giác M30x1750x20T	móng	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	14.327.500
8	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1200x600x350 thiết bị ngoại 100A	tủ	TCVN 5828:1994	Vô thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	17.029.950
9	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1200x600x350 thiết bị ngoại 50A	tủ	TCVN 5828:1994	Vô thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	13.650.000
10	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1000x600x350 thiết bị ngoại 100A	tủ	TCVN 5828:1994	Vô thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	16.342.200
11	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1000x600x350 thiết bị ngoại 50A	tủ	TCVN 5828:1994	Vô thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	13.125.000
HỆ THỐNG TRUNG TÂM ĐIỀU KHIỂN GIÁM SÁT QUẢN LÝ ĐÈN ĐƯỜNG THÔNG MINH									
1	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh 60-100A có gắn bộ kết nối trung tâm thu phát tín hiệu điều khiển (Gateway) sử dụng 01 Sim điện thoại 4G và 01 ăngten đi kèm. Bộ kết nối trung tâm (Gateway) được kết nối trực tiếp với mạng internet để chuyển tín hiệu điều khiển về máy chủ, phần mềm của Việt Nam và trung tâm điều khiển và quản lý chiếu sáng công cộng thông minh.	tủ	ISO 9001:2015/ QCVN 122:2020/BTTTT	Vô thép sơn tĩnh điện	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	85.000.000
2	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển Nema thông minh IDIM-WINCO/923LR tại đèn	Bộ	ISO 9001:2015/ QCVN 122:2020/BTTTT	Vô nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	2.798.000
3	Vật tư ngành điện	Bộ công chờ thông minh trong tương lai NEMA Shorting Cap	Bộ	ISO 9001:2015/ QCVN 122:2020/BTTTT	Vô nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	500.000
SẢN PHẨM ỒNG NHỰA XOẢN									
1	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 32/25	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	12.800
2	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 40/30	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	14.900
3	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 50/40	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	21.400

4	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 65/50	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	29.300
5	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 85/65	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	42.500
6	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 90/72	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	52.400
7	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 105/80	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	55.300
8	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 110/90	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	63.600
9	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 130/100	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	78.100
10	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 160/125	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	121.400
11	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 195/150	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	165.800
12	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 230/175	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	247.200
13	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 260/200	m	ISO 9001:2015/TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	295.500
CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN									
Địa chỉ công ty: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội									
Số điện thoại: 02466725186 - 02438489055									
DÂY ĐƠN MỀM ĐIỆN ÁP 300/500V									
1	Vật tư ngành điện	VCSF 1x0.3	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.930
2	Vật tư ngành điện	VCSF 1x0.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.010
3	Vật tư ngành điện	VCSF 1x0.7	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.300
4	Vật tư ngành điện	VCSF 1x1.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	5.380
DÂY ĐƠN MỀM ĐIỆN ÁP 450/750V									
1	Vật tư ngành điện	VCSF 1x1.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	7.770
3	Vật tư ngành điện	VCSF 1x2.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	12.500
4	Vật tư ngành điện	VCSF 1x4.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	20.000
5	Vật tư ngành điện	VCSF 1x6.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	30.810
6	Vật tư ngành điện	VCSF 1x10	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	54.150
DÂY ĐIỆN HẠ THẾ CU/PVC - 1 RUỘT CỨNG									
1	Vật tư ngành điện	VC 1 x 1,5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	8.070
2	Vật tư ngành điện	VC 1 x 2,5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	12.770
3	Vật tư ngành điện	VC 1 x 4,0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	20.710
4	Vật tư ngành điện	VC 1 x 6,0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	30.920
DÂY ỐVAN 2 RUỘT MỀM									
1	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x0.3	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.850
2	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x0.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	7.450
3	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x0.7	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	9.260
4	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x1.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	11.620
5	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x1.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	16.160
6	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x2.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	26.600
7	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x4.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	42.400

14	Vật tư ngành điện	ACKII 150/24	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	129.400
15	Vật tư ngành điện	ACKII 150/34	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	120.800
16	Vật tư ngành điện	ACKII 185/24	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	134.500
17	Vật tư ngành điện	ACKII 185/29	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	129.000
18	Vật tư ngành điện	ACKII 185/43	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	123.100
19	Vật tư ngành điện	ACKII 185/128	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	93.800
20	Vật tư ngành điện	ACKII 240/32	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	132.000
21	Vật tư ngành điện	ACKII 240/39	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	126.500
22	Vật tư ngành điện	ACKII 240/56	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	123.200
23	Vật tư ngành điện	ACKII 300/39	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	131.600
24	Vật tư ngành điện	ACKII 300/48	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	132.600
25	Vật tư ngành điện	ACKII 300/66	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	121.900
26	Vật tư ngành điện	ACKII 300/67	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	121.100
27	Vật tư ngành điện	ACKII 300/204	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	92.400
28	Vật tư ngành điện	ACKII 330/30	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	145.600
29	Vật tư ngành điện	ACKII 330/43	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	137.500
30	Vật tư ngành điện	ACKII 400/18	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	155.400
31	Vật tư ngành điện	ACKII 400/51	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	137.500
32	Vật tư ngành điện	ACKII 400/64	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	130.000
33	Vật tư ngành điện	ACKII 400/93	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SD 1:1995	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	125.400

CÔNG TY CP DÂY VÀ CÁP ĐIỆN THƯỢNG ĐÌNH (CADISUN)
Địa chỉ trụ sở: Ngõ 320, Đường Khương Đình, P. Khương Đình, Hà Nội
Địa chỉ nhà máy sản xuất: NM Bắc Dương (Km 35+400 Quốc lộ 5A, Xã Cẩm Giàng, TP Hải Phòng). NM Hoàng Dương (Cụm Công Nghiệp Lương Điền TP Hải Phòng).
Số điện thoại: 0243 8588565 www : cadisun.com.vn Email: info@cadisun.com.vn
Giấy chứng nhận chất lượng: ISO 9001: 2015

Cáp đồng trần ủ mềm ép chặt ≥10mm2 (TCVN 5604-1994 /6612)

1	Vật tư ngành điện	CF 10	kg		CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	523.500
2	Vật tư ngành điện	CF 16	kg		CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.653
3	Vật tư ngành điện	CF 25	kg		CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.574
4	Vật tư ngành điện	CF 35	kg		CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.271
5	Vật tư ngành điện	CF 50	kg		CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	518.187
6	Vật tư ngành điện	CF 70	kg		CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.620

7	Vật tư ngành điện	CF 95	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.532
8	Vật tư ngành điện	CF 120	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.487
9	Vật tư ngành điện	CF 150	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.182
10	Vật tư ngành điện	CF 185	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.169
11	Vật tư ngành điện	CF 240	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.144
Cáp đồng Cu/PVC (Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005 : Điện áp 0.6/1 KV)									
1	Vật tư ngành điện	CV 1x16 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	74.647
2	Vật tư ngành điện	CV 1x25 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	115.893
3	Vật tư ngành điện	CV 1x35 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	160.218
4	Vật tư ngành điện	CV 1x50 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	219.030
5	Vật tư ngành điện	CV 1x70 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	312.962
6	Vật tư ngành điện	CV 1x95 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	434.580
7	Vật tư ngành điện	CV 1x120 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	546.564
8	Vật tư ngành điện	CV 1x150 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	679.061
9	Vật tư ngành điện	CV 1x185 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	845.156
10	Vật tư ngành điện	CV 1x240 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.113.967
11	Vật tư ngành điện	CV 1x300 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.394.198
Cáp đồng treo Cu/XLPE/PVC ... (TCVN: 5935-1/IEC 60502-1 Điện áp: 0.6/1 KV)									
1	Vật tư ngành điện	CXV 1x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	221.429
2	Vật tư ngành điện	CXV 1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	315.926
3	Vật tư ngành điện	CXV 1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	437.764
4	Vật tư ngành điện	CXV 1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	550.551
5	Vật tư ngành điện	CXV 1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	683.650

6	Vật tư ngành điện	CXV 1x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	850.979
7	Vật tư ngành điện	CXV 1x240	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.120.114
8	Vật tư ngành điện	CXV 1x300	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.400.890
9	Vật tư ngành điện	CXV 1x400	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.815.192
10	Vật tư ngành điện	CXV 2x4	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	43.990
11	Vật tư ngành điện	CXV 2x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	65.087
12	Vật tư ngành điện	CXV 2x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	102.646
13	Vật tư ngành điện	CXV 2x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	157.742
14	Vật tư ngành điện	CXV 2x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	244.483
15	Vật tư ngành điện	CXV 3x4	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	66.750
16	Vật tư ngành điện	CXV 3x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	95.466
17	Vật tư ngành điện	CXV 3x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	152.117
18	Vật tư ngành điện	CXV 3x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	232.609
19	Vật tư ngành điện	CXV 3x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	362.375
20	Vật tư ngành điện	CXV 3x6+1x4	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	116.113
21	Vật tư ngành điện	CXV 3x10+1x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	181.801
22	Vật tư ngành điện	CXV 3x16+1x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	283.435
23	Vật tư ngành điện	CXV 3x25+1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	437.531
24	Vật tư ngành điện	CXV 3x35+1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	572.236
25	Vật tư ngành điện	CXV 3x35+1x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	615.838
26	Vật tư ngành điện	CXV 3x50+1x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	795.937
27	Vật tư ngành điện	CXV 3x50+1x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	841.045

28	Vật tư ngành điện	CXV 3x70+1x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.129.246
29	Vật tư ngành điện	CXV 3x70+1x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.188.774
30	Vật tư ngành điện	CXV 3x95+1x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.545.121
31	Vật tư ngành điện	CXV 3x95+1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.640.975
32	Vật tư ngành điện	CXV 3x120+1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.981.697
33	Vật tư ngành điện	CXV 3x120+1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.103.962
34	Vật tư ngành điện	CXV 3x150+1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.381.826
35	Vật tư ngành điện	CXV 3x150+1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.504.047
36	Vật tư ngành điện	CXV 3x150+1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.617.759
37	Vật tư ngành điện	CXV 3x185+1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.010.253
38	Vật tư ngành điện	CXV 3x185+1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.125.079
39	Vật tư ngành điện	CXV 3x185+1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.258.550
40	Vật tư ngành điện	CXV 3x240+1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.935.888
41	Vật tư ngành điện	CXV 3x240+1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.069.490
42	Vật tư ngành điện	CXV 3x240+1x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.237.155
43	Vật tư ngành điện	CXV 3x300+1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.914.554
44	Vật tư ngành điện	CXV 3x300+1x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	5.083.272
45	Vật tư ngành điện	CXV 4x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	125.670
46	Vật tư ngành điện	CXV 4x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	200.797
47	Vật tư ngành điện	CXV 4x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	308.048
48	Vật tư ngành điện	CXV 4x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	480.463
49	Vật tư ngành điện	CXV 4x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	660.798

50	Vật tư ngành điện	CXV 4x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	900.520
51	Vật tư ngành điện	CXV 4x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.286.098
52	Vật tư ngành điện	CXV 4x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.763.937
53	Vật tư ngành điện	CXV 4x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.216.915
54	Vật tư ngành điện	CXV 4x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.753.434
55	Vật tư ngành điện	CXV 4x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.426.908
56	Vật tư ngành điện	CXV 4x240	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.507.976
Cáp đồng ngầm Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC 1x... (TCVN: 5935-1/IEC 60502-1 Điện áp: 0.6/1 KV)									
1	Vật tư ngành điện	DATA 1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	578.079
2	Vật tư ngành điện	DATA 1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	713.715
3	Vật tư ngành điện	DATA 1x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	883.318
4	Vật tư ngành điện	DATA 1x240	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.156.816
5	Vật tư ngành điện	DATA 1x300	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.442.962
6	Vật tư ngành điện	DATA 1x400	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.862.135
Cáp đồng ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC ... (TCVN: 5935-1/IEC 60502-1 Điện áp 0.6/1 KV)									
1	Vật tư ngành điện	DSTA 2x4	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	53.781
2	Vật tư ngành điện	DSTA 2x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	74.218
3	Vật tư ngành điện	DSTA 2x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	113.027
4	Vật tư ngành điện	DSTA 2x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	170.106
5	Vật tư ngành điện	DSTA 3x4	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	76.591
6	Vật tư ngành điện	DSTA 3x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	105.146
7	Vật tư ngành điện	DSTA 3x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	162.511
8	Vật tư ngành điện	DSTA 3x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	246.719

9	Vật tư ngành điện	DSTA 3x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	375.450
10	Vật tư ngành điện	DSTA 3x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	512.238
11	Vật tư ngành điện	DSTA 3x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	694.666
12	Vật tư ngành điện	DSTA 3x2.5+1x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	60.547
13	Vật tư ngành điện	DSTA 3x4+1x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	90.334
14	Vật tư ngành điện	DSTA 3x6+1x4	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	126.104
15	Vật tư ngành điện	DSTA 3x10+1x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	193.003
16	Vật tư ngành điện	DSTA 3x16+1x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	296.148
17	Vật tư ngành điện	DSTA 3x25+1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	451.288
18	Vật tư ngành điện	DSTA 3x35+1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	587.606
19	Vật tư ngành điện	DSTA 3x35+1x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	632.343
20	Vật tư ngành điện	DSTA 3x50+1x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	813.267
21	Vật tư ngành điện	DSTA 3x50+1x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	860.396
22	Vật tư ngành điện	DSTA 3x70+1x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.163.903
23	Vật tư ngành điện	DSTA 3x70+1x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.224.438
24	Vật tư ngành điện	DSTA 3x95+1x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.582.885
25	Vật tư ngành điện	DSTA 3x95+1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.679.396
26	Vật tư ngành điện	DSTA 3x120+1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.024.172
27	Vật tư ngành điện	DSTA 3x120+1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.148.255
28	Vật tư ngành điện	DSTA 3x150+1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.431.146
29	Vật tư ngành điện	DSTA 3x150+1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.555.709
30	Vật tư ngành điện	DSTA 3x150+1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.669.472

31	Vật tư ngành điện	DSTA 3x185+1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.064.558
32	Vật tư ngành điện	DSTA 3x185+1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.181.366
33	Vật tư ngành điện	DSTA 3x185+1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.316.252
34	Vật tư ngành điện	DSTA 3x240+1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.995.625
35	Vật tư ngành điện	DSTA 3x240+1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.131.574
36	Vật tư ngành điện	DSTA 4x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	136.094
37	Vật tư ngành điện	DSTA 4x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	212.445
38	Vật tư ngành điện	DSTA 4x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	324.189
39	Vật tư ngành điện	DSTA 4x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	495.188
40	Vật tư ngành điện	DSTA 4x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	677.742
41	Vật tư ngành điện	DSTA 4x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	920.532
42	Vật tư ngành điện	DSTA 4x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.322.135
43	Vật tư ngành điện	DSTA 4x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.802.832
44	Vật tư ngành điện	DSTA 4x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.261.705
45	Vật tư ngành điện	DSTA 4x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.804.528
46	Vật tư ngành điện	DSTA 4x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.484.995
47	Vật tư ngành điện	DSTA 4x240	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.573.035
Dây đơn mềm Cu/PVC ... (TCVN 6610-3 Điện áp: 450/750V)									
1	Vật tư ngành điện	VCSF 1x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	7.121
2	Vật tư ngành điện	VCSF 1x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	11.670
3	Vật tư ngành điện	VCSF 1x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	18.657
4	Vật tư ngành điện	VCSF 1x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	28.607
5	Vật tư ngành điện	VCSF 1x10.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	50.550

Dây ovan 2 ruột mềm Cu/PVC/PVC 2x ... (TCVN 6610-5 Điện áp: 300/500 V)									
1	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x0.75	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	8.658
2	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	15.055
3	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	24.591
4	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	39.292
5	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	59.624
Dây tròn mềm đặc Cu/PVC/PVC ... (TCVN 6610-5 Điện áp 300/500 V)									
1	Vật tư ngành điện	VCTF 2x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	16.035
2	Vật tư ngành điện	VCTF 2x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	26.044
3	Vật tư ngành điện	VCTF 2x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	41.298
4	Vật tư ngành điện	VCTF 2x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	62.265
5	Vật tư ngành điện	VCTF 3x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	23.198
6	Vật tư ngành điện	VCTF 3x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	38.172
7	Vật tư ngành điện	VCTF 3x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	59.932
8	Vật tư ngành điện	VCTF 3x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	91.305
9	Vật tư ngành điện	VCTF 4x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	30.575
10	Vật tư ngành điện	VCTF 4x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	50.074
11	Vật tư ngành điện	VCTF 4x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	79.080
12	Vật tư ngành điện	VCTF 4x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	120.445
Dây đơn cứng Cu/PVC 1x (TCVN 6610-3 Điện áp : 450/750 V)									
1	Vật tư ngành điện	VCSH 1x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	7.434
2	Vật tư ngành điện	VCSH 1x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	11.860
3	Vật tư ngành điện	VCSH 1x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	19.392
4	Vật tư ngành điện	VCSH 1x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	29.178
Cáp chống cháy Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC (TCVN 5935-1/IEC 60502-1 Điện áp: 0.6/1 KV)									

1	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	35.629
2	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	52.982
3	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	80.686
4	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	123.517
5	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	168.931
6	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	228.832
7	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	324.670
8	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 2x4.0 (Đặc)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	55.720
9	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 2x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	76.562
10	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 2x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	111.670
11	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 2x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	166.568
12	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 3x6.0+1x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	133.873
13	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 3x10x1x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	204.786
14	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 3x16+1x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	313.458
15	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 3x25+1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	457.211
16	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 3x35+1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	594.670
17	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 4x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	72.328
18	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 4x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	103.308
19	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 4x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	144.133
20	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 4x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	214.600
21	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 4x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	324.583
22	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 4x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	502.155
Cáp nhôm AL/PVC ... (Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005 Điện áp: 0.6/1 KV)									

1	Vật tư ngành điện	AV 1x50 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	22.697
2	Vật tư ngành điện	AV 1x70 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	32.023
3	Vật tư ngành điện	AV 1x95 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	43.887
4	Vật tư ngành điện	AV 1x120 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	54.472
5	Vật tư ngành điện	AV 1x150 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	67.412
6	Vật tư ngành điện	AV 1x185 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	83.705
7	Vật tư ngành điện	AV 1x240 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	108.039
8	Vật tư ngành điện	AV 1x300 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	134.188
9	Vật tư ngành điện	AV 1x400 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	178.287
Cấp nhôm AL/XLPE/PVC 1X (TCVN: 5935-1/IEC 60502-1 Điện áp: 0.6/1 KV)									
1	Vật tư ngành điện	AXV 150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	72.111
2	Vật tư ngành điện	AXV 185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	88.501
3	Vật tư ngành điện	AXV 240	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	114.084
4	Vật tư ngành điện	AXV 300	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	140.392
5	Vật tư ngành điện	AXV 400	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	185.330
Cấp nhôm ngám AL/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x ... (TCVN: 5935-1/IEC 60502-1 Điện áp: 0.6/1 KV)									
1	Vật tư ngành điện	ADSTA 4x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	180.710
2	Vật tư ngành điện	ADSTA 4x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	234.029
3	Vật tư ngành điện	ADSTA 4x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	289.869
4	Vật tư ngành điện	ADSTA 4x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	352.683
5	Vật tư ngành điện	ADSTA 4x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	427.120
6	Vật tư ngành điện	ADSTA 4x240	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	541.423
Cấp vận xoắn AL/XLPE.... (TCVN: 6447-1998 Điện áp: 0.6/1 KV)									
1	Vật tư ngành điện	ABC 2x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	18.051

2	Vật tư ngành điện	ABC 2x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	25.575
3	Vật tư ngành điện	ABC 2x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	33.453
4	Vật tư ngành điện	ABC 2x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	45.725
5	Vật tư ngành điện	ABC 4x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	34.737
6	Vật tư ngành điện	ABC 4x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	50.073
7	Vật tư ngành điện	ABC 4x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	65.793
8	Vật tư ngành điện	ABC 4x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	89.912
9	Vật tư ngành điện	ABC 4x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	125.934
10	Vật tư ngành điện	ABC 4x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	172.200
11	Vật tư ngành điện	ABC 4x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	214.214
12	Vật tư ngành điện	ABC 4x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	263.083
Cáp trung thế Cu/XLPE/CTS/PVC -W 1x (TCVN 5935- 2 Điện áp: 12.7/22(24)kV)									
1	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x50 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	319.950
2	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x70 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	423.852
3	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x95 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	552.799
4	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x120 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	672.845
5	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x150 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	810.444
6	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x185 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	995.263
7	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x240 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.274.735
8	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x300 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.573.619
Cáp trung thế Cu/XLPE/CTS/PVC/DATA/PVC -W 1x.... (TCVN 5935- 2 Điện áp: 12.7/22(24)kV)									
1	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x95 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	602.433
2	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x120 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	725.289

3	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x150 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	864.192
4	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x185 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.051.810
5	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x240 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.336.463
6	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x300 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.638.635
7	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x400 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.073.666
Cấp trung thế Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC -W 3x.... (TCVN 5935- 2 Điện áp:12.7/22(24)kV)									
1	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x50 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.050.730
2	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x70 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.376.400
3	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x95 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.771.822
4	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x120 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.142.169
5	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x150 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.563.360
6	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x185 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.158.358
7	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x240 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.022.396
8	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x300 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.934.398
Cấp trung thế Cu/XLPE/CTS/PVC -W 1x... (TCVN 5935- 2 Điện áp: 20/35(40.5)kV)									
1	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x50 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	361.527
2	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x70 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	468.845
3	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x95 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	599.315
4	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x120 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	722.083
5	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x150 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	859.493
6	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x185 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.045.783
7	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x240 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.329.017
8	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x300 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.629.121
Cấp trung thế Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC -W 1x.... (TCVN 5935- 2 Điện áp:20/35(40.5)kV)									

1	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x95 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	659.479
2	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x120 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	783.657
3	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x150 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	925.858
4	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x185 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.114.916
5	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x240 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.401.345
6	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x300 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.704.853
Cấp trung thế Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC -W 3x... (TCVN 5935- 2 Điện áp:20/35(40.5)kV)									
1	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x50 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.211.316
2	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x70 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.577.988
3	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x95 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.989.392
4	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x120 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.364.085
5	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x150 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.792.308
6	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x185 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.362.224
7	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x240 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.231.959
8	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x300 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	5.149.884
Cấp trung thế AL/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC -W 3x (TCVN 5935- 2 Điện áp: 12,7/22(24)kV)									
1	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x120 (24) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	649.431
2	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x150 (24) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	716.836
3	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x185 (24) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	836.373
4	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x240 (24) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	969.844
5	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x300 (24) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.094.229
6	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x400 (24) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.280.020
Cấp trung thế AL/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC -W 3x (TCVN 5935- 2 Điện áp: 20/35(40.5)kV)									
1	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x120 (40.5) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	882.280

2	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x150 (40.5) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	956.544
3	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x185 (40.5) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.051.185
4	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x240 (40.5) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.190.076
5	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x300 (40.5) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.325.452
6	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x400 (40.5) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.519.581
Cấp nhôm trần lõi thép As (ACSR) (TCVN 5604-1994 /6612)									
1	Vật tư ngành điện	As 50/8.0	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	113.580
2	Vật tư ngành điện	As 70/11	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	113.207
3	Vật tư ngành điện	As 95/16	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	113.109
4	Vật tư ngành điện	As 120/19	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	116.893
5	Vật tư ngành điện	As 150/24	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	115.668
6	Vật tư ngành điện	As 185/29	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	115.990
CÔNG TY CỔ PHẦN SLIGHTING VIỆT NAM Địa chỉ: ĐKKD168 đường K2, phường Từ Liêm, Hà Nội - VPGD 1146 Nguyễn Khoái, phường Vĩnh Hưng, Hà Nội Nhà máy sản xuất: Cụm công nghiệp Phước Bình, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai Số điện thoại: 02436436537-0947696679									
1	Vật tư ngành điện	Đèn LED Tembin SL7-80w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	590x260x90	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.820.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn LED Tembin SL7-100w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	590x260x90	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.350.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn LED Tembin SL7-120w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	820x385x115	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.950.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn LED Tembin SL7-150w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	820x385x115	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	8.340.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15-80w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	540x345x158	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.500.000

6	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15-100w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	540x345x158	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.150.000
7	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15-120w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	540x345x158	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.653.000
8	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15-150w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	540x345x158	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	8.150.000
9	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15-195w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	540x345x158	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	8.800.000
10	Vật tư ngành điện	Đèn LED Florence SL22-40w-50w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.050.000
11	Vật tư ngành điện	Đèn LED Florence SL22-60w-80w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.350.000
12	Vật tư ngành điện	Đèn LED Florence SL22-100w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.850.000
13	Vật tư ngành điện	Đèn LED Florence SL22-120w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.350.000
14	Vật tư ngành điện	Đèn LED Florence SL22-150w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.890.000
15	Vật tư ngành điện	Đèn LED Florence SL22-200w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	8.600.000
16	Vật tư ngành điện	Đèn LED Rita SL20-60w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	360x340x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.160.000

17	Vật tư ngành điện	Đèn LED Rita SL20-90w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	360x340x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.989.000
18	Vật tư ngành điện	Đèn LED Rita SL20-120w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	460x340x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.650.000
19	Vật tư ngành điện	Đèn LED Rita SL20-150w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	560x340x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.990.000
20	Vật tư ngành điện	Đèn LED Rita SL20-180w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	660x340x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.876.000
21	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Mirinae FL5-500w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	570x350x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	14.500.000
22	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Mirinae FL5-600w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	680x350x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	15.500.000
23	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Nora FL9-100w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	320x290x110	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.298.000
24	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Nora FL9-160w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	410x290x110	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.600.000
25	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Nora FL9-200w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	500x290x110	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	10.250.000
26	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Nora FL9-400w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	410x580x110 (4x2)	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	15.050.000
27	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Nora FL9-500w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	590x580x110 (5x2)	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	16.500.000

28	Vật tư ngành điện	Đèn Sandy B SLV2-40w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	SLV2-40w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.320.000
29	Vật tư ngành điện	Đèn Sandy A SLV1-60w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	SLV1-60w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.530.000
30	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp 70w/E27	cái	ISO 9001: 2015	70w/E27	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	300.000
31	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp 150W/E40	cái	ISO 9001: 2015	150W/E40	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	310.000
32	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp 250W/E40	cái	ISO 9001: 2015	250W/E40	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	320.000
33	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp Son 400W/E40	cái	ISO 9001: 2015	400W/E40	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	340.000
34	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp Metal 400W/E40	cái	ISO 9001: 2015	400W/E40	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	360.000
35	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp Son 1000W/E40	cái	ISO 9001: 2015	1000W/E40	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.550.000
36	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp Metal 1000W/E40	cái	ISO 9001: 2015	1000W/E40	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.630.000
37	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 70W	cái	ISO 9001: 2015	70W	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	330.000
38	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 150W	cái	ISO 9001: 2015	150W	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	420.000
39	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 250W	cái	ISO 9001: 2015	250W	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	470.000
40	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 400W	cái	ISO 9001: 2015	400W	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	755.000

41	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 1000W	cái	ISO 9001: 2015	1000W	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.010.000
42	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 150w/100w	cái	ISO 9001: 2015	150w/100w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	535.000
43	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 250w/150w	cái	ISO 9001: 2015	250w/150w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	795.000
44	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 400w/250w	cái	ISO 9001: 2015	400w/250w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.205.000
45	Vật tư ngành điện	Tụ kích 70-400 / Son/Metal 70w-400w	cái	ISO 9001: 2015	70w-400w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	265.000
46	Vật tư ngành điện	Tụ kích 1000 - EU Son/Metal 1000w	cái	ISO 9001: 2015	1000w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	490.000
47	Vật tư ngành điện	Tụ bù 8 μ f - 10 μ f	cái	ISO 9001: 2015	8 μ f - 10 μ f	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	120.000
48	Vật tư ngành điện	Tụ bù 16 μ f - 20 μ f	cái	ISO 9001: 2015	16 μ f - 20 μ f	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	150.000
49	Vật tư ngành điện	Tụ bù 28 μ f - 32 μ f	cái	ISO 9001: 2015	28 μ f - 32 μ f	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	210.000
50	Vật tư ngành điện	Tụ bù 75 μ f	cái	ISO 9001: 2015	75 μ f	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	390.000
51	Vật tư ngành điện	Bộ chuyển mạch (DIM)	cái	ISO 9001: 2015		Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	415.000
52	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=7m tôn dày 3mm	cột	ISO 9001: 2015	7m-3mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	3.179.000
53	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=8m tôn dày 3mm	cột	ISO 9001: 2015	8m-3mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.159.100
54	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=9m tôn dày 3mm	cột	ISO 9001: 2015	9m-3mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.565.000

55	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=9m tôn dày 3,5mm	cột	ISO 9001: 2015	9m-3,5mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.016.000
56	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=10m tôn dày 4mm	cột	ISO 9001: 2015	10m-4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.567.100
57	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn rời cần đơn, H=11m tôn dày 4mm.	cột	ISO 9001: 2015	11m-4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.978.500
58	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn rời cần đơn, H=11,3m tôn dày 4mm. Mạ kẽm, sơn phủ	cột	ISO 9001: 2015	11,3m-4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	13.789.600
59	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 7m D78-3mm	cột	ISO 9001: 2015	7m D78-3mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.089.800
60	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 8m D78-3mm	cột	ISO 9001: 2015	8m D78-3mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.642.000
61	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 8m D78-3,5mm	cột	ISO 9001: 2015	8m D78-3,5mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.465.240
62	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 9m D78-3,5mm	cột	ISO 9001: 2015	9m D78-3,5mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.632.000
63	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 10m D78-4mm	cột	ISO 9001: 2015	10m D78-4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.413.000
64	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-01 cao 2m, vưon 1,5m	cột	ISO 9001: 2015	CD 01-2m-3mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.078.550
65	Vật tư ngành điện	Bộ cần đèn bắt vào cột bê tông	cột	ISO 9001: 2015		Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.100.000
66	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-02; CD-07; CD-14; CD-23; CD-32; CD-43; CD-45 cao 2m, vưon 1,5m	cần	ISO 9001: 2015	2m-1,5m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.408.000
67	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-02 cao 2m, vưon 1,5m	cần	ISO 9001: 2015	2m-1,5m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.755.160
68	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-03; CK-04; CK-22; CK-28; CK-32; CK-35 cao 2m, vưon 1,5m	cần	ISO 9001: 2015	2m-1,5m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.185.370

69	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-05 cao 2m, vươn 1,5m	cần	ISO 9001: 2015	2m-1,5m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.580.160
70	Vật tư ngành điện	Đế gang DP01 cao 1,38m thân cột thép cao 8m ngọn D78-3,5	cần	ISO 9001: 2015	2m-1,5m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	10.626.000
71	Vật tư ngành điện	Đế gang DP01 cao 1,38m thân cột thép cao 8m ngọn D78-4,0	cần	ISO 9001: 2015	DP01-1,38m, 8m D78,4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	11.396.000
72	Vật tư ngành điện	Đế gang DP01 cao 1,38m thân cột thép cao 9m ngọn D78-4,0	cột	ISO 9001: 2015	DP01-1,38m, 9m D78,4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	11.858.000
73	Vật tư ngành điện	Đế gang DP01 cao 1,38m thân cột thép cao 10m ngọn D78-4,0	cột	ISO 9001: 2015	DP01-1,38m, 10m D78,4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	12.474.000
74	Vật tư ngành điện	Đế gang DP05 cao 1,58m thân cột thép cao 9m ngọn D78-4,0	cột	ISO 9001: 2015	DP05-1,58m, 9m D78,4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	12.320.000
75	Vật tư ngành điện	Đế gang DP05 cao 1,58m thân cột thép cao 10m ngọn D78-4,0	bộ	ISO 9001: 2015	DP05-1,58m, 10m D78,4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	12.782.000
76	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 14m-141-4mm	cột	ISO 9001: 2015	14m-4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	18.508.160
77	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 17m-143-5mm	cột	ISO 9001: 2015	17m-5mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	26.424.530
78	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 20m-180-5mm	cột	ISO 9001: 2015	20m-5mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	34.277.320
79	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 25m-260-5mm Giàn đèn pha đi động lắp trên cột 25-30m không đèn	cột	ISO 9001: 2015	25m-5mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	200.818.200
80	Vật tư ngành điện	Cột đế gang thân nhôm C07 theo tiêu chuẩn 3,2m	cột	ISO 9001: 2015	3,2m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.397.495
81	Vật tư ngành điện	Cột C06 đế gang thân nhôm theo tiêu chuẩn 3,2m	cột	ISO 9001: 2015	3,2m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.155.687
82	Vật tư ngành điện	Cột C05 đế gang thân nhôm theo tiêu chuẩn 3,7m	cái	ISO 9001: 2015	3,7m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	9.372.000

83	Vật tư ngành điện	Cột đỡ nhôm thân nhôm C09 cao 4m	cái	ISO 9001: 2015	4m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.000.940
84	Vật tư ngành điện	Chùm CH05-2; Chùm CH06-4; Chùm CH1-2	cái	ISO 9001: 2015	635mm 800x860mm 1080mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.565.300
85	Vật tư ngành điện	Chùm CH08-4	cái	ISO 9001: 2015	970x1090mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.833.333
86	Vật tư ngành điện	Chùm CH09-1	cái	ISO 9001: 2015	600x1120mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.383.333
87	Vật tư ngành điện	Chùm CH09-2	cái	ISO 9001: 2015	1200x1120mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	3.941.667
88	Vật tư ngành điện	Chùm CH11-4	cái	ISO 9001: 2015	1064x620mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	3.098.333
89	Vật tư ngành điện	Chùm CH12-4	cái	ISO 9001: 2015		Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.658.333
90	Vật tư ngành điện	Cầu trang trí SV3A-D400	bộ	ISO 9001: 2015	D400	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	550.000
91	Vật tư ngành điện	Đèn cao áp 1 công suất 250W, Sodium - SLI-S6	bộ	ISO 9001: 2015	250w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.876.923
92	Vật tư ngành điện	Đèn cao áp 2 công suất 150/100, Sodium - SLI-S6	bộ	ISO 9001: 2015	150w/100w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	3.046.154
93	Vật tư ngành điện	Cọc tiếp địa V63x63x6x2,5m	bộ	ISO 9001: 2015	V63x63x6x2,5m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	587.000
94	Vật tư ngành điện	KM cột M16x240x240x500	bộ	ISO 9001: 2015	M16x240x240x500mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	390.500
95	Vật tư ngành điện	KM cột M24x300x300x675	bộ	ISO 9001: 2015	M24x300x300x675mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	624.000
96	Vật tư ngành điện	KM cột đa giác M24x1350x8	bộ	ISO 9001: 2015	M24x1350x8	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.953.500

97	Vật tư ngành điện	KM cột đa giác M30x1350x12	bộ	ISO 9001: 2015	M30x1350x12	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.170.000
98	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1000x600x350 100A	Tủ	ISO 9001: 2015	1200x600x350mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	15.345.000
99	Vật tư ngành điện	Thiết bị đầu cuối thông tin di động truyền/nhận tín hiệu điều khiển SL1412: Nối trực tiếp với bộ nguồn Led (Driver) và gắn trên từng bộ đèn đường LED và đèn pha LED	tủ	ISO 9001:2015 QCVN 12:2015/BTTTT QCVN 15:2015/BTTTT QCVN 117:2018/BTTTT		Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.950.000
100	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh có gắn bộ kết nối trung tâm thu phát tín hiệu điều khiển (Gateway) sử dụng 01 Sim điện thoại 4G và 01 ăngten đi kèm. Bộ kết nối trung tâm (Gateway) được kết nối trực tiếp với mạng internet để chuyển tín hiệu điều khiển về máy chủ, phần mềm và trung tâm điều khiển và quản lý chiếu sáng công cộng thông minh.	tủ	ISO 9001:2015 QCVN 73:2013/BTTTT		Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	62.500.000

II VẬT TƯ NGÀNH NƯỚC

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HUY BẢO									
Địa chỉ nhà máy: Lô CN3.2C, khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.									
Số điện thoại: 0387908952 - 0387556886									
1	Vật tư ngành nước	Ổng nhựa PE dùng cho mục đích cấp thoát nước trong Điều kiện có áp suất. (loại PN10. PE100)	m	QCVN 16:2023/BXD	đường kính danh nghĩa DN90	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	99.700
2	Vật tư ngành nước	Ổng nhựa PE dùng cho mục đích cấp thoát nước trong Điều kiện có áp suất. (loại PN10. PE100)	m	QCVN 16:2023/BXD	đường kính danh nghĩa DN110	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	151.000
3	Vật tư ngành nước	Ổng nhựa PE dùng cho mục đích cấp thoát nước trong Điều kiện có áp suất. (loại PN10. PE100)	m	QCVN 16:2023/BXD	đường kính danh nghĩa DN160	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	312.900
4	Vật tư ngành nước	Ổng nhựa PE dùng cho mục đích cấp thoát nước trong Điều kiện có áp suất. (loại PN10. PE100)	m	QCVN 16:2023/BXD	đường kính danh nghĩa DN200	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	493.600
5	Vật tư ngành nước	Ổng nhựa PE dùng cho mục đích cấp thoát nước trong Điều kiện có áp suất. (loại PN10. PE100)	m	QCVN 16:2023/BXD	đường kính danh nghĩa DN250	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	751.700
6	Vật tư ngành nước	Ổng nhựa PE dùng cho mục đích cấp thoát nước trong Điều kiện có áp suất. (loại PN10. PE100)	m	QCVN 16:2023/BXD	đường kính danh nghĩa DN315	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.192.700
7	Vật tư ngành nước	Ổng nhựa gân xoắn 2 lớp bằng HDPE không nguyên sinh dùng trong hệ thống thoát nước không áp suất (SN8)	m	TCVN 11821-3:2017	đường kính trong danh nghĩa: Φ200	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	238.000
8	Vật tư ngành nước	Ổng nhựa gân xoắn 2 lớp bằng HDPE không nguyên sinh dùng trong hệ thống thoát nước không áp suất (SN8)	m	TCVN 11821-3:2018	đường kính trong danh nghĩa: Φ300	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	498.000
9	Vật tư ngành nước	Ổng nhựa gân xoắn 2 lớp bằng HDPE không nguyên sinh dùng trong hệ thống thoát nước không áp suất (SN8)	m	TCVN 11821-3:2019	đường kính trong danh nghĩa: Φ400	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	838.000
10	Vật tư ngành nước	Ổng nhựa gân xoắn 2 lớp bằng HDPE không nguyên sinh dùng trong hệ thống thoát nước không áp suất (SN8)	m	TCVN 11821-3:2020	đường kính trong danh nghĩa: Φ500	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.138.000
11	Vật tư ngành nước	Ổng nhựa gân xoắn 2 lớp bằng HDPE không nguyên sinh dùng trong hệ thống thoát nước không áp suất (SN8)	m	TCVN 11821-3:2021	đường kính trong danh nghĩa: Φ600	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.220.000
12	Vật tư ngành nước	Ổng nhựa gân xoắn 2 lớp bằng HDPE không nguyên sinh dùng trong hệ thống thoát nước không áp suất (SN8)	m	TCVN 11821-3:2022	đường kính trong danh nghĩa: Φ800	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH Địa chỉ: 124 Tôn Đức Thắng, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội Đại lý: TDP số 02, đường Nguyễn Tất Thành, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai Điện thoại: 0243 687 7777									
<i>Giá bán chi tiết tại phụ biểu kèm theo</i>				<i>Tập Đoàn Tân Á Đại Thành</i>		<i>Việt Nam</i>	<i>Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chỗ công trình</i>		
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG Địa chỉ: Số 2 An Đà, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam Điện thoại: 02253.813979									
<i>Giá bán chi tiết tại phụ biểu kèm theo</i>				<i>Công ty cổ phần nhựa thiếu niên Tiền Phong</i>		<i>Việt Nam</i>	<i>Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chỗ công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai</i>		
CÔNG TY TNHH TM HƯNG TÍN Địa chỉ: Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai Số điện thoại: 0888 352 358									
SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM SỨ LONG HẦU									
Bê-tông									
1	Vật tư ngành nước	Bê-tông khối Vinaloha - LH1-07N	Bộ			Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	1.426.000
2	Vật tư ngành nước	Bê-tông khối Vinaloha - LH-15	Bộ			Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	1.012.000
3	Vật tư ngành nước	Bê-tông khối Vinaloha - LH-504	Bộ			Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	1.104.000
4	Vật tư ngành nước	Bê-tông khối Vinaloha - LH1-15	Bộ			Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	1.794.000
5	Vật tư ngành nước	Bê-tông khối Vinaloha - LH1-26	Bộ			Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	1.794.000
Chậu rửa mặt									
1	Vật tư ngành nước	Bộ chậu vuông Vinaloha - LH-06	Bộ			Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	828.000
2	Vật tư ngành nước	Chậu treo tường Vinaloha CT-01 - LH5-01	Bộ			Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	276.000
3	Vật tư ngành nước	Chậu treo tường Vinaloha CI-03 - LH5-03	Bộ			Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	276.000
4	Vật tư ngành nước	Chân chậu đứng Vinaloha - LH6-D01	Bộ			Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	276.000
5	Vật tư ngành nước	Chân chậu treo Vinaloha - LH6-T03	Bộ			Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	276.000
Tiêu nam									
1	Vật tư ngành nước	Tiêu Nam treo tường Vinaloha - LH7-01	Bộ			Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	414.000
2	Vật tư ngành nước	Tiêu Nam treo tường Vinaloha - LH7-03	Bộ			Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	791.200
CÔNG TY TNHH HÒA BÌNH (Báo cáo số 9/BC-02 ngày 11/03/2026 của Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị UBND phường Yên Bái) Số điện thoại liên hệ: 02163.852.630 Thông tin về đại lý: Số nhà 349 đường Nguyễn Thái Học, tổ dân phố số 15, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai									
1	Vật tư ngành nước	Loại 500 Lit - Đứng	cái	...	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.127.273
2	Vật tư ngành nước	Loại 1.000 Lit - Đứng	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.645.455
3	Vật tư ngành nước	Loại 1.200 Lit - Đứng	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.289.256
4	Vật tư ngành nước	Loại 1.500 Lit (1180) - Đứng	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.500.000
5	Vật tư ngành nước	Loại 2.000 Lit (1180) - Đứng	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	3.127.273
6	Vật tư ngành nước	Loại 500 Lit - Ngang	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.318.182

7	Vật tư ngành nước	Loại 1.000 Lit - Ngang	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.227.273
8	Vật tư ngành nước	Loại 1.200 Lit - Ngang	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.709.091
9	Vật tư ngành nước	Loại 1.500 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	3.690.909
10	Vật tư ngành nước	Loại 2.000 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	4.790.909
11	Vật tư ngành nước	Loại 2.500 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	5.763.636
12	Vật tư ngành nước	Loại 3.000 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	6.681.818
13	Vật tư ngành nước	Loại 4.000 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	8.636.364
14	Vật tư ngành nước	Loại 5.000 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	10.572.727
15	Vật tư ngành nước	Loại 500 Lit	cái		Bồn nhựa Việt Hà	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.127.273
16	Vật tư ngành nước	Loại 1.000 Lit	cái		Bồn nhựa Việt Hà	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.645.455
17	Vật tư ngành nước	Loại 1.500 Lit (1180)	cái		Bồn nhựa Việt Hà	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.500.000
18	Vật tư ngành nước	Loại 2.000 Lit (1180)	cái		Bồn nhựa Việt Hà	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	3.127.273
19	Vật tư ngành nước	Loại 500 Lit	cái		Bồn nhựa Việt Hà	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.318.182
20	Vật tư ngành nước	Loại 1.000 Lit	cái		Bồn nhựa Việt Hà	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.227.273
21	Vật tư ngành nước	Loại 1.500 Lit (1180)	cái		Bồn nhựa Việt Hà	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	3.572.727
22	Vật tư ngành nước	Loại 2.000 Lit (1180)	cái		Bồn nhựa Việt Hà	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	4.481.818
23	Vật tư ngành nước	Loại 500 Lit - Đứng	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.700.000
24	Vật tư ngành nước	Loại 700 Lit - Đứng	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.900.000
25	Vật tư ngành nước	Loại 1.000 Lit - Đứng	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.418.182
26	Vật tư ngành nước	Loại 1.200 Lit - Đứng	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.672.727
27	Vật tư ngành nước	Loại 1.500 Lit (1180) - Đứng	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	3.754.545
28	Vật tư ngành nước	Loại 2.000 Lit (1180) - Đứng	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	4.809.091
29	Vật tư ngành nước	Loại 2.500 Lit (1180) - Đứng	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	6.045.455
30	Vật tư ngành nước	Loại 3.000 Lit (1180) - Đứng	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	6.909.091
31	Vật tư ngành nước	Loại 500 Lit - Ngang	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.845.455
32	Vật tư ngành nước	Loại 700 Lit - Ngang	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.045.455
33	Vật tư ngành nước	Loại 1.000 Lit - Ngang	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.627.273
34	Vật tư ngành nước	Loại 1.200 Lit - Ngang	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.909.091
35	Vật tư ngành nước	Loại 1.500 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	4.045.455
36	Vật tư ngành nước	Loại 2.000 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	5.200.000
37	Vật tư ngành nước	Loại 2.500 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	6.536.364
38	Vật tư ngành nước	Loại 3.000 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	7.454.545
39	Vật tư ngành nước	Loại 3.500 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	8.681.818
40	Vật tư ngành nước	Loại 4.000 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	9.681.818
41	Vật tư ngành nước	Loại 5.000 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	12.272.727
42	Vật tư ngành nước	Loại 6.000 Lit (1180) - Ngang	cái		Bồn nước Tân Mỹ	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	14.563.636
43	Vật tư ngành nước	Bê C108 trắng	bộ		Thiết bị vệ sinh INAX (Bê INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.245.455
44	Vật tư ngành nước	Bê C108 cóm	bộ		Thiết bị vệ sinh INAX (Bê INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.272.727
45	Vật tư ngành nước	Bê C108 nắp êm	bộ		Thiết bị vệ sinh INAX (Bê INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.400.000
46	Vật tư ngành nước	Bê C117 trắng	bộ		Thiết bị vệ sinh INAX (Bê INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.945.455
47	Vật tư ngành nước	Bê C117 cóm	bộ		Thiết bị vệ sinh INAX (Bê INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.890.909
48	Vật tư ngành nước	Bê C117 nắp êm	bộ		Thiết bị vệ sinh INAX (Bê INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.109.091
49	Vật tư ngành nước	Bê C306 trắng	bộ		Thiết bị vệ sinh INAX (Bê INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.536.364
50	Vật tư ngành nước	Bê C306 cóm	bộ		Thiết bị vệ sinh INAX (Bê INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.236.364
51	Vật tư ngành nước	Bê C306 nắp êm	bộ		Thiết bị vệ sinh INAX (Bê INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.763.636
52	Vật tư ngành nước	Bê C504 trắng	bộ		Thiết bị vệ sinh INAX (Bê INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.845.455
53	Vật tư ngành nước	Bê C504 cóm	bộ		Thiết bị vệ sinh INAX (Bê INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.481.818

54	Vật tư ngành nước	Bêr AC504 VAN	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.945.455
55	Vật tư ngành nước	Bêr C801 Trắng	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.490.909
56	Vật tư ngành nước	Bêr C801 côm	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.763.636
57	Vật tư ngành nước	Bêr C828 trắng	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.136.364
58	Vật tư ngành nước	Bêr C828 côm	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.400.000
59	Vật tư ngành nước	Bêr AC602 VN	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.663.636
60	Vật tư ngành nước	Bêr AC 909 VRN-1/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	8.927.273
61	Vật tư ngành nước	Bêr AC-900VRN	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	8.127.273
62	Vật tư ngành nước	Bêr AC 918 VRN-1/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	8.400.000
63	Vật tư ngành nước	Bêr AC 939 VN/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	7.118.182
64	Vật tư ngành nước	Bêr AC1008VRN/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	11.190.909
65	Vật tư ngành nước	Bêr AC 959 VAN/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	5.845.455
66	Vật tư ngành nước	Bêr AC 991 VRN/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	7.709.091
67	Vật tư ngành nước	Bêr AC 991 R+CW-S15VN/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	8.254.545
68	Vật tư ngành nước	Bêr AC- 2700 +CW-KA22A VN/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	20.845.455
69	Vật tư ngành nước	Bêr AC-1035VN	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	14.263.636
70	Vật tư ngành nước	Bêr AC -702R+CW-S15VN/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	4.090.909
71	Vật tư ngành nước	Bêr AC 939 +CW-S15VN/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	7.572.727
72	Vật tư ngành nước	Bêr AC 1008 +CW-KA22A VN/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	28.227.273
73	Vật tư ngành nước	Bêr AC 700+CW-S15	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	4.663.636
74	Vật tư ngành nước	Bêr AC 700VAN	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.800.000
75	Vật tư ngành nước	Bêr AC 710VAN	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.754.545
76	Vật tư ngành nước	Bêr AC-1035+CW-S15VN/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	10.872.727
77	Vật tư ngành nước	Bêr AC 918 +CW-S15VN/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	8.890.909
78	Vật tư ngành nước	Bêr AC 909 +CW-S15VN/BW1	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	9.490.909
79	Vật tư ngành nước	Bêr AC 959 +CW-S15	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	6.463.636
80	Vật tư ngành nước	Bêr AC 1032VN	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	9.845.455
81	Vật tư ngành nước	AC969VN êm trắng	bộ	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	4.372.727
82	Vật tư ngành nước	AC902VN	cái	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	7.963.636
83	Vật tư ngành nước	AC602VAN	cái	Thiết bị vệ sinh INAX (Bêr INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.554.545
84	Vật tư ngành nước	Chậu L284 trắng	cái	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	609.091
85	Vật tư ngành nước	Chậu L284 côm	cái	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	636.364
86	Vật tư ngành nước	Chậu L282 trắng	cái	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	518.182

87	Vật tư ngành nước	Chậu L288 trắng	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	645.455
88	Vật tư ngành nước	Chậu L297	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.136.364
89	Vật tư ngành nước	Chậu L2395	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.200.000
90	Vật tư ngành nước	Chậu L285	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	654.545
91	Vật tư ngành nước	Chậu L2396	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	863.636
92	Vật tư ngành nước	Chậu L2293	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	945.455
93	Vật tư ngành nước	Chậu L300	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.618.182
94	Vật tư ngành nước	Chậu L465	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.745.455
95	Vật tư ngành nước	Chậu L296	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.963.636
96	Vật tư ngành nước	Chậu L298	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.445.455
97	Vật tư ngành nước	Chậu L445	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.618.182
98	Vật tư ngành nước	Chậu L333	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.754.545
99	Vật tư ngành nước	Chậu L293	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.381.818
100	Vật tư ngành nước	Chậu L2397	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.890.909
101	Vật tư ngành nước	Chậu L294	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.036.364
102	Vật tư ngành nước	Chân chậu L298VC.VD	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	900.000
103	Vật tư ngành nước	Chân chậu L297VC	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	781.818
104	Vật tư ngành nước	Chân chậu L288 VD	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	627.273
105	Vật tư ngành nước	Chân chậu L284	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	590.909
106	Vật tư ngành nước	Tiêu U117V	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.409.091
107	Vật tư ngành nước	Tiêu U440	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.500.000
108	Vật tư ngành nước	Tiêu U-116	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	736.364
109	Vật tư ngành nước	Tiêu U-411	cái		Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	4.018.182
110	Vật tư ngành nước	Sen cây BFV-1305S	bộ		Sen vòi Inax - Sen cây	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	3.854.545
111	Vật tư ngành nước	Sen cây BFV-2015S	bộ		Sen vòi Inax - Sen cây	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	6.818.182
112	Vật tư ngành nước	Sen tắm bồn BFV-7000B	bộ		Sen vòi Inax - Sen cây	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	5.281.818
113	Vật tư ngành nước	Sen cây BFV- 1205S	bộ		Sen vòi Inax - Sen cây	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	5.318.182
114	Vật tư ngành nước	Sen nhiệt độ BFV- 7145T-3C	bộ		Sen vòi Inax - Sen cây	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	7.218.182
115	Vật tư ngành nước	Sen cây BFV- 70S	bộ		Sen vòi Inax - Sen cây	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	12.245.455
116	Vật tư ngành nước	Sen cây 50S	bộ		Sen vòi Inax - Sen cây	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	9.990.909
117	Vật tư ngành nước	Sen nhiệt độ BFV- 3413T-4C	bộ		Sen vòi Inax - Sen cây	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	3.727.273
118	Vật tư ngành nước	LFV-282S	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.727.273
119	Vật tư ngành nước	LFV-1101S-1	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.163.636
120	Vật tư ngành nước	LFV-1102S-1	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.972.727
121	Vật tư ngành nước	LFV-1202S-1	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.127.273
122	Vật tư ngành nước	LFV-1201S-1	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.490.909
123	Vật tư ngành nước	LFV-212S	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.672.727
124	Vật tư ngành nước	LFV-221S	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.200.000
125	Vật tư ngành nước	LFV-222S	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.981.818
126	Vật tư ngành nước	LFV-2012S	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.600.000
127	Vật tư ngành nước	LFV-402S	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.436.364
128	Vật tư ngành nước	LFV-112S	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.409.091
129	Vật tư ngành nước	LFV-7100SH	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	4.209.091
130	Vật tư ngành nước	LFV-2002S	bộ		Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.718.182

131	Vật tư ngành nước	LFV-112SH	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.154.545
132	Vật tư ngành nước	LFV-211S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.945.455
133	Vật tư ngành nước	LFV-312S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.009.091
134	Vật tư ngành nước	LFV-21S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.109.091
135	Vật tư ngành nước	LFV-11A	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	772.727
136	Vật tư ngành nước	LFV-5000SH	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	4.481.818
137	Vật tư ngành nước	LFV- 8000SH2	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	4.063.636
138	Vật tư ngành nước	LFV- 2012S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.600.000
139	Vật tư ngành nước	LFV-1401S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.563.636
140	Vật tư ngành nước	LFV-1402S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.463.636
141	Vật tư ngành nước	LFV-1402SH	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.863.636
142	Vật tư ngành nước	LFV-1111S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.336.364
143	Vật tư ngành nước	LFV-1112S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.154.545
144	Vật tư ngành nước	LFV 4000S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	4.018.182
145	Vật tư ngành nước	BFV-1003S-2C	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.554.545
146	Vật tư ngành nước	BFV-1103S-4C	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.281.818
147	Vật tư ngành nước	BFV-1203S-4C	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.518.182
148	Vật tư ngành nước	BFV-2003S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.536.364
149	Vật tư ngành nước	BFV-223S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.972.727
150	Vật tư ngành nước	BFV-213S-1C	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.463.636
151	Vật tư ngành nước	BFV-313S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.718.182
152	Vật tư ngành nước	BFV-2013S	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.272.727
153	Vật tư ngành nước	BFV-1403S-4C	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.045.455
154	Vật tư ngành nước	BFV-1113S-4C	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.609.091
155	Vật tư ngành nước	BFV-1113S-8C	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.890.909
156	Vật tư ngành nước	BFV-3413T-8C	bộ	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.936.364
157	Vật tư ngành nước	SFV- 801S	cái	Sản phẩm vòi rửa bát	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.527.273
158	Vật tư ngành nước	SFV- 802S	cái	Sản phẩm vòi rửa bát	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.954.545
159	Vật tư ngành nước	SFV-30	cái	Sản phẩm vòi rửa bát	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.390.909
160	Vật tư ngành nước	SFV-1013SX	cái	Sản phẩm vòi rửa bát	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.436.364
161	Vật tư ngành nước	Bồn tắm yếm BFV-1702SL	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	12.036.364
162	Vật tư ngành nước	Giương KF- 6090 VA	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.245.455
163	Vật tư ngành nước	Giương KF- 5075 VA	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	745.455
164	Vật tư ngành nước	Giương KF- 4560 VA	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	636.364
165	Vật tư ngành nước	Giương KF- 6075 VA	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.118.182
166	Vật tư ngành nước	Giương KF- 5070 VA	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	745.455
167	Vật tư ngành nước	Van tiêu UF-7V	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.118.182
168	Vật tư ngành nước	UF-3VS	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.300.000
169	Vật tư ngành nước	Móc giấy VS KF-416V	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	636.364
170	Vật tư ngành nước	Móc treo khăn KF-417V	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	390.909
171	Vật tư ngành nước	Móc áo KF-411V	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	300.000
172	Vật tư ngành nước	Kệ gương KF-412V	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	545.455
173	Vật tư ngành nước	Kệ đựng ly KF- 413V	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	590.909
174	Vật tư ngành nước	Kệ xà phòng KF- 414V	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	636.364
175	Vật tư ngành nước	Ổng thải A-675	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	518.182
176	Vật tư ngành nước	Ổng thải nhựa A-325PL	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	145.455
177	Vật tư ngành nước	CFV 102A (xịt hang)	cái	Sản phẩm khác	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	309.091
178	Vật tư ngành nước	Bê tông Nano nung +Xịt VG826	bộ	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Tông Kết Liên)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.781.818
179	Vật tư ngành nước	Bê tông V37 Nano nung+Xịt VG826	bộ	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Tông Kết Liên)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.872.727
180	Vật tư ngành nước	Bê tông V39 +Xịt VG826	bộ	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Tông Kết Liên)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.954.545
181	Vật tư ngành nước	Bê tông V40 + Xịt VGXP6)	bộ	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Tông Kết Liên)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	1.900.000
182	Vật tư ngành nước	Bê tông C109 Nano nung+Xịt VG826	bộ	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Tông Kết Liên)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.045.455
183	Vật tư ngành nước	Bê tông V38 Nano nung+Xịt VG826	bộ	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Tông Kết Liên)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.018.182
184	Vật tư ngành nước	Bê tông V38M Nano nung+Xịt VG826	bộ	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Tông Kết Liên)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.181.818
185	Vật tư ngành nước	Bê tông C0504 Nano nung+Xịt VG826	bộ	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Tông Kết Liên)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	2.609.091
186	Vật tư ngành nước	Bê tông V42 Nano nung+Xịt VG826	bộ	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Tông Kết Liên)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.654.545
187	Vật tư ngành nước	Bê tông V45 Nano nung+Xịt VG826	bộ	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Tông Kết Liên)	CT TNHH Hòa Bình	Giá bán tại phường Yên Bái	3.418.182

188	Vật tư ngành nước	Bê V41 Nano nung+Xịt VG826	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Két Liền)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	3.681.818
189	Vật tư ngành nước	Bê V35 Nano nung+Xịt VG826	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Két Liền)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	381.818
190	Vật tư ngành nước	Bê V63 Nano nung+Xịt VG826	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Két Liền)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	4.227.273
191	Vật tư ngành nước	Bê V62 Nano nung+Xịt VG826	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Két Liền)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	4.227.273
192	Vật tư ngành nước	Bê V199 Nano nung+Xịt VG826	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Két Liền)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	4.863.636
193	Vật tư ngành nước	Bê V64 Nano nung+Xịt VG826	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Két Liền)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	3.990.909
194	Vật tư ngành nước	Bê V51 + Xịt VG826)	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê Két Liền)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	8.781.818
195	Vật tư ngành nước	Bê V1107, BS107	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê kết rời nắp rơi êm)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	2.045.455
196	Vật tư ngành nước	Bê V16	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê kết rời nắp rơi êm)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.936.364
197	Vật tư ngành nước	Bê V188 ,V166 +Xịt VG826	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê kết rời nắp rơi êm)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.936.364
198	Vật tư ngành nước	Bê VT34,VT18M+Xịt VG826	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê kết rời nắp rơi êm)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.936.364
199	Vật tư ngành nước	Bê V166,V188	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê kết rời nắp rơi êm)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.790.909
200	Vật tư ngành nước	Bê VT18M,VT34	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê kết rời nắp rơi êm)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.790.909
201	Vật tư ngành nước	Bê V128	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê kết rời nắp rơi êm)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.772.727
202	Vật tư ngành nước	Bê V177	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê kết rời nắp rơi êm)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.727.273
203	Vật tư ngành nước	Bê V144	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê kết rời nắp rơi êm)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.727.273
204	Vật tư ngành nước	Bê BTE	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bê kết rời nắp rơi êm)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.690.909
205	Vật tư ngành nước	Chậu VTL2, VTL3, VIIT, VTL3N	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	381.818
206	Vật tư ngành nước	Chậu góc, chậu trẻ em	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	290.909
207	Vật tư ngành nước	Chậu Dương vành bản đá CD1	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	754.545
208	Vật tư ngành nước	Chậu âm bản đá CA2	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.027.273
209	Vật tư ngành nước	Chậu dương vành bản đá CD6	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	754.545
210	Vật tư ngành nước	Chậu dương bản đá CD15	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.145.455
211	Vật tư ngành nước	Chậu dương bản đá CD17	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	909.091
212	Vật tư ngành nước	Chậu dương bản đá CD19	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.145.455
213	Vật tư ngành nước	Chậu CD20, CD21	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	872.727
214	Vật tư ngành nước	Chậu dương bản đá V42M	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.081.818
215	Vật tư ngành nước	Chậu dương bản đá V72	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	3.354.545

216	Vật tư ngành nước	Chậu dương bàn đá BS415	bộ		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.145.455
217	Vật tư ngành nước	Chậu + Chân treo tường V50	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.136.364
218	Vật tư ngành nước	Chậu + chân treo tường VI5	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.018.182
219	Vật tư ngành nước	Chậu + chân treo tường V39	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	936.364
220	Vật tư ngành nước	Chậu V25 nano nung	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	909.091
221	Vật tư ngành nước	Chậu V26 nano nung	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	909.091
222	Vật tư ngành nước	Chậu V27 nano nung	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	909.091
223	Vật tư ngành nước	Chậu V28 nano nung	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	909.091
224	Vật tư ngành nước	Chậu V29 nano nung	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	909.091
225	Vật tư ngành nước	Tiêu nam treo tường TT1, tt3	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiêu nam, tiêu nữ)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	381.818
226	Vật tư ngành nước	Tiêu nam treo tường TV5	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiêu nam, tiêu nữ)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	981.818
227	Vật tư ngành nước	Tiêu nam treo tường T1	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiêu nam, tiêu nữ)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.381.818
228	Vật tư ngành nước	Tiêu Nam treo tường T9 dương	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiêu nam, tiêu nữ)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.554.545
229	Vật tư ngành nước	Tiêu Nam treo tường T9 âm	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiêu nam, tiêu nữ)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	1.790.909
230	Vật tư ngành nước	Tiêu nam đứng TD4	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiêu nam, tiêu nữ)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	8.427.273
231	Vật tư ngành nước	Tiêu nam đứng BS604	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiêu nam, tiêu nữ)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	4.854.545
232	Vật tư ngành nước	Tiêu nữ VB3, VB5	cái		Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiêu nam, tiêu nữ)	CT TNHH Hòa Bình		Giá bán tại phường Yên Bái	818.182

CÔNG BỐ THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG QUÝ I NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI
(GẠCH ỐP LÁT, SƠN, TÔN, CỬA KHUNG NHỰA NHÓM, VẬT LIỆU KHÁC,...)

(Kèm theo Văn bản số 1602/SXD-QLHDXD ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai)

STT	Nhóm vật liệu (*)	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	DVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển(*)	Giá bán (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
1	GẠCH ỐP LÁT								
CÔNG TY TNHH HÒA BÌNH (Báo cáo số 9/BC-02 ngày 11/03/2026 của Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị UBND phường Yên Bái)									
Số điện thoại liên hệ: 02163.852.630									
Thông tin về đại lý: Số nhà 349 đường Nguyễn Thái Học, tổ dân phố số 15, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai									
Gạch Ceramic - Prime									
1	Gạch ốp lát	Ốp 10x20 9201,....,9212	viên	BIIa TCVN - 6415		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	3.611
2	Gạch ốp lát	Ốp 15x17,3 18607,18608,18609,18610,18611,18612	viên	BIIa TCVN - 6415		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	6.111
3	Gạch ốp lát	Ốp 15x15: 18002,18004,18007,18008	viên	BIIa TCVN - 6415		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	8.704
4	Gạch ốp lát	Ốp mặt tiền 10x30 9716,....,9729,2701,....,2715	viên	BIIa TCVN - 6415		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	6.574
5	Gạch ốp lát	Chân tường 12x40 Y11,....,Y17, Y025,....,Y039, 7121,....,7125	viên	BIIa TCVN - 6415		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	4.630
6	Gạch ốp lát	Chân tường 12x50 Y527,....,Y648	viên	BIIa TCVN - 6415		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	5.833
7	Gạch ốp lát	Chân tường 12x50 9000,....,9004	viên	BIIa TCVN - 6415		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	6.574
8	Gạch ốp lát	Chân tường 12x60 2801,....,2806	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 12x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	9.722
9	Gạch ốp lát	Chân tường 12x60 9637,9635,9636	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 12x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	12.222
10	Gạch ốp lát	Sàn gỗ 15x60: 9501,9547,9506-5,9510-5	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 15x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	15.093
11	Gạch ốp lát	Sàn gỗ 15x80: 9312,9313,9314,9315,9325	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 15x80	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	22.778
12	Gạch ốp lát	Sàn gỗ 15x80 8889,8994,8996,8955	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 15x80	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	34.167
13	Gạch ốp lát	Sàn gỗ 15x80 8890,8991	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 15x80	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	31.667
14	Gạch ốp lát	Gạch 20x40 tron ốp trang trí mặt tiền 9803,04,05	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 20x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	9.167
15	Gạch ốp lát	Gạch 20x40 di hình ốp trang trí mặt tiền 9807,....,9850	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 20x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	10.000
16	Gạch ốp lát	Gạch 25x50: 101,9102,9103,9105,9106,9109	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 25x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	16.667
17	Gạch ốp lát	Gạch ốp 25x40 2510, 513, 210,(2200),240 ,270,....,272,7261,,7268,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 25x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	8.056
18	Gạch ốp lát	Gạch ốp 25x40 đỏ, đen 2519,2520	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 25x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	8.981
19	Gạch ốp lát	Gạch ốp 25x40 2274, 2275, 2280, 2281	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 25x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	8.611
20	Gạch ốp lát	Gạch ốp 25x40 2276, 2282	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 25x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	10.000
21	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 9574 (9500)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	11.944
22	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 Trang trí 9154, 9155	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	13.704
23	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 Trang trí 9156,....,9161	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	16.759
24	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 đỏ, đen	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	15.093
25	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 màu 9201,02,10,11,16,17,19,20,25,26,28,29,66,67,69,70,94,95, 97,98,9122,23,25,26,28,29,31,32,42,43,9145,46,48,49,51,5 2,9303,9304,9307,9308	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	12.870
26	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 di hình 9222,23,45,....,53,55,56,63,64,9110,11,13,14,15,16,19,20,9 305,9306	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	13.056
27	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 diêm 9203,12,18,21,24,27,30,47,50,53,57,..,71,96,99,9112,15,18, 21,27,30,33,24,44,47,..,53,9309	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	16.481
28	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 7001,....,7012	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	12.130
29	Gạch ốp lát	Gạch 30x60 9920,3918	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	19.167
30	Gạch ốp lát	Gạch 30x60 8412,13,25,26,32,35,38,39,47,51,52,54,55,57,58,60,73,851 0,11,17,18,63,66,67,69,70,72,73,75,78,79,81,84,8623,24,.., 32,33,35,36,38,39,9836,39,42,45,12988,15301,02,09,10,16 ,8641,42,..,47,48,50,51,53,9853,55,56,60,69,76	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	25.093
31	Gạch ốp lát	Gạch 30x60 9403,11,14,15,17,25,64,72,73,9543,44,61,62,70,..,78,94,96 32,33,37,44,..,47,59,61,62,67,68,70,71,9700,09,12,17,18,19 ,30,32,33,42,44,45,78,80,93,99,9828,29,31,32,34,37,40,43, 48,49,51,..,58,61,62,64,65,67,70,71,74,86,88,90,91,93,94,9 922,27,35,51,55,61,80,81,82,9205	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	24.444

32	Gạch ốp lát	Gạch 30x60 điểm 8512,19,64,68,71,74,77,80,82,85,8625,28,...,40,43,46,49,5 2,54,9830,33,35,38,41,44,50,52,56,59,63,66,68,72,75,89,9 2,95,9734,97,15311,12,15,8427,34,40,53,59,74,9416,21,62 ,65,74,9545,9603,63,69,12989,9206	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	31.574
33	Gạch ốp lát	Gạch 30x60:17310,04,13,14,22,23,17403, 17404,17419,17420	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	20.278
34	Gạch ốp lát	Gạch 30x60: 17406,07,10,11,13,14,22,23,17301,02,07,08,16,17,25,26,2 8,29,...44,53,54,56,57,59,60,62,63,65,66,68,69,17301,02,07 ,08,16,17,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	20.278
35	Gạch ốp lát	Gạch 30x60 17312,17306 Đầu viên	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	23.426
36	Gạch ốp lát	Gạch lát 25x25 284,...,290,2111,...,2119,291,...,299,2305,...,2309,7431,, 7437	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 25x25	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	4.722
37	Gạch ốp lát	Gạch lát 30x30 mài thường: 2601,...,2609,2305,...,2392,2201,...,2228, 2103,,2109,2680,,91	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x30	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	7.870
38	Gạch ốp lát	Gạch lát 30x30 sỏi 9190,...,9196	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x30	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	9.444
39	Gạch ốp lát	Gạch lát 30x30 sỏi 9145,...,9189	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x30	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	9.444
40	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40: 2002,003,006,208,209,219,246,248,255,262,264,265,266,2 82,283,284,290,291,292,293,294,295,299,2302,307,309,31 1,314,315,317,333,324	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	12.130
41	Gạch ốp lát	Gạch 40x40: 2201,202,206,207,240,242,249,253,254,256,273,288,289,3 36,2408,501,703,711,757,7831,7832	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	12.130
42	Gạch ốp lát	Gạch 40x40: 505,506 L1	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	12.500
43	Gạch ốp lát	Gạch 40x40 KTS 17001,...,17019	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	12.778
44	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40 Cotto VP(105,108,109)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	12.778
45	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40 Cotto PY(102,116,114,112,204,205)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	12.778
46	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40 Cotto PY:18001,18002,18004,18005	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	14.444
47	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40 Sân vườn 2454,2455,2528	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	14.444
48	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40 Sân vườn:2507,28,2401,2461,2468,2469	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	14.444
49	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40 KTS 9202,05,06,07,36,37,45,...,53	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	12.778
50	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 Cotto	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	23.333
51	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 Không mài:2617,39,2024,32	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	20.556
52	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 HC 2863,2874,75,76,77,79,90,94,2900,2902,2904	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	21.481
53	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 HC 7555,2880,81,87,89,2892,93,95,...,99,2901,2903,05,,2926,7 855,7856	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	21.481
54	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 PY 2561,91,96,98,7557	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	21.481
55	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 PY 2662,2673,...,2689,2540,2541,2580,2592,2594	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	21.481
56	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 PY 2572,76,81,85,93,2661,690,698,7556,7695	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	21.481
57	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 Kỹ thuật số Hoa Cường (94)(95),9419,27,64,89,9501,18,30,32,36,41,9590, 9616	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	22.870
58	Gạch ốp lát	Gạch 60x60 K2 9710,...,9716,9735,...,9742,9744,...,9749,9770,...,9779,9790 ,1201,...,1206,12010,23,26,12815,22,12746,49,9848,67,97, 98,9994,9123,9600,9864,9615	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	70.370
59	Gạch ốp lát	Gạch lát 60x60 K3 8601,...,8620,11601,04,22,11917,...,11620,9087,9743,978 6,9625,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	72.407
60	Gạch ốp lát	Gạch lát 60x60 C Phố Yên: 9630,...,9696,9630,1,...,9696.1	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	38.704
61	Gạch ốp lát	Gạch lát 60 C Phố Yên 17001,...,17017,17001.1,...,17017.1,17501,...,17509,1750 1.1,...,17509.1,17701,17701.1,17710,...,17714	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	36.667
62	Gạch ốp lát	Gạch lát 60x60 C Phố Yên 17700	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	37.685

63	Gạch ốp lát	Gạch lát 60x60 SV C Phố Yên 9901,...,9915	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	43.148
64	Gạch ốp lát	Gạch lát 60x60 P Phố Yên 9101,...,9112	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	47.037
65	Gạch ốp lát	Gạch lát 80x80 2860,,2862,11844 8801,,8803,,10,11,8912,18,,24,8500,,...8505, 8704,8716, 8729,,...8742,8750,8752,8602	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 80x80	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	175.185
66	Gạch ốp lát	Gạch lát 80x80 8834,8835	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 80x80	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	185.370
67	Gạch ốp lát	Gạch lát 80x80 Suger,Caving 8943,8944,8600,,...8612,18600,,...18602,8618,8671,18508, 18509	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 80x80	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	200.648
68	Gạch ốp lát	Gạch lát 80x80: 7500,17510,17860,,...17864	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 80x80	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	149.815
69	Gạch ốp lát	Gạch ốp 50x86 9901,...,9913	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 50x86	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	46.296
70	Gạch ốp lát	Gạch ốp 50x86: 9914,9918,9921,22,,...32,,35	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 50x86	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	47.130
71	Gạch ốp lát	Gạch ốp 50x86 9914,,...9924,9926,,...9932,9934,,...9940	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 50x86	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại đại lý Phường Yên Bái	47.130

Công ty TNHH TM Hưng Tín
Địa chỉ: Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai
Số điện thoại: 0888 352 358

Gạch Prime (gạch ốp, lát)

1	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Hiệu ứng (antislip, kháng khuẩn, caving, sugar) , Porcelain	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	184.000
2	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain, Khung K2 và K3	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	161.000
3	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Mẫu gỗ men matt, Porcelain	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	151.800
4	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Porcelain, Các mã đầu 17....	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	124.200
5	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Porcelain, Các mã đầu 29....	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	124.200
6	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Semi Porcelain, Các mã đầu 300....	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.000
7	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 50x50, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã mài cạnh	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	84.000
8	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 50x50, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã không mài cạnh	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	84.000
	Gạch ốp lát	Gạch gốm, KT 40x40, bề mặt bóng, Cotto, mã 10105	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	80.000
	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã nhân Premier	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Đại Việt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.000
	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã nhân Evolution	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Đại Việt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	124.200
	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 30x30, bề mặt Matt, Semi Porcelain	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Yên Bình	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.000

	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 30x30, chống trơn, Ceramic	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Yên Bình	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	90.000
	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, men bóng, Porcelain, Các mã đầu 08... và 15...	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiên Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	211.600
	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain (Granit), Các mã đầu 25...	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiên Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	202.400
	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, ION, Kháng Khuẩn, Porcelain, Các mã đầu 17... và 20...	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiên Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	193.200
	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, bề mặt bóng, mỏng, Porcelain, Các mã đầu 27...	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiên Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	184.000
	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, bề mặt bóng, Semi Porcelain, Các mã đầu 30...	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiên Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	142.600
	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Carving Gold , Porcelain, Các mã từ 21017 đến 21021	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiên Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	285.200
	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Bóng , Matt thường , Porcelain, Các mã còn lại đầu 210...	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiên Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	276.000
	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Porcelain, Các mã đầu 213...	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiên Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	230.000
Gạch ốp lát của Công ty Cổ phần CMC									
1	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Mẫu đen, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	156.400
2	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Mẫu đậm, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	151.800
3	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	124.200
4	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Mẫu sáng, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	151.800
5	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Mẫu đậm, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	151.800
6	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Granit	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	193.200
7	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Semi Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	117.760
8	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	170.200

9	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Granit	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	230.000
10	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Semi Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.000
11	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Ceramic, Nhóm KG1	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	92.000
12	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Ceramic, Nhóm KG2	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	96.600
13	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	151.800
14	Gạch ốp lát	Gạch lát sân vườn, KT 40x60, Bề mặt Suger, Ceramic	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	105.800
15	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Ceramic, Các mã khung KG1	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	110.400
16	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Ceramic, Các mã khung KG2	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.000
17	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã khung KG1	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	78.200
18	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã khung KG2	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	78.200
19	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 30x30, chống trơn, Ceramic	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.000
Gạch ốp lát Takao Granit									
1	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt bóng, Porcelain, Nhóm K1 và K2	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.000
2	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt matt, Porcelain, Nhóm K1 và K2	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	119.600
3	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Mẫu đặc biệt, Porcelain, Nhóm K4	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	148.120
4	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Porcelain	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	133.400
5	Gạch ốp lát	Gạch lát sân, vườn, KT 60x60, men matt, Nhóm K0 và K1	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	92.000
6	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Fullbody, Porcelain, Nhóm K5 và màu đen	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	147.200

7	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, màu trắng, màu đậm, Porcelain , Nhóm K4	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	142.600
8	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain , Nhóm K2	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	133.400
9	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, men matt, Porcelain , Nhóm K1	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	119.600
10	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, men bóng, Porcelain , Nhóm K1	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.000
11	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain , Nhóm K4	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	182.160
12	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain , Nhóm K3	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	174.800
13	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain , Nhóm K2	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	156.400
14	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain , Nhóm K1	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	142.600
15	Gạch ốp lát	Gạch gốm trắng men KT 40x40	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	80.000
16	Gạch ốp lát	Gạch gốm trắng men KT 50x50	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	85.000
17	Gạch ốp lát	Gạch lát nền, KT 30x30, Ceramic	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	87.400
Sản phẩm của Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ									
1	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Semi Porcelain, Các mã khung K3	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	142.600
2	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Semi Porcelain, Các mã khung K2	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.000
3	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Semi Porcelain, Các mã khung K1	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.000
4	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Porcelain, Các mã khung K2	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	142.600
5	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Porcelain, Các mã khung K1	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	142.600
6	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain , KG 4	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	142.600

7	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain , KG 2	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	124.200
8	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain , KG 1	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	124.200
9	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain, KG3	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	161.000
10	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain, KG2	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	138.000
11	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain, KG1	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	138.000
12	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Semi Porcelain, Các mã khung KG1	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	133.400
13	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Porcelain, Các mã khung KG2	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	151.800
14	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Porcelain, Các mã khung KG3	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	151.800
15	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 60x120, Porcelain, Các mã khung KG2	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	220.800
16	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 60x120, Porcelain, Các mã khung KG1	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	266.800
II SON									
CÔNG TY TNHH MAXKO VIỆT NAM Địa chỉ công ty: Số 45A, ngõ 59 phố Hoàng Cầu, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội Địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn Yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội, Việt Nam Số điện thoại: 0913808099 - 0984965837									
1	Vật liệu sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp DIAMOND-08	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 01L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	306.409
2	Vật liệu sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp DIAMOND-08	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	1.532.045
3	Vật liệu sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp DIAMOND-08	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	4.937.603
4	Vật liệu sơn	Sơn bán bóng nội thất cao cấp DAHLIA-10	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	1.067.420

5	Vật liệu sơn	Sơn bán bóng nội thất cao cấp DAHLIA-10	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	3.284.949
6	Vật liệu sơn	Sơn mịn nội thất cao cấp CLASSIC-04	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	295.455
7	Vật liệu sơn	Sơn mịn nội thất cao cấp CLASSIC-04	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	935.000
8	Vật liệu sơn	Sơn nội thất lau chùi hiệu quả SEMI GLOSS-06	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	659.091
9	Vật liệu sơn	Sơn nội thất lau chùi hiệu quả SEMI GLOSS-06	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.231.818
10	Vật liệu sơn	Sơn siêu trắng nội thất cao cấp SUPER WHITE-02	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	640.909
11	Vật liệu sơn	Sơn siêu trắng nội thất cao cấp SUPER WHITE-02	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.113.636
12	Vật liệu sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp gốc Acrylic PLATINUM-09 (ứng dụng cho bề mặt cấu kiện bê tông)	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 01L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	415.000
13	Vật liệu sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp gốc Acrylic PLATINUM-09 (ứng dụng cho bề mặt cấu kiện bê tông)	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.075.000
14	Vật liệu sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp gốc Acrylic PLATINUM-09 (ứng dụng cho bề mặt cấu kiện bê tông)	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	7.470.000
15	Vật liệu sơn	Sơn bán bóng ngoại thất cao cấp DAISY-03	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	1.231.292
16	Vật liệu sơn	Sơn bán bóng ngoại thất cao cấp DAISY-03	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	3.594.150
17	Vật liệu sơn	Sơn mịn ngoại thất cao cấp SMOOTH-05	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	746.455
18	Vật liệu sơn	Sơn mịn ngoại thất cao cấp SMOOTH-05	lit	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.415.477

19	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm đa năng cao cấp Waterproof-MCT	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	856.705
20	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm đa năng cao cấp Waterproof-MCT	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.803.977
21	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm màu Lotus- MCT	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	1.288.636
22	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm màu Lotus- MCT	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	3.550.909
23	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp SEALER-00	lít	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	568.527
24	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp SEALER-00	lít	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	1.827.955
25	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp PRIMER-01 (ứng dụng cho bề mặt cấu kiện bê tông)	lít	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	775.000
26	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp PRIMER-01 (ứng dụng cho bề mặt cấu kiện bê tông)	lít	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.790.000
27	Vật liệu sơn	Sơn lót Epoxy Maxko WEP gốc nước	bộ	TCVN 9014:2011	Bộ 5kg: 4kg TP A + 1kg TP B	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	906.255
28	Vật liệu sơn	Sơn lót Epoxy Maxko WEP gốc nước	bộ	TCVN 9014:2011	Bộ 17,5kg: 14kg TP A + 3,5kg TP B	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.953.042
29	Vật liệu sơn	Sơn phủ Epoxy Maxko WEF gốc nước	bộ	TCVN 9014:2011	Bộ 6,5kg: 5,5kg TP A + 1kg TP B	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	1.093.318
30	Vật liệu sơn	Sơn phủ Epoxy Maxko WEF gốc nước	bộ	TCVN 9014:2011	Bộ 17,55kg: 14,85kg TP A + 2,7kg TP B	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	3.032.716
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH (Văn bản số 387/UBND-KTHTĐT ngày 11/3/2026 của UBND phường Văn Phú) '- Địa chỉ: 124 Tôn Đức Thắng, TP Hà Nội; - Điện thoại: 0243.644.7593- 0915.047.004. - Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình - Đại lý tại Yên Bái: Tổ 2A đường Nguyễn Tất Thành, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai. - Điện thoại: 0366.148.338									
SON PHỦ NỘI THẤT									

1	Vật liệu sơn	Sơn phủ nội thất ISI	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	472.727
2	Vật liệu sơn	Sơn phủ nội thất ISI	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.590.909
3	Vật liệu sơn	Sơn phủ nội thất IEW	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	700.000
4	Vật liệu sơn	Sơn phủ nội thất IEW	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.990.909
5	Vật liệu sơn	Sơn phủ nội thất IMP-ISG06	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	963.636
6	Vật liệu sơn	Sơn phủ nội thất IMP-ISG06	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.409.091
7	Vật liệu sơn	Sơn phủ nội thất IMP-IG05	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.363.636
8	Vật liệu sơn	Sơn phủ nội thất IMP-IG05	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	4.027.273
9	Vật liệu sơn	Sơn phủ nội thất I9	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.509.091
10	Vật liệu sơn	Sơn phủ nội thất I9	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	4.654.545
11	Vật liệu sơn	Sơn phủ nội thất INA-04	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.495.455
12	Vật liệu sơn	Sơn phủ nội thất INA-04	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	4.631.818
SON LÓT NGOẠI THẤT									
1	Vật liệu sơn	Sơn lót ngoại thất EL5	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	718.182
2	Vật liệu sơn	Sơn lót ngoại thất EL5	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	2.318.182
3	Vật liệu sơn	Sơn lót ngoại thất IMP-PE02	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.063.636

4	Vật liệu sơn	Sơn lót ngoại thất IMP-PE02	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.072.727
5	Vật liệu sơn	Sơn lót ngoại thất IMP-SPE01	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.163.636
6	Vật liệu sơn	Sơn lót ngoại thất IMP-SPE01	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.536.364
7	Vật liệu sơn	Sơn lót ngoại thất ENA-01	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.213.636
8	Vật liệu sơn	Sơn lót ngoại thất ENA-01	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.690.909
SON PHỤ ĐẶC BIỆT									
1	Vật liệu sơn	Sơn phụ đặc biệt ICL	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	336.364
2	Vật liệu sơn	Sơn phụ đặc biệt ICL	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	918.182
SON CHỐNG THẨM									
1	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm IMP-CT12	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.000.000
2	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm IMP-CT12	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.072.727
3	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm ETM	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.018.182
4	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm ETM	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.436.364
5	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm CTS-01	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	981.818
6	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm CTS-01	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.618.182
BỘT BÀ									
1	Vật liệu bột bả	Bột bả IP	Bao	QCVN 16:2023/BXD	40kg	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	490.909
2	Vật liệu bột bả	Bột bả EP	Bao	QCVN 16:2023/BXD	40kg	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	581.818
3	Vật liệu bột bả	Bột bả IP-New	Bao	QCVN 16:2023/BXD	40kg	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	368.182
4	Vật liệu bột bả	Bột bả EP-New	Bao	QCVN 16:2023/BXD	40kg	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	436.364
5	Vật liệu bột bả	Bột bả INP	Bao	QCVN 16:2023/BXD	40kg	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	563.636
6	Vật liệu bột bả	Bột bả ENP	Bao	QCVN 16:2023/BXD	40kg	Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	668.182

CÔNG TY CỔ PHẦN SON JYMEC VIỆT NAM '- Địa chỉ: BT4-A12, phố Bùi Xuân Phái, Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; - Điện thoại: 0243.226.2959 - Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình									
Sơn lót chống kiềm									
1	Vật liệu sơn	JYMEC - SON LÓT CHỐNG KIỀM NỘI THẤT (Tăng cường bám dính cho lớp sơn phủ)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20,7 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	2.942.000
2	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	4,3 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	737.000
3	Vật liệu sơn	JYMEC - SON LÓT CHỐNG KIỀM NỘI THẤT ĐẶC BIỆT (Chống kiềm, chống nấm mốc, độ bền vượt trội)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.098.000
4	Vật liệu sơn		long	QCVN 16:2023/BXD	4,3 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	770.000
5	Vật liệu sơn	JYMEC - SON LÓT CHỐNG KIỀM NGOẠI THẤT CAO CẤP (Chống kiềm, bảo vệ bề mặt tường với độ ẩm môi trường)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	4.168.000
6	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	5,2 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.285.000
7	Vật liệu sơn	JYMEC - SON LÓT CHỐNG KIỀM NGOẠI THẤT ĐẶC BIỆT (Tăng độ bền cho lớp sơn phủ khỏi bong tróc, phai màu)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	4.610.000
8	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	5,2 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.398.000
Sơn phủ nội thất									
1	Vật liệu sơn	JYMEC - SON NỘI THẤT SIÊU CAO CẤP SANG TRỌNG (Màng sơn bóng, màu sắc tươi sáng, siêu bền, lau chùi vượt trội, kháng khuẩn)	lon	QCVN 16:2023/BXD	5,3 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	2.312.000
2	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	1 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	538.000
3	Vật liệu sơn	JYMEC - SON BÓNG ÁNH NGỌC TRAI NỘI THẤT CAO CẤP (Ánh ngọc trai sang trọng, lau chùi hiệu quả, chống nấm mốc)	lon	QCVN 16:2023/BXD	5,3 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.879.000
4	Vật liệu sơn	JYMEC - SON BÓNG NỘI THẤT CAO CẤP (Lau chùi hiệu quả, chống nấm mốc, chống bám bụi bẩn)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20,5 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	5.047.000
5	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	5,3 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.456.000
6	Vật liệu sơn	JYMEC - SON NỘI THẤT CAO CẤP DẸ LAU CHÙI (Màng sơn mờ, lau chùi hiệu quả, chống nấm mốc)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	24 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	2.477.000
7	Vật liệu sơn		thùng	QCVN 16:2023/BXD	5,2 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	644.000
8	Vật liệu sơn	JYMEC - SON NƯỚC SIÊU TRẮNG NỘI THẤT CAO CẤP (Sơn trắng sáng trọng, bề mặt sơn láng mịn)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	23 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	2.158.000
9	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	4,5 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	556.000
10	Vật liệu sơn	JYMEC - SON NƯỚC ĐẸP HOÀN HẢO (Màng sơn bán bóng, chống nấm mốc, ngăn ngừa vi khuẩn)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	4.288.000
11	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	5,3 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.235.000
12	Vật liệu sơn	JYMEC - SON NƯỚC NỘI THẤT 3 IN 1	thùng	QCVN 16:2023/BXD	24 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.221.000

13	Vật liệu sơn	(Bề mặt sơn láng mịn, độ phủ cao, dễ thi công, kinh tế)	lon	QCVN 16:2023/BXD	4,5 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	349.000
14	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN NỘI THẤT (Sắc màu bền đẹp)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.035.000
Sơn phủ ngoại thất									
1	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN NGOẠI THẤT SIÊU CAO CẤP MÀU BỀN (Bền màu lâu dài, chống bám bụi, chống nấm mốc)	lon	QCVN 16:2023/BXD	5,5 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.050.000
2	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	1 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	602.000
3	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN BÓNG GIẢM NHIỆT NGOẠI THẤT ĐẶC BIỆT (Công nghệ độc quyền chuyên giao từ Mỹ bảo vệ 8 năm)	lon	QCVN 16:2023/BXD	5,5 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	2.550.000
4	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	1 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	537.000
5	Vật liệu sơn		thùng	QCVN 16:2023/BXD	16,5 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	5.776.000
6	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN BÓNG NGOẠI THẤT CAO CẤP (Màng sơn bóng đẹp, lau chùi hiệu quả, chống nấm mốc)	lon	QCVN 16:2023/BXD	5,5 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	2.025.000
7	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	1 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	455.000
8	Vật liệu sơn		thùng	QCVN 16:2023/BXD	23 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.987.000
9	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN NGOẠI THẤT CHỐNG PHAI MÀU (Giảm thiểu hiện tượng phai màu, chống nấm mốc)	lon	QCVN 16:2023/BXD	4,8 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	975.000
10	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	1 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	273.000
11	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN NƯỚC NGOẠI THẤT (Bề mặt sơn láng mịn, độ phủ cao, dễ thi công, kinh tế)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	23 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.200.000
12	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	4,8 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	798.000
Chống thấm									
1	Vật liệu sơn	JYMEC - CHỐNG THẤM ĐẶC BIỆT JM15 - A VÀ B (Siêu cao cấp, công nghệ đặc biệt, kết nối các vết nứt tường xây và bê tông)	cặp	QCVN 16:2023/BXD	2 kg/cặp	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.100.000
2	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN CHỐNG THẤM HAI THÀNH PHẦN - JM06 (Chống thấm bề nước, bề bơi, sân thượng, nhà vệ sinh, các vết nứt)	bộ	QCVN 16:2023/BXD	28 kg/bộ	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.200.000
3	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN CHỐNG THẤM ĐA NĂNG (Hợp chất pha xi măng giúp tăng khả năng chống thấm cho xi măng)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	4.413.000
4	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	4,3 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.063.000

5	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN CHỐNG THẤM MÀU (Chống thấm, chống nấm mốc, che phủ vết nứt nhỏ, dễ thi công)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	4.585.000
6	Vật liệu sơn		thùng	QCVN 16:2023/BXD	5,5 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.385.000
Bột Bả									
1	Vật liệu sơn	JYMEC - bột bả nội và ngoại thất cao cấp	bao	QCVN 16:2023/BXD	40 kg/bao	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	508.000
2	Vật liệu sơn	JYMEC - bột bả ngoại thất cao cấp	bao	QCVN 16:2023/BXD	41 kg/bao	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	573.000
3	Vật liệu sơn	JYMEC - Bột bả nội thất	bao	QCVN 16:2023/BXD	42 kg/bao	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	427.000
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ AIG - Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Licogi 13, 164 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, TP Hà Nội; - Điện thoại: 0914.694.299									
1	Vật liệu sơn	Bột bả nội thất cao cấp	40kg	TCVN7239:2014	Chống rạn nứt, độ bám dính cao, bề mặt láng mịn, dễ thi công	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	326.364
2	Vật liệu sơn	Bột bả ngoại thất cao cấp	40kg	TCVN7239:2014	Chống rạn nứt, độ bám dính cao, bề mặt láng mịn, dễ thi công	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	407.273
3	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm pha xi măng	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Chống thấm, chống rêu mốc tối đa	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.634.545
4	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm pha xi măng	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Chống thấm, chống rêu mốc tối đa	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.099.091
5	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm thượng hạng thế hệ mới	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Không cần sử dụng sơn lót, chống thấm, chống rêu mốc, pha được màu	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.954.545
6	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm thượng hạng thế hệ mới	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Không cần sử dụng sơn lót, chống thấm, chống rêu mốc, pha được màu	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.190.909
7	Vật liệu sơn	Chống thấm sàn 2 thành phần:TP A(Bột); 3.4kg, TP B(nhựa) 6.5kg	5kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Chống thấm trong và ngoài nhà, ngăn cản sự thấm nước, độ bám dính, che phủ cao	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	198.182
8	Vật liệu sơn	Chống thấm sàn 2 thành phần:TP A(Bột); 3.4kg, TP B(nhựa) 6.5kg	20kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Chống thấm trong và ngoài nhà, ngăn cản sự thấm nước, độ bám dính, che phủ cao	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	645.455
9	Vật liệu sơn	Sơn chống nóng	18L	QCVN16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Giảm nhiệt độ bề mặt từ 8-25°C tùy theo mức độ trời nắng, bám dính tốt lên nhiều bề mặt	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.962.727
10	Vật liệu sơn	Sơn chống nóng	5L	QCVN16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Giảm nhiệt độ bề mặt từ 8-25°C tùy theo mức độ trời nắng, bám dính tốt lên nhiều bề mặt	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	836.363
11	Vật liệu sơn	Sơn lót nội thất cao cấp	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Tăng độ bền màu, bám dính cho lớp sơn phủ	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.798.182
12	Vật liệu sơn	Sơn lót nội thất cao cấp	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Tăng độ bền màu, bám dính cho lớp sơn phủ	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	581.818
13	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Kháng kiềm, chống thấm, chống rêu mốc hiệu quả	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.420.909

14	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Kháng kiềm, chống thấm, chống rêu mốc hiệu quả	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	736.364
15	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất kinh tế	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Kháng kiềm, tăng độ bền màu, bám dính cho lớp sơn phủ	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.256.364
16	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất kinh tế	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Kháng kiềm, tăng độ bền màu, bám dính cho lớp sơn phủ	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	750.909
17	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Kháng kiềm, trung hòa độ PH tối đa, chống thấm theo thời gian	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.027.273
18	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Kháng kiềm, trung hòa độ PH tối đa, chống thấm theo thời gian	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	930.909
19	Vật liệu sơn	Sơn lót chống gỉ sét mái tôn	18L	QCVN16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Ngăn ngừa gỉ sét, tạo lớp phủ, tạo độ bám dính cho lớp sơn hoàn thiện	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.962.727
20	Vật liệu sơn	Sơn lót chống gỉ sét mái tôn	5L	QCVN16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Ngăn ngừa gỉ sét, tạo lớp phủ, tạo độ bám dính cho lớp sơn hoàn thiện	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	836.363
21	Vật liệu sơn	Sơn siêu mịn nội thất cao cấp	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Độ phủ cao, bền đẹp theo thời gian	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	881.818
22	Vật liệu sơn	Sơn siêu mịn nội thất cao cấp	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Độ phủ cao, bền đẹp theo thời gian	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	304.545
23	Vật liệu sơn	Sơn bóng semi nội thất cao cấp	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Màng sơn bóng, chống rêu mốc, lau chùi tối ưu, kháng khuẩn	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.915.455
24	Vật liệu sơn	Sơn bóng semi nội thất cao cấp	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Màng sơn bóng, chống rêu mốc, lau chùi tối ưu, kháng khuẩn	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	615.455
25	Vật liệu sơn	Sơn bóng semi nội thất cao cấp	1L	QCVN 16:2023/BXD	Màng sơn bóng, chống rêu mốc, lau chùi tối ưu, kháng khuẩn	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	186.364
26	Vật liệu sơn	Sơn nội thất bóng cao cấp	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Màng sơn bóng, chống thấm, lau chùi tối đa và chống rêu mốc hiệu quả	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.800.000
27	Vật liệu sơn	Sơn nội thất bóng cao cấp	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Màng sơn bóng, chống thấm, lau chùi tối đa và chống rêu mốc hiệu quả	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.144.545
28	Vật liệu sơn	Sơn nội thất bóng cao cấp	1L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Màng sơn bóng, chống thấm, lau chùi tối đa và chống rêu mốc hiệu quả	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	277.273
29	Vật liệu sơn	Sơn nội thất siêu bóng cao cấp	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Mặt sơn bóng, đẹp mãi với thời gian	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.818.182
30	Vật liệu sơn	Sơn nội thất siêu bóng cao cấp	5L	QCVN 16:2023/BXD	Mặt sơn bóng, đẹp mãi với thời gian	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.436.364
31	Vật liệu sơn	Sơn nội thất siêu bóng cao cấp	1L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Mặt sơn bóng, đẹp mãi với thời gian	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	331.818
32	Vật liệu sơn	Sơn siêu trắng trần cao cấp	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Dùng cho trần nhà, màng sơn mịn, độ phủ cao, siêu trắng	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.159.091

33	Vật liệu sơn	Sơn siêu trắng trần cao cấp	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Dùng cho trần nhà, màng sơn mịn, độ phủ cao, siêu trắng	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	668.182
34	Vật liệu sơn	Sơn siêu mịn ngoại thất cao cấp	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Độ phủ cao, chống thấm, chống rêu mốc tối đa	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.190.909
35	Vật liệu sơn	Sơn siêu mịn ngoại thất cao cấp	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Độ phủ cao, chống thấm, chống rêu mốc tối đa	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	672.727
36	Vật liệu sơn	Sơn ngoại thất bóng cao cấp	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Màng sơn bóng, chống thấm, lau chùi tối đa và chống rêu mốc hiệu quả	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.180.909
37	Vật liệu sơn	Sơn ngoại thất bóng cao cấp	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Màng sơn bóng, chống thấm, lau chùi tối đa và chống rêu mốc hiệu quả	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.310.909
38	Vật liệu sơn	Sơn ngoại thất bóng cao cấp	1L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Màng sơn bóng, chống thấm, lau chùi tối đa và chống rêu mốc hiệu quả	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	304.545
39	Vật liệu sơn	Sơn ngoại thất siêu bóng cao cấp	18L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Mặt sơn bóng, đẹp mãi với thời gian	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	5.168.000
40	Vật liệu sơn	Sơn ngoại thất siêu bóng cao cấp	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Mặt sơn bóng, đẹp mãi với thời gian	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.540.909
41	Vật liệu sơn	Sơn ngoại thất siêu bóng cao cấp	1L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Mặt sơn bóng, đẹp mãi với thời gian	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	359.091
42	Vật liệu sơn	Sơn nhũ vàng	1L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Độ bóng cao, bề mặt óng ánh với ánh kim, chịu được tia cực tím và thay đổi thời tiết	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	496.364
43	Vật liệu sơn	Sơn phủ bóng Clear	5L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Màng sơn nhẵn bóng loáng, độ bám dính cao	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.345.455
44	Vật liệu sơn	Sơn phủ bóng Clear	1L	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Màng sơn nhẵn bóng loáng, độ bám dính cao	Công ty CP Quốc tế AIG	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	646.363

III TÔN**CÔNG TY CỔ PHẦN AUSTNAM**

- Địa chỉ: Số V2A, tầng 3 tòa nhà CT4 Vimeco, Lô H1, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 02438691579 - 0904613663

- Danh sách các đại lý phân phối tại Lào Cai:

+ Đại lý Sáu Hào - Đường B1, tổ 4 phường Bắc Cường, tỉnh Lào Cai

+ Đại lý Hồng Đức - 99 Ngõ Gia Tự, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai

+ Đại lý Trường Chinh - Đại lộ Nguyễn Thái Học, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai

+ Đại lý Việt Quyết - Số 5 Lý Thường Kiệt, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai

Tôn Austnam 1 lớp

1	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AC11 - 0,45mm - 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 25/10	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	198.182
2	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AC11- 0,47mm - 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 25/10	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	201.818
3	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ATEK1000 - 0,45mm - 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 25/10	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	199.091
4	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ATEK1000 - 0,47mm - 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 25/10	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	202.727

5	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam -ATEK1088 - 0,45mm - 5 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 5 sóng dày 0.45mm, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 25/10	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	194.545
6	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ATEK1088 - 0,47mm - 5 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 25/10	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	199.091
7	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam-AD11 - 0,42mm - 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az100, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	184.545
8	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AD11 - 0,45mm - 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az100, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	191.818
9	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AD06 - 0,42mm - 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az100, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	185.455
10	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AD06 - 0,45mm - 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	192.727
11	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AD05 - 0,42mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550 lớp mạ Az100, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	181.818
12	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AD05 - 0,45mm - 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550 lớp mạ Az100, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	189.091
13	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ADTile - 0,42mm (Sóng giả ngói)	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn sóng ngói 1 lớp, G550 lớp mạ Az100, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	193.636
14	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam Alok 420 - 0,45mm(khô, hiệu dụng 420)	m2	ASTM A755/A792/A924	Liên kết bằng đai kẹp âm, lớp mạ Az150, sơn 25/10 (3 sóng)	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	254.545
15	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam Alok 420 - 0,47mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn liên kết bằng đai kẹp âm, dày 0.47mm Az150 (3 sóng)	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	260.000
16	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ASEAM480 - 0,45mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn liên kết bằng đai kẹp âm, dày 0.45mm Az150 (2 sóng)	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	233.636
17	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ASEAM480 - 0,47mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn liên kết bằng đai kẹp âm, dày 0.47mm Az150 (2 sóng)	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	238.182
Tôn Austnam AR-EPS chống nóng, chống ồn 3 lớp, Xốp EPS									
18	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AR-EPS - 0.40/50/0.35, Ti trọng EPS 11kg/m3	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn mái chống nóng, xốp EPS dày 50mm, Tôn mạ A/z, 2 lớp tôn, G340-G550	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	366.364
19	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AR-EPS - 0.45/50/0.35, Ti trọng EPS 11kg/m3	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	381.818
20	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AR-EPS - 0.40/50/0.40, Ti trọng EPS 11kg/m3	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	386.364
21	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AR-EPS - 0.45/50/0.40, Ti trọng EPS 11kg/m3	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	399.091
22	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AP-EPS - 0.35/50/0.35, Ti trọng EPS 11kg/m3	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm vách chống nóng, chống ồn, xốp EPS dày 50mm, 2 mặt tôn, G340	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	320.909

23	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AP-EPS - 0.40/50/0.35, Ti trọng EPS 11kg/m ³	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	331.818
24	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AP-EPS - 0.40/50/0.40, Ti trọng EPS 11kg/m ³	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	341.818
25	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AP-EPS - 0.45/50/0.40, Ti trọng EPS 11kg/m ³	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	353.636
Tôn Austnam chống nóng, chống ồn, xốp PU									
26	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam APU1-0,45mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m ³ , 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm lợp chống nóng, chống ồn PU dày 18mm, Tôn mạ A/z150	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	289.091
27	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam APU1-0,47mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m ³ , 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	292.727
28	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam APU1-0,45mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m ³ , 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	285.455
29	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam APU1-0,47mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m ³ , 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	290.000
30	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ADPU1-0,40mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m ³ , 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm lợp PU chống nóng, PU dày 18mm, Tôn mạ A/z100	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	269.091
31	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ADPU1-0,42mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m ³ , 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	275.455
32	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ADPU1-0,40mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m ³ , 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	265.455
33	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ADPU1-0,42mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m ³ , 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	271.818
Phụ kiện tôn Austnam									
34	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 300mm, dày 0,42mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	54.545
35	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 400mm, dày 0,42mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	71.364
36	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 600mm, dày 0,42mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	101.818
37	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 300mm, dày 0,45mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	59.545
38	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 400mm, dày 0,45mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	77.727
39	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 600 mm, dày 0,45mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	111.818
40	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 300 mm, dày 0,47mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	60.455

41	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 400 mm, dày 0,47mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	79.545
42	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 600 mm, dày 0,47mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	114.545
Tôn Suntek 1 lớp									
43	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EC11 (11 sóng) dày 0.40mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 11 sóng dày 0.40mm, lớp mạ Az50	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	126.364
44	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EC11 (11 sóng) dày 0.45mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 11 sóng dày 0.45mm, lớp mạ Az50	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	138.182
45	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EK106 (6 sóng) dày 0.40mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 6 sóng dày 0.40mm, lớp mạ Az50	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	127.273
46	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EK106 (6 sóng) dày 0.45mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 6 sóng dày 0.45mm, lớp mạ Az50	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	139.091
47	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EK108 (5 sóng) dày 0.40mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 5 sóng dày 0.40mm, lớp mạ Az50	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	124.545
48	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EK108 (5 sóng) dày 0.45mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 5 sóng dày 0.45mm, lớp mạ Az50	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	136.364
49	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek ELOK 420 dày 0.45mm, G550(3sóng)	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn liên kết bằng đai kẹp âm, dày 0.45mm Az50 (3 sóng)	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	201.818
50	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek ESEAM 480 dày 0.45mm, G340(2 sóng)	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn liên kết bằng đai kẹp âm, dày 0.45mm Az50 (2 sóng)	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	185.455
Tôn suntek chống nóng, chống ồn, xốp PU									
51	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EPU1 (11 sóng) dày 0.40mm, lớp U tỷ trọng 28-32kg/m3	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm lợp chống nóng, chống ồn, lớp xốp PU dày 18mm	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	220.000
52	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suutek EPU1 (11 sóng) dày 0.45mm, lớpPU tỷ trọng 28-32kg/m3	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm lợp chống nóng, chống ồn, lớp xốp PU dày 18mm	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	231.818
53	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EPU1 (6 sóng) dày 0.40mm, lớpPU tỷ trọng 28-32kg/m3	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm lợp chống nóng, chống ồn, lớp xốp PU dày 18mm	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	219.091
54	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EPU1 (6 sóng) dày 0.45mm, lớpPU tỷ trọng 28-32kg/m33	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm lợp chống nóng, chống ồn, lớp xốp PU dày 18mm	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	230.909
Phụ kiện tôn Suntek									
55	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK Suntek khổ 300mm dày 0.40mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	51.818
56	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK Suuntek khổ 400mm dày 0.40mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	53.636
57	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK Suntek khổ 600mm dày 0.40mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	74.545
58	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK Suntek khổ 300mm dày 0.45mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	45.455
59	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK Suntek khổ 400mm dày 0.45mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	58.182
60	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK Suntek khổ 600mm dày 0.45mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	82.727
Vật tư phụ									
1	Vật liệu tấm lợp, bao che	Đai bắt tôn Alok	cái		Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	10.000
2	Vật liệu tấm lợp, bao che	Vít sắt dài 65mm	cái		Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	2.091
3	Vật liệu tấm lợp, bao che	Vít sắt dài 45mm	cái		Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	1.545
4	Vật liệu tấm lợp, bao che	Vít sắt dài 45mm	cái		Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	1.091
5	Vật liệu tấm lợp, bao che	Vít bắt đai Alok	cái		Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	636

CÔNG TY TNHH NASAKI VIỆT NAM Địa chỉ: KCN phía Nam - phường Văn Phú - tỉnh Lào Cai Số điện thoại: 0974.683.640 Giá bán chưa bao gồm cước vận chuyển giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất.									
I Ngói sóng									
1	Vật liệu lợp	Ngói màu LUXURY (9 viên/m2 sử dụng)	viên	TCVN 4313:2023	360x302(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	37.340
2	Vật liệu lợp	Ngói màu NASAKI (9 viên/m2 sử dụng)	viên	TCVN 4313:2023	363x305(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	32.340
3	Vật liệu lợp	Ngói nóc - 3 viên/md	viên	TCVN 4313:2023	320x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	44.340
4	Vật liệu lợp	Ngói cuối nóc	viên	TCVN 4313:2023	330x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	47.340
5	Vật liệu lợp	Ngói rìa - 3 viên/md	viên	TCVN 4313:2023	379x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	44.340
6	Vật liệu lợp	Ngói cuối rìa	viên	TCVN 4313:2023	385x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	47.340
7	Vật liệu lợp	Ngói lót nóc - 3 viên/md (1đôi = 2 viên)	viên	TCVN 4313:2023	305x255(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	52.340
8	Vật liệu lợp	Ngói 3 chạc (chữ Y, chữ T)	viên	TCVN 4313:2023		Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	57.340
9	Vật liệu lợp	Ngói cuối mái	viên	TCVN 4313:2023	340x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	67.340
II Ngói phẳng									
1	Vật liệu lợp	Ngói phẳng Pháp (10 viên/m2)	viên	TCVN 4313:2023	360x255(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	38.840
2	Vật liệu lợp	Ngói phẳng vân hoặc trơn (9viên/m2)	viên	TCVN 4313:2023	440x260(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	41.840
3	Vật liệu lợp	Ngói nóc - 3 viên/md	viên	TCVN 4313:2023	330x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	44.340
4	Vật liệu lợp	Ngói cuối nóc	viên	TCVN 4313:2023	340x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	47.340
5	Vật liệu lợp	Ngói rìa - 3 viên/md	viên	TCVN 4313:2023	300x195(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	43.540
6	Vật liệu lợp	Ngói cuối rìa	viên	TCVN 4313:2023	340x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	47.340

7	Vật liệu lợp	Ngói lót nóc - 3 viên/md (1đôi = 2 viên)	viên	TCVN 4313:2023	305x255(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	52.340
8	Vật liệu lợp	Ngói 3 chạc (chữ Y, chữ T)	viên	TCVN 4313:2023		Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	57.340
9	Vật liệu lợp	Ngói cuối mái	viên	TCVN 4313:2023	330x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	67.340
III Ngói phong cách Hàn Quốc									
1	Vật liệu lợp	Ngói NASAKI phong cách Hàn Quốc Kích thước 280x230 (20 viên/m ²)	viên	TCVN 4313:2023	250x203(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	40.840
2	Vật liệu lợp	Ngói nóc Kích thước: 160x350 (3viên /md)	viên	TCVN 4313:2023	310x160(mm)\	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	60.840
3	Vật liệu lợp	Ngói ốp tạo hình nóc KT: 240x300x15mm (3.3viên/md)	viên	TCVN 4313:2023	300x240(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	66.840
4	Vật liệu lợp	Ngói điểm bờ nóc KT: 90x90x199mm (5 viên/md)	viên	TCVN 4313:2023	200x110(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	56.840
5	Vật liệu lợp	Ngói ốp tạo hình nóc KT: 100x440mm (2.5viên/md)	viên	TCVN 4313:2023	440x100(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	56.840
6	Vật liệu lợp	Ngói điểm cuối mái Kích thước 280x230 (5viên/md)	viên	TCVN 4313:2023	285x200(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	72.840
7	Vật liệu lợp	Ngói đầu đao	viên	TCVN 4313:2023	480x270(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	610.840
IV Gạch TERRAZZO									
1	Gạch ốp lát	Terrazzo Ghi Xám Hoàng Gia Kích thước (mm): 300x600	m ²	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	397.650
2	Gạch ốp lát	Terrazzo Ghi Đen Hoàng Gia Kích thước (mm): 300x600	m ²	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	412.350
3	Gạch ốp lát	Terrazzo Ngọc Đỏ Suối Giàng Kích thước (mm): 300x600	m ²	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	1.029.750
4	Gạch ốp lát	Terrazzo Ngọc Xanh Suối Giàng Kích thước (mm): 300x600	m ²	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	1.029.750
5	Gạch ốp lát	Terrazzo Xanh Rêu Hoàng Gia Kích thước (mm): 300x600	m ²	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	412.350
6	Gạch ốp lát	Terrazzo Đá Vàng Hoàng Gia Kích thước (mm): 300x600	m ²	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	412.350
7	Gạch ốp lát	Terrazzo Xám Nhật Sọc Dưa Kích thước (mm): 300x600	m ²	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	397.650

8	Gạch ốp lát	Terrazzo Đá Đen Mix Sỏi Trắng Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	588.750
9	Gạch ốp lát	Terrazzo Hồng Hạt To Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	588.750
10	Gạch ốp lát	Terrazzo Hồng Hạt Nhỏ Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	588.750
11	Gạch ốp lát	Terrazzo Black & White Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	568.164
12	Gạch ốp lát	Terrazzo White Marble Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	588.750
13	Gạch ốp lát	Terrazzo Xám An Hoà Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	588.750
14	Gạch ốp lát	Terrazzo Xám Sọc Dưa Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	405.000
15	Gạch ốp lát	Terrazzo Backstone Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	515.250
17	Gạch ốp lát	Terrazzo Cafe Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	588.750
18	Gạch ốp lát	Terrazzo Mix 6 màu Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	568.164
19	Gạch ốp lát	Terrazzo Xám Mix Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	405.000
20	Gạch ốp lát	Terrazzo Ghi Xám Nhạt Mix Vàng Chanh Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	423.636
21	Gạch ốp lát	Terrazzo An Thạch Xanh Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	552.000

IV CỬA KHUNG NHỰA, NHÔM

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HIỀN VÂN Địa chỉ công ty: Số 385 đường Nguyễn Thái Học, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai Số điện thoại: 0915586887									
NHÔM HỆ 45 HMI, THƯƠNG HIỆU NHÔM HMI DO NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH THÀNH HIỀN HÀ NAM - LÔ CN -01, KCN ĐÔNG VĂN IV, XÃ ĐẠI CƯƠNG, HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM, VIỆT NAM (KÍNH AN TOÀN 6.38)									
1	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.680.000
2	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.630.000
3	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.880.000
4	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 4 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.650.000
5	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 1 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.550.000

6	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa số 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.650.000
7	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa số 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.600.000
8	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa số 2 cánh mở trượt	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.550.000
9	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ mở hất	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.450.000
10	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa số 2 cánh mở quay chiếm $\leq 50\%$ diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.550.000
11	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.380.000
PHỤ KIỆN NHÓM HỆ 45 HMI									
12	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.230.000
13	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.740.000
14	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 4 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.150.000
15	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	660.000
16	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	900.000
17	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở trượt	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	410.000
18	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ mở hất	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	665.000
NHÓM HỆ 55 HMI, THƯƠNG HIỆU NHÓM HMI DO NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH THÀNH HIỆN HÀ NAM - LÔ CN-01, KCN ĐÔNG VĂN IV, XÃ ĐẠI CƯƠNG, HUYỆN KIM BANG, TỈNH HÀ NAM, VIỆT NAM									
19	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.880.000
20	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.830.000
21	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.080.000
22	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 4 cánh mở quay chiếm $\leq 50\%$ diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.850.000
23	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 1 cánh mở quay chiếm $\leq 50\%$ diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.750.000
24	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa số 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.850.000
25	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa số 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.800.000
26	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa số 2 cánh mở trượt	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.750.000
27	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ mở hất	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.650.000
28	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa số 2 cánh mở quay chiếm $\leq 50\%$ diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.750.000

29	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.580.000
PHỤ KIỆN NHÓM HỆ 55 HMI									
30	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.370.000
31	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.940.000
32	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 4 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.400.000
33	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	740.000
34	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.000.000
35	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở trượt	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	460.000
36	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ mở hất	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	740.000
NHÓM HỆ VIỆT PHÁP HÀ NỘI, CÔNG TY CỔ PHẦN NHÓM VIỆT PHÁP HÀ NỘI- ĐỘI 9, XÃ NGỌC HỒI, HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM									
37	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.970.000
38	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.920.000
39	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.180.000
40	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 4 cánh mở quay chiếm $\leq 50\%$ diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.940.000
41	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 1 cánh mở quay chiếm $\leq 50\%$ diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.840.000
42	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.940.000
43	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.890.000
44	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở trượt	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.830.000
45	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ mở hất	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.730.000
46	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa sổ 2 cánh mở quay chiếm $\leq 50\%$ diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.830.000
47	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Văn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.660.000
PHỤ KIỆN NHÓM HỆ VIỆT PHÁP									
48	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.440.000
49	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.040.000

50	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 4 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.520.000
51	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	780.000
52	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.050.000
53	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở trượt	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	480.000
54	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ mở hất	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	780.000
NHÓM HỆ XINGFA VIỆT NAM DO CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ MÁY NHÓM XINGFA VIỆT NAM, 99 ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA, QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH									
55	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Vãn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.480.000
56	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Vãn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.430.000
57	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Vãn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.680.000
58	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 4 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Vãn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.250.000
59	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 1 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Vãn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.150.000
60	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Vãn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.450.000
61	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Vãn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.400.000
62	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở trượt	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Vãn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.350.000
63	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ mở hất	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Vãn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.250.000
64	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa sổ 2 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Vãn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.150.000
65	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiện Vãn	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.980.000
PHỤ KIỆN NHÓM HỆ XINGFA VIỆT NAM									
66	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.720.000
67	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.290.000
68	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 4 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.750.000
69	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.090.000
70	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.350.000
71	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở trượt	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	810.000
72	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ mở hất	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.090.000
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ TM THẮNG HƯƠNG (Văn bản số 135/UBND-KTHTĐT ngày 16/3/2025 của UBND phường Trung Tâm) - Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt trong phạm vi thị xã, chưa bao gồm thuế VAT - Địa chỉ nơi sản xuất: Tổ 11, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai - Điện thoại: 0983288465									
NHÓM HỆ JANGLY- SEVILKO KÍNH AN TOÀN 6.38 MM - TÂM COMPAC									
A HỆ CỬA ĐI									
1	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay có ô fix	m2	TCCS		Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thắng Hương	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt tại địa bàn phường Trung Tâm	1.850.000

2	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay có ô fix	m2	TCCS	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thăng Hường	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt tại địa bàn phường Trung Tâm	1.800.000	
B HỆ CỬA SỔ									
1	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở quay có ô fix	m2	TCCS	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thăng Hường	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt tại địa bàn phường Trung Tâm	1.830.000	
2	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay có ô fix	m2	TCCS	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thăng Hường	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt tại địa bàn phường Trung Tâm	1.800.000	
C HỆ VÁCH KÍNH									
1	Cửa nhôm kính	Vách nhôm hệ kính an toàn 6.38	m2	TCCS	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thăng Hường	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt tại địa bàn phường Trung Tâm	1.500.000	
D PHỤ KIỆN NHÔM HỆ									
1	Cửa nhôm kính	Phụ kiện cửa đi 1 cánh	bộ	TCCS	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thăng Hường	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt tại địa bàn phường Trung Tâm	950.000	
2	Cửa nhôm kính	Phụ kiện cửa đi 2 cánh	bộ	TCCS	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thăng Hường	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt tại địa bàn phường Trung Tâm	1.150.000	
3	Cửa nhôm kính	Phụ kiện cửa sổ 1 cánh	bộ	TCCS	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thăng Hường	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt tại địa bàn phường Trung Tâm	550.000	
4	Cửa nhôm kính	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh	bộ	TCCS	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thăng Hường	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt tại địa bàn phường Trung Tâm	650.000	
5	Cửa nhôm kính	Tấm compac	m	TCCS	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thăng Hường	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt tại địa bàn phường Trung Tâm	1.050.000	
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HÀ DƯƠNG Địa chỉ: SN 261, đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai Điện thoại: 036666691									
Cửa và vách nhôm thường Đông Á									
1	Cửa nhôm kính	Cửa đi nhôm thường Đông Á, độ dày nhôm 0,6-1,0mm. Kính thường dày 5mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 0,6 - 1,0mm; Kính thường dày 5mm;	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.110.000
2	Cửa nhôm kính	Cửa sổ nhôm thường Đông Á, độ dày nhôm 0,6-1,0mm. Kính thường dày 5mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 0,6 - 1,0mm; Kính thường dày 5mm;	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.050.000
3	Cửa nhôm kính	Vách kính cố định nhôm thường Đông Á, độ dày nhôm 0,6 - 1,0mm. Kính thường dày 5mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 0,6 - 1,0mm; Kính thường dày 5mm;	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.010.000
Cửa và vách nhôm hệ Xingfa (DY-56) Đông Á, kính an toàn 2 lớp 6,38mm.									
1	Cửa nhôm kính	Cửa đi mở quay nhôm Đông Á hệ Xingfa (DY-56) độ dày mã chính nhôm dày 1,4mm. Trên lắp kính an toàn 6,38mm, dưới bung lá hộp nhôm 2 mặt. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 -Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm mã chính 1,4mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.300.000

2	Cửa nhôm kính	Cửa sổ mở quay, mở hắt nhôm Đông Á hệ Xingfa (DY-56) độ dày mã chính nhôm 1,2mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,2mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.110.000
3	Cửa nhôm kính	Vách kính cố định nhôm Đông Á hệ Xingfa (DY-56), độ dày mã chính nhôm 1,2mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,2mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.040.000
Cửa và vách nhôm hệ Vát Cạnh (DY-55) Đông Á, kính an toàn 2 lớp									
1	Cửa nhôm kính	Cửa đi mở quay nhôm Đông Á hệ Vát cạnh (DY-55) độ dày mã chính nhôm 1,0-1,3mm, Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m ²	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 - Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,0-1,3mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.060.000
2	Cửa nhôm kính	Cửa đi mở quay nhôm Đông Á hệ Vát cạnh (DY-55) độ dày mã chính nhôm 0,9-1,1mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m ²	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 0,9 - 1,1mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.910.000
3	Cửa nhôm kính	Cửa sổ mở quay, mở hắt nhôm Đông Á hệ Vát cạnh (DY-55) độ dày mã chính nhôm 1,0-1,3mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,0 - 1,3mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.890.000
4	Cửa nhôm kính	Cửa sổ mở quay, mở hắt nhôm Đông Á hệ Vát cạnh (DY-55) độ dày mã chính nhôm 0,8 - 1,1mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 0,8 - 1,1mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.810.000
5	Cửa nhôm kính	Vách kính cố định nhôm Đông Á hệ Vát cạnh (DY-55), độ dày mã chính nhôm 1,1-1,3mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,1 - 1,3mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.740.000
6	Cửa nhôm kính	Vách kính cố định nhôm Đông Á hệ Vát cạnh (DY-55), độ dày mã chính nhôm 0,9-1,1mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 0,9 - 1,1mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm;	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.700.000
Cửa đi và cửa sổ mở trượt nhôm Đông Á, kính an toàn 2 lớp 6,38mm.									
1	Cửa nhôm kính	Cửa đi mở trượt nhôm Đông Á hệ lùa ray inox DA-L55 độ dày mã chính nhôm 1,0-1,2mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,0 - 1,2mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm;	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.100.000

2	Cửa nhôm kính	Cửa sổ mở trượt nhôm Đồng Á hệ DY-50 độ dày mã chính nhôm 1,15-1,20mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thi nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,15 - 1,20mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm;	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đồng Á (Sân phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.870.000
Cửa nhôm hệ Thủy Lực (DY-160) Đồng Á									
1	Cửa nhôm kính	Cửa nhôm Đồng Á hệ thủy lực (DY-160), bản cánh rộng 180mm, bản khung 200mm, độ dày mã chính nhôm 1,8-2,0mm. Kính an toàn 8,38mm. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thi nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,8 - 2,0mm; Kính an toàn dày 8,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhóm Đồng Á (Sân phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.210.000
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL Địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh Số điện thoại: 0963.846.666 - 0888.545.555									
I. HỆ 55 VÁT CẠNH									
1	Cửa nhôm kính	Vách cố định Kích thước: 2000 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38 mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 vát cạnh độ dày 1,0mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đồng Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 55 dày 1.0mm	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	1.516.000
2	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh kích thước: 800 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 vát cạnh độ dày 1,0mm (±5%). - Gioăng chèn hãng Đồng Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2019	Hệ 55 dày 1.0mm	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.044.000
3	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh kích thước: 1600 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 vát cạnh độ dày 1,0mm (±5%). - Gioăng chèn hãng Đồng Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2020	Hệ 55 dày 1.0mm	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.047.000
4	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở hất kích thước 800*1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh singhal hệ 55 vát cạnh độ dày 1,0mm (±5%) -Gioăng chèn hãng Đồng Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2021	Hệ 55 dày 1.0mm	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.046.000
5	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở hất kích thước 1200 * 1600 mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 vát cạnh độ dày 1,0 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đồng Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2022	Hệ 55 dày 1.0mm	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.046.000
6	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở lùa kích thước: 1400 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 vát cạnh độ dày 1,0 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đồng Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2023	Hệ 55 dày 1.0mm	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	1.794.000
7	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở lùa kích thước: 2400 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 vát cạnh độ dày 1,0 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đồng Á		Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2024	Hệ 55 dày 1.0mm	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	1.794.000
II.NHÓM SINGHAL HỆ 55 MẶT CÁT XINGFA									

1	Cửa nhôm kính	Vách cố định kích thước: 2000 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38 mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 mặt cắt Xingfa độ dày 1,4 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 55 Xingfa dày 1.4mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	1.523.000
2	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh kích thước: 1000 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38 mm - Nhôm thanh singhal hệ 55 mặt cắt Xingfa độ dày 2,0 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2019	Hệ 55 Xingfa dày 2,0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.752.000
3	Cửa nhôm kính	: Cửa đi 2 cánh kích thước: 1600 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 mặt cắt Xingfa độ dày 2,0 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2020	Hệ 55 Xingfa dày 2,0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.765.000
4	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở hất kích thước: 800 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 mặt cắt Xingfa độ dày 1,4mm (±5%). - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2021	Hệ 55 Xingfa dày 1.4mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.622.000
5	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở hất kích thước: 1400 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 mặt cắt Xingfa độ dày 1,4mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2022	Hệ 55 Xingfa dày 1.4mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.682.000
III. SINGHAL HỆ 56 SẬP LIỀN									
1	Cửa nhôm kính	Vách cố định kích thước: 2000 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.2mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	1.517.000
2	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay kích thước: 1000 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2019	Hệ 56 sập liền dày 1.2mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.624.000
3	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay liền vách kích thước: 1000 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2020	Hệ 56 sập liền dày 1.2mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.625.000
4	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay kích thước: 1600 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2021	Hệ 56 sập liền dày 1.2mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.658.000
5	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay liền vách kích thước: 1600 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2022	Hệ 56 sập liền dày 1.2mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.625.000

6	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở trượt kích thước: 1600 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2023	Hệ 56 sập liền dây 1.2mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.292.000
7	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở trượt liền vách kích thước: 1600 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dây 1.2mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.292.000
8	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở hất kích thước 800 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38 mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,0 mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2019	Hệ 56 sập liền dây 1.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.406.000
9	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay kích thước 1200*1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,0mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2020	Hệ 56 sập liền dây 1.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.689.000
10	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay liền vách kích thước 1200*1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,0mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2021	Hệ 56 sập liền dây 1.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.727.000
11	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở trượt kích thước 1200*1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,0mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dây 1.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.579.000
12	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở trượt kích thước 2400*1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,0mm (±5%) - Gioăng chèn hãng Đông Á		Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2019	Hệ 56 sập liền dây 1.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.579.000
V NHÓM SINGHAL HỆ MẶT DỰNG -65									
1	Cửa nhôm kính	Hệ vách dựng nổi đồ: - Nhôm Singhal dày 2,5 mm (±5%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ vách dựng, dày 2.5mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.985.000
2	Cửa nhôm kính	Hệ vách dựng nổi đồ + có cửa mở hất - Nhôm Singhal dày 2,5 mm (±5%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2019	Hệ vách dựng, dày 2.5mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.121.000
3	Cửa nhôm kính	Hệ vách dựng đầu đồ + cửa sổ 1 cánh mở hất - Nhôm Singhal dày 2,5 mm (±5%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2020	Hệ vách dựng, dày 2.5mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.871.000
VI NHÓM SINGHAL HỆ MẶT DỰNG -52									

1	Cửa nhôm kính	Hệ vách dựng nổi đố : - Nhôm Singhal dày 2,0ly (±5%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ vách dựng, dày 2.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.792.000
2	Cửa nhôm kính	Vách dựng cố định nổi đố+ có cửa sổ 1 cánh mở hất - Nhôm Singhal dày 2,0ly (±5%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2019	Hệ vách dựng, dày 2.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.186.000
3	Cửa nhôm kính	Hệ vách dựng dẫu đố+ có cửa sổ 1 cánh mở hất. - Nhôm Singhal dày 2,0ly (±5%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2020	Hệ vách dựng, dày 2.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.872.000
VII HỆ THUY LỰC:									
1	Cửa nhôm kính	Khung K200*SC180 nhôm Singhal độ dày 2,0mm (±5%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 10,38 mm - Gioăng hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ thủy lực K200*SC 180, dày 2.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	5.955.000
2	Cửa nhôm kính	Khung K200 * SC120 Nhôm Singhal, độ dày 2,0mm (±5%) - Cửa đi 2/3/4/5/7 tấm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 10,38mm - Gioăng hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2019	Hệ thủy lực K200* SC120, dày 2.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	5.522.000
3	Cửa nhôm kính	Khung SK120*SC140, Nhôm Singhal, độ dày 2.0mm (±5%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 10,38 mm - Gioăng hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2020	Hệ thủy lực K120* SC140, dày 2.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	5.764.000
4	Cửa nhôm kính	Khung SK120* SC180 Nhôm Singhal, dày 2,0mm (±5%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 10,38 mm - Gioăng hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2021	Hệ thủy lực SK120* SC180, dày 2.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	4.950.000
5	Cửa nhôm kính	Khung K120*SC120 Nhôm Singhal, độ dày 2,0mm (±5%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 10,38 mm - Gioăng hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2022	Hệ thủy lực K120* SC120, dày 2.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	4.566.000
6	Cửa nhôm kính	Khung SK120 * cánh SC140, Nhôm singhal, độ dày 2,0mm (±5%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 10,38mm - Gioăng hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2023	Hệ thủy lực SK120* SC140, dày 2.0mm	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	4.578.000
B. CỬA CUỐN SINGDOOR									
I. NAN CỬA CUỐN									
1	Cửa cuốn	Nan cửa cuốn chống bão G91: - Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm, sơn màu caphe, lỗ thoát hình kim tiên, bản nan 90mm, giảm âm 2 chiều lên xuống.	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	bản nan 90mm, lỗ thoát hình kim tiên.	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.204.000
2	Cửa cuốn	Nan cửa cuốn SE03: - Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm, sơn màu caphe, lỗ thoát hình ôvan, bản nan 50mm, 4chân, 2 vít, giảm âm 1 chiều lên, xuống.	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2019	bản nan 50mm, lỗ thoát hình ôvan.	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.113.000
3	Cửa cuốn	Nan cửa cuốn G90: - Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm, kết hợp 2 nam sơn màu ghi sáng + caphe, lỗ thoát kim tiên, bản nan 90mm, giảm âm 2 chiều lên, xuống.	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2020	bản nan 90mm, lỗ thoát hình kim tiên.	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.955.000
4	Cửa cuốn	Nan cửa cuốn G60: - Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm, sơn màu ghi sáng, lỗ thoát kim tiên, bản nan 60mm, giảm âm 2 chiều lên, xuống.	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2021	Bản nan 60mm, lỗ thoát hình kim tiên	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.700.000

5	Cửa cuốn	Nan cửa cuốn G61: - Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm, kết hợp 2 nan, sơn màu caphe, lỗ thoáng hình hoa văn, bản nan 88mm, giảm âm 2 chiều lên, xuống.	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2022	Bản nan 60mm, lỗ thoáng hình hoa văn	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.610.000
VẬT LIỆU KHÁC									
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP ĐẠI THANH - Địa chỉ công ty: Số 087 đường Võ Nguyên Giáp, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Điện thoại: 0961052362									
1	Vữa xây trát	Vữa xây trát VIN PROMAX nội thất và ngoại thất	bao		50kg/bao	Công ty cổ phần giải pháp VLXD Toàn Cầu	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty số 234 đường Phú Thịnh, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai	62.500
CÔNG TY CỔ PHẦN TM&XD DUYÊN HẢI - Địa chỉ: Lô 18, đường Thủ Dầu 1, Khu tiểu thủ công nghiệp Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai - Điện thoại: 0978.399.896									
Cổng tròn bê tông cốt thép đúc sẵn âm dương dài 1m, tải trọng thiết kế HL93 (cấp tải TC)									
1	Cầu kiện cổng tròn đúc sẵn	Cổng tròn D400 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cổng H=(0.5-4.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cổng 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	535.000
2	Cầu kiện cổng tròn đúc sẵn	Cổng tròn D600 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cổng H=(0.5-4.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cổng 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	832.000
3	Cầu kiện cổng tròn đúc sẵn	Cổng tròn D750 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cổng H=(0.5-6.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cổng 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.056.000
4	Cầu kiện cổng tròn đúc sẵn	Cổng tròn D800 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cổng H=(0.5-6.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cổng 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.176.000
5	Cầu kiện cổng tròn đúc sẵn	Cổng tròn D1000 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cổng H=(0.5-4.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cổng 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.665.000
6	Cầu kiện cổng tròn đúc sẵn	Cổng tròn D1000 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cổng H=(0.5-6.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cổng 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.776.000
7	Cầu kiện cổng tròn đúc sẵn	Cổng tròn D1200 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cổng H=(0.5-4.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cổng 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	2.115.000
8	Cầu kiện cổng tròn đúc sẵn	Cổng tròn D1200 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cổng H=(4.0-9.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cổng 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	2.372.000
9	Cầu kiện cổng tròn đúc sẵn	Cổng tròn D1500 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cổng H=(0.5-9.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cổng 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	4.123.000
10	Cầu kiện cổng tròn đúc sẵn	Cổng tròn D2000 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cổng H=(0.5-9.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cổng 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	7.890.000
Cổng tròn bê tông cốt thép đúc sẵn âm dương dài 2m, tải trọng thiết kế HL93 (cấp tải TC)									
11	Cầu kiện cổng tròn đúc sẵn	Cổng tròn D400 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cổng H=(0.5-4.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cổng 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.039.000

12	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D600 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-4.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.625.000
13	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D750 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-6.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	2.064.000
14	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D800 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-6.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	2.312.000
15	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1000 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-4.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	3.250.000
16	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1000 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-6.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	3.472.000
17	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1200 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-4.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	4.080.000
18	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1200 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(4.0-9.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	4.594.000
Gói cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn, tải trọng thông thường (tải T)									
19	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Gói cống tròn D400, tải trọng thông thường (Tải T)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	92.000
20	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Gói cống tròn D600, tải trọng thông thường (Tải T)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	159.000
21	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Gói cống tròn D750, tải trọng thông thường (Tải T)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	192.000
22	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Gói cống tròn D800, tải trọng thông thường (Tải T)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	213.000
Gói cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn, tải trọng cao (tải C)									
23	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Gói cống tròn D600, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	168.000
24	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Gói cống tròn D750, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	205.000
25	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Gói cống tròn D800, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	225.000
26	Cầu kiện cống tròn đúc sẵn	Gói cống tròn D1000, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	256.000

27	Cầu kiện công tròn đúc sẵn	Gối công tròn D1200, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	342.000
28	Cầu kiện công tròn đúc sẵn	Gối công tròn D1500, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	520.000
29	Cầu kiện công tròn đúc sẵn	Gối công tròn D2000, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	983.000
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT TOP ASIA Địa chỉ: Số 24 Ngõ 14 Hồ Rùa, phố Nguyễn Lâm, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội Số điện thoại: 0896699996 Giá bán đã bao gồm chi phí vật liệu phụ, vận chuyển, thi công lắp đặt hoàn thiện tại chân công trình, chưa bao gồm chi phí làm cột, vì kèo, khung xương cấu tạo.									
1	Vật liệu khác	Nhựa kính cường lực hệ mái khung xương thép theo quy cách, nhựa kính cường lực 3mm, nẹp sập 1 thanh	m2	TCVN10103:2013	3,0mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	631.290
2	Vật liệu khác	Nhựa kính cường lực hệ mái khung xương thép theo quy cách, nhựa kính cường lực 4mm, nẹp sập 1 thanh	m2	TCVN10103:2013	4,0mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	776.190
3	Vật liệu khác	Nhựa kính cường lực hệ mái khung xương thép theo quy cách, nhựa kính cường lực 5mm, nẹp sập 3 thanh	m2	TCVN10103:2013	5,0 mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	990.085
4	Vật liệu khác	Nhựa kính cường lực hệ mái khung xương thép theo quy cách, nhựa kính cường lực 6mm, nẹp sập 3 thanh	m2	TCVN10103:2013	6,0 mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.240.035
5	Vật liệu khác	Nhựa kính cường lực hệ mái khung xương thép theo quy cách, nhựa kính cường lực 8mm, nẹp sập 3 thanh	m2	TCVN10103:2013	8,0 mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.558.185
6	Vật liệu khác	Nhựa kính cường lực hệ mái khung xương thép theo quy cách, nhựa kính cường lực 10mm, nẹp sập 3 thanh	m2	TCVN10103:2013	10,0 mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.916.335
7	Vật liệu khác	Nhựa kính cường lực hệ mái khung xương thép theo quy cách, nhựa kính cường lực 12mm, nẹp sập 3 thanh	m2	TCVN10103:2013	12,0 mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.313.235
CÔNG TY CỔ PHẦN INDECONS VINA Địa chỉ: Số 21C, ngõ 142 Nguyễn Đình Hoàn, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 02437321199 - 02432039290									
BIÊN BẢO HIỆU ĐƯỜNG BỘ CHO ĐƯỜNG TIỂU CHUẨN CAO TỐC									
1	Vật liệu khác	Biên tròn D=0,9m	cái	QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2018	- Mặt biên nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang lá 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon VINA	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	2.795.000

2	Vật liệu khác	Biển tròn D=1,4m	cái	<p>QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2019</p>	<p>- Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang lá 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng</p>	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	8.294.000
3	Vật liệu khác	Biển tam giác L=0,9m	cái	<p>QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2020</p>	<p>- Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang lá 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng</p>	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.466.000
4	Vật liệu khác	Biển tam giác L=1,4m	cái	<p>QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2022</p>	<p>- Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang lá 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng</p>	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	3.211.000
5	Vật liệu khác	Biển CN, S<1m2	m2	<p>QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2023</p>	<p>- Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang lá 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng</p>	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	4.154.000

6	Vật liệu khác	Biển CN, S<5m2	m2	<p>QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang lá 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng 	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	5.538.000
7	Vật liệu khác	Biển CN, S>5m2	m2	<p>QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2025</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang lá 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng 	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	6.923.000
8	Vật liệu khác	Biển cọc H	cái	<p>QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2025</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt biển nhôm tấm dày 2.0mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương và hộp đỡ biển T20x40x2.4mm hoặc L30x3(không bao gồm bulong và chi tiết liên kết cột) - Màng phản quang lá 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng - Quần nylon khi vận chuyển 	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	760.000
9	Vật liệu khác	Biển cột Km (bao gồm cột)	cái	<p>QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2025</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt biển tôn mạ kẽm d2.0mm - Cột đỡ 2xD60x3.0 - Màng phản quang lá 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng - Quần nylon khi vận chuyển 	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	6.750.000

10	Vật liệu khác	Màng phản quang loại XI	m2	TCVN 7887:2018 ASTN D4956	Quấn thành cuộn bọc nylon khi vận chuyển	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.715.000
11	Vật liệu khác	Cột đỡ biển báo D88,3x3 mạ kẽm	m	'SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2018	Dán màng phản quang trắng đỏ loại III	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	689.000
12	Vật liệu khác	Giả long môn	kg	'SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2018	- Bao gồm cả bu lông móng và dưỡng bu lông móng. - Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng - Bu lông liên kết dầm-cột CB8.8. Bu lông móng CB5.6	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	56.700
13	Vật liệu khác	Cột tay vịn	kg	'SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2018	- Bao gồm cả bu lông móng và dưỡng bu lông móng. - Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng - Bu lông liên kết dầm-cột CB8.8. Bu lông móng CB5.6	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	55.900
TỔN LƯỢNG SÓNG CHO ĐƯỜNG CAO TỐC VÀ ĐƯỜNG GOM									
14	Vật liệu khác	Hệ lan tôn sóng mạ kẽm loại 2 sóng, 3320x310x4mm	tấm	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.988.000
15	Vật liệu khác	Hệ lan tôn sóng mạ kẽm loại 2 sóng, 6320x310x4mm	tấm	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	3.709.500

16	Vật liệu khác	Hệ lan tôn sóng mạ kẽm loại 3 sóng, 4330x460x4mm	tấm	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	4.374.000
17	Vật liệu khác	Hệ lan tấm sóng nổi loại 2 sóng và 3 sóng , 4330x460x4 mm	tấm	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	2.980.000
18	Vật liệu khác	Tấm cuối 610x310x4mm (2 sóng)	tấm	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	618.000
19	Vật liệu khác	Tấm cuối 610x460x4mm (3 sóng)	tấm	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	988.800
20	Vật liệu khác	Hộp đệm 156x70x300x5mm	cái	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	118.000
21	Vật liệu khác	Hộp đệm 389x624x4,3mm	cái	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	721.000
22	Vật liệu khác	Hộp đệm chữ C 160x400x110x5mm	cái	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	398.700
23	Vật liệu khác	Tiêu phan quang tam giác d2 dán MPQ đỏ vàng loại XI	cái	- SS400 - ASSHTO-M180 -TCVN 7887:2018	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	17.500
24	Vật liệu khác	Cột tôn lượn sóng D141,3x4,5x2500mm	cột	- STK400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.727.500
25	Vật liệu khác	Cột tôn lượn sóng D141,3x4,5x2150mm	cột	- STK400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.519.100
26	Vật liệu khác	Bulong M16x33	cái		CB5.6	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	9.000
27	Vật liệu khác	Bulong M18x40	cái		CB5.6	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	12.000
28	Vật liệu khác	Bulong M20x180	cái		CB5.6	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	40.000
LƯỚI CHỐNG CHÓI CHO ĐƯỜNG CAO TỐC VÀ ĐƯỜNG GOM									
29	Vật liệu khác	Lưới chống chói (tấm đầu cuối) - Khung thép D33,5 dày 3mm, tấm tôn tại cột 50x75 dày 3mm	tấm	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.191.480
30	Vật liệu khác	Lưới chống chói loại 2m thông thường (tấm giữa) - Khung thép D33,5 dày 3mm, tấm tôn tại cột 50x75 dày 3mm	tấm	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.453.030
31	Vật liệu khác	Trụ ống thép D60 dày 3mm (H=748mm) bao gồm tại cột, gân cột , cho các vị trí giữa	cột	- STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	314.100
32	Vật liệu khác	Trụ ống thép D60 dày 3mm (H=250mm) bao gồm tại cột, gân cột, cho các vị trí chuyển tiếp	cột	- STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	177.600

HÀNG RÀO BẢO VỆ B40									
33	Vật liệu khác	Tấm lưới rào B40 KT 1500x2730mm, khung thép ống D50x3mm, lưới thép 4mm, mắt lưới 63x63mm	tấm	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	2.826.950
34	Vật liệu khác	Cột ống thép D60x3mm, L=1.44, bịt đầu mũ chòm cầu, đế cột và tai liên kết (cột chịu lực trên)	cột	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	669.990
35	Vật liệu khác	Cột ống chịu lực D60x3mm, L=1.59, mặt bích 120x10mm (Trụ móng)	cột	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	662.240
HÀNG RÀO BẢO VỆ THÉP GAI									
36	Vật liệu khác	Dây thép gai 2x2,5mm	md		Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	5.500
37	Vật liệu khác	Cột chịu lực ống thép D60x3mm, L=1.59m (Trụ móng)	cột	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	721.140
38	Vật liệu khác	Cột ống thép D60x3mm, L=1.64m, bản thép đế cọc và 12 móc thép D8-L120mm (cột chịu lực trên)	cột	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	789.060
ĐÌNH PHÂN QUAN									
40	Vật liệu khác	Đình phân quang nhôm 1 mặt 110x130x250mm	cái	TCVN 12584	Đóng thùng caton	Công ty Cổ phần Indecon Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	320.000
<p>CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG NHỰA ĐƯỜNG (ADCo) Địa chỉ: Tầng 14, khối văn phòng Lancaster Luminaire, Số 1152 đường Láng, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Số điện thoại: 0243 931048 Đơn giá trên chưa bao gồm VAT, giao hàng tại các Tổng kho/ Nhà máy của Công ty ADCo như sau: - Nhà máy/ Tổng kho Hải Phòng: cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. - Nhà máy/ Tổng kho Chân Mây: cảng Chân Mây, xã Chân Mây- Lăng Cô, TP.Huế. - Nhà máy/ Tổng kho Khánh Hòa: bán đảo Cam Ranh, phường Bắc Cam Ranh, Khánh Hòa. - Nhà máy/ Tổng kho Đồng Nai: KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai Cước vận tải chưa bao gồm VAT như sau: - Cước vận tải các sản phẩm nhựa đường là 3.550 đồng/tấn/km với đường đồng bằng và 4.650 đồng/tấn/km với đường đèo dốc, miền núi - Cước vận tải các sản phẩm nhũ tương là 4.950 đồng/tấn/km với đường đồng bằng và 6.500 đồng/tấn/km với đường đèo dốc, miền núi - Chi phí tưới các sản phẩm nhũ tương là 1.100.000 đồng/tấn, sản phẩm MC70 là 1.250.000 đồng/tấn. Giá bán áp dụng từ 15/3/2026 đến khi có bảng niêm yết giá mới</p>									
1	Vật liệu khác	Nhựa đường đặc nóng 60/70	kg	TCVN13567-1:2022	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	20.000
2	Vật liệu khác	Nhựa đường đặc nóng 40/50	kg	TCVN 13567-1:2022	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	22.700
3	Vật liệu khác	Nhựa đường Colflex® III (PMB - III)	kg	TCVN 11193:2021	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	26.700
4	Vật liệu khác	Nhựa đường Colflex® I (PMB - I)	kg	TCVN 11193:2021	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	26.300
5	Vật liệu khác	Nhựa đường Colflex® PG76 (PMB – III PG76)	kg	TCVN 11193:2022 TCVN 13048-2024	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	27.000

6	Vật liệu khác	Nhựa đường Colflex® PG82 (PMB – III PG82)	kg	TCVN 11193:2022 TCVN 13048-2024	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	27.400
7	Vật liệu khác	Nhũ tương nhựa đường CRS-1	kg	TCVN 8817-1:2011	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	16.900
8	Vật liệu khác	Nhũ tương nhựa đường CSS-1	kg	TCVN 8817-1:2011	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	18.900
9	Vật liệu khác	Nhũ tương nhựa đường CSS-1h	kg	TCVN 8817-1:2011	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	19.500
10	Vật liệu khác	Nhũ tương nhựa đường CRS-2	kg	TCVN 8817-1:2011	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	19.300
11	Vật liệu khác	Nhũ tương nhựa đường RapidBond® (CRS-1P)	kg	TCVN 8816:2011	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	24.500
12	Vật liệu khác	Nhựa đường lỏng MC70	kg	TCVN 8818-1:2011	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	29.600
13	Vật liệu khác	Nhũ tương a xít thấm bảm EAP (EcoPrime®)	kg	TCVN14270:2024	Xá	Công ty ADCo	Việt Nam	Giá bán tại nhà máy Hải Phòng địa chỉ: Cảng Đoạn Xá, 240 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	24.300
CÔNG TY TNHH HÓA DẦU PETROLIMEX -CTCP CÔNG TY TNHH NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX Địa chỉ: Tầng 19, số 229 Phố Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội Số điện thoại: 84.24.3851.3206 - 84.24.38513206 Giá bán là giá bán định hướng, chỉ mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy của Công ty TNHH NHỰA ĐƯỜNG - Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng.									
Giá định hướng từ 01/01/2026									
1	Vật liệu khác	Nhựa đường 60/70 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	14.000
2	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRS1 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	11.000
3	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSS1 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	12.200
4	Vật liệu khác	Nhựa đường polime PMB 1 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	18.000
5	Vật liệu khác	Nhựa đường polime PMB 3 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	18.400
6	Vật liệu khác	Nhựa đường lỏng MC70 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	18.800
7	Vật liệu khác	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	15.800
8	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRS1 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	13.500
9	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSS1 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	14.700

11	Vật liệu khác	Nhựa đường lỏng MC70 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	21.300
12	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRS1 (Nhũ tương gốc Axit 60%) - xá, sử dụng cho thi công láng nhựa	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	11.500
13	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSS1h- xá, sử dụng cho thi công cáo bóc, tái chế	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	16.100
Giá định hướng từ 01/02/2026									
1	Vật liệu khác	Nhựa đường 60/70 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	13.800
2	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRS1 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	10.900
3	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSS1 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	12.100
4	Vật liệu khác	Nhựa đường polime PMB 1 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	17.700
5	Vật liệu khác	Nhựa đường polime PMB 3 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	18.100
6	Vật liệu khác	Nhựa đường lỏng MC70 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	18.600
7	Vật liệu khác	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	15.600
8	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRS1 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	13.400
9	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSS1 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	14.600
10	Vật liệu khác	Nhựa đường lỏng MC70 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	21.100
11	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRS1 (Nhũ tương gốc Axit 60%) - xá, sử dụng cho thi công láng nhựa	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	11.400
12	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSS1h- xá, sử dụng cho thi công cáo bóc, tái chế	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	16.000
Giá định hướng từ 01/03/2026									
1	Vật liệu khác	Nhựa đường 60/70 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	16.800
2	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRS1 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	13.400

3	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSS1 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	15.400
4	Vật liệu khác	Nhựa đường polime PMB 1 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	23.200
5	Vật liệu khác	Nhựa đường polime PMB 3 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	23.500
6	Vật liệu khác	Nhựa đường lỏng MC70 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	26.900
7	Vật liệu khác	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	18.600
8	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRS1 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	15.900
9	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSS1 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	17.900
10	Vật liệu khác	Nhựa đường lỏng MC70 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	29.400
11	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRS1 (Nhũ tương gốc Axit 60%) - xá, sử dụng cho thi công láng nhựa	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	13.900
12	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSS1h- xá, sử dụng cho thi công cào bóc, tái chế	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	17.000
Giá định hướng từ 25/3/2026									
1	Vật liệu khác	Nhựa đường 60/70 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	18.800
2	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRS1 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	14.800
3	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSS1 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	16.300
4	Vật liệu khác	Nhựa đường polime PMB 1 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	24.700
5	Vật liệu khác	Nhựa đường polime PMB 3 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	25.000
6	Vật liệu khác	Nhựa đường lỏng MC70 - Xá	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	28.100
7	Vật liệu khác	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	20.600
8	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRS1 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	17.300

9	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSS1 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	18.800
10	Vật liệu khác	Nhựa đường lỏng MC70 - Phuy	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	30.600
11	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CRS1 (Nhũ tương gốc Axit 60%) - xá, sử dụng cho thi công láng nhựa	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	13.900
12	Vật liệu khác	Nhựa đường nhũ tương CSS1h- xá, sử dụng cho thi công cào bóc, tái chế	kg			Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá bán mang tính chất tham khảo tại điểm Nhà máy Chi nhánh nhựa đường Hải Phòng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, phun tưới	17.900
CÔNG TY CỔ PHẦN CARBON VIỆT NAM Địa chỉ: Tòa nhà Carboncor, 127 Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, TP Hà Nội Số điện thoại: 0946668286 - 0919658688 - 0983661735 Địa điểm đặt nhà máy sản xuất: Lô 2B, Cụm CN Nam Châu Sơn, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình Giá bán áp dụng tại khu vực Phường Lào Cai									
1	Vật liệu khác	Carboncor Asphalt - CA 9.5, CA 12.5	Tấn	Lớp vật liệu CarboncorAsphalt trong xây dựng và sửa chữa kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm theo TCCS 09:2024/CĐBVN	Bao 25 kg	Công ty cổ phần Carbon Việt Nam	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến khu vực phường Lào Cai	4.415.000
2	Vật liệu khác	Carboncor Asphalt - CA6.7	Tấn	Lớp vật liệu CarboncorAsphalt trong xây dựng và sửa chữa kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm theo TCCS 09:2024/CĐBVN	Bao 25 kg	Công ty cổ phần Carbon Việt Nam	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến khu vực phường Lào Cai	4.454.000
3	Vật liệu khác	CarboncorAshalt- CA19 (Bê tông nhựa rộng Carbon)	Tấn	Lớp vật liệu CarboncorAsphalt trong xây dựng và sửa chữa kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm theo TCCS 09:2024/CĐBVN	Bao 25 kg	Công ty cổ phần Carbon Việt Nam	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến khu vực phường Lào Cai	3.634.000
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI, TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG VINH HƯNG Địa chỉ công ty: Lô BT2 - Ô số 49 Khu Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Tp Hà Nội Địa chỉ kho công ty: Khu CN Dệt may Phố Nối B, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên Số điện thoại 0984984098									
1	Vật liệu khác	Cáp dự ứng lực 12,7mm	Tấn		Cáp dự ứng lực, không vỏ bọc, 7 sợi, độ chùng thấp, đường kính 12,7 mm theo chuẩn ASTM A416, Grade 270	Hãng Southern PC Steel Sdn Bhd	Malaysia	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	30.500.000
2	Vật liệu khác	Cáp dự ứng lực 15,24mm	Tấn		Cáp dự ứng lực, không vỏ bọc, 7 sợi, độ chùng thấp, đường kính 15,24 mm theo chuẩn ASTM A416, Grade 270	Hãng Southern PC Steel Sdn Bhd	Malaysia	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	30.500.000
3	Vật liệu khác	Neo công tác QMV13A7 (YJM13A-7)	Bộ		Bộ neo gồm: 01 đế, 01 bát, 07 nêm và 01 lò xo	Hãng Liuzhou QM Construction Machinery Co.,Ltd	Trung Quốc	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.100.000
4	Vật liệu khác	Neo công tác QMV13A7 (YJM13A-9)	Bộ		Bộ neo gồm: 01 đế, 01 bát, 09 nêm và 01 lò xo	Hãng Liuzhou QM Construction Machinery Co.,Ltd	Trung Quốc	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.500.000
5	Vật liệu khác	Neo công tác QMV13A7 (YJM13A-12)	Bộ		Bộ neo gồm: 01 đế, 01 bát, 12 nêm và 01 lò xo	Hãng Liuzhou QM Construction Machinery Co.,Ltd	Trung Quốc	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.800.000
6	Vật liệu khác	Neo công tác QMV13A7 (YJM13A-15)	Bộ		Bộ neo gồm: 01 đế, 01 bát, 15 nêm và 01 lò xo	Hãng Liuzhou QM Construction Machinery Co.,Ltd	Trung Quốc	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.500.000
7	Vật liệu khác	Gối cao su tổng hợp 150x250x35mm	Chiếc	- Gối cao su thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	Tải trọng lớn nhất ở trạng thái giới hạn sử dụng (SLS): 375KN, góc xoay: 0,005 Rad	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	780.000
8	Vật liệu khác	Gối cao su tổng hợp 150x250x35+3mm (PTFE=3mm)	Chiếc	- Gối cao su thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	Tải trọng lớn nhất ở trạng thái giới hạn sử dụng (SLS): 375KN, góc xoay: 0,005 Rad	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.490.000

9	Vật liệu khác	Gối cao su tổng hợp 250x300x50mm	Chiếc	- Gối cao su thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	Tải trọng lớn nhất ở trạng thái giới hạn sử dụng (SLS): 750KN, góc xoay: 0,005 Rad	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.240.000
10	Vật liệu khác	Gối cao su tổng hợp 250x300x50+3mm (PTFE=3mm)	Chiếc	- Gối cao su thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	Tải trọng lớn nhất ở trạng thái giới hạn sử dụng (SLS): 750KN, góc xoay: 0,005 Rad	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.640.000
11	Vật liệu khác	Gối cao su tổng hợp 350x450x78mm	Chiếc	- Gối cao su thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	Tải trọng lớn nhất ở trạng thái giới hạn sử dụng (SLS): 1575KN, góc xoay: 0,005 Rad	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	7.330.000
12	Vật liệu khác	Gối cao su tổng hợp 350x450x78+3mm (PTFE=3mm)	Chiếc	- Gối cao su thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	Tải trọng lớn nhất ở trạng thái giới hạn sử dụng (SLS): 1575KN, góc xoay: 0,005 Rad	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10.280.000
13	Vật liệu khác	Gối chặn cố định VHB-1.2FX	Chiếc	- Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	- Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN - Các vật liệu chế tạo gối phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017. - Vòng chặn POM theo tiêu chuẩn EN1337-5 / TCVN 13594-8 - Lớp phủ bảo vệ gối: bề mặt tiếp xúc với môi trường bên ngoài phải được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 150µm + sơn Epoxy dày 100µm, độ dính bám tối thiểu 4,5 MPa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	22.000.000
14	Vật liệu khác	Gối chặn di động đơn hướng VHB-1.2GS	Chiếc	- Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	- Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN - Các vật liệu chế tạo gối phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017. - Vòng chặn POM theo tiêu chuẩn EN1337-5 / TCVN 13594-8 - Lớp phủ bảo vệ gối: bề mặt tiếp xúc với môi trường bên ngoài phải được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 150µm + sơn Epoxy dày 100µm, độ dính bám tối thiểu 4,5 MPa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	25.000.000
15	Vật liệu khác	Gối chặn di động song hướng VHB-1.2FS	Chiếc	- Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	- Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN - Các vật liệu chế tạo gối phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017. - Vòng chặn POM theo tiêu chuẩn EN1337-5 / TCVN 13594-8 - Lớp phủ bảo vệ gối: bề mặt tiếp xúc với môi trường bên ngoài phải được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 150µm + sơn Epoxy dày 100µm, độ dính bám tối thiểu 4,5 MPa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	23.000.000
16	Vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C20	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn răng lược chuyên vị 20mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	7.500.000

17	Vật liệu khác	Khe co giãn rỗng lược VHF-C30	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn rỗng lược chuyển vị 30mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	9.000.000
18	Vật liệu khác	Khe co giãn rỗng lược VHF-C40	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn rỗng lược chuyển vị 40mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10.000.000
19	Vật liệu khác	Khe co giãn rỗng lược VHF-C50	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn rỗng lược chuyển vị 50mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	12.500.000
20	Vật liệu khác	Khe co giãn rỗng lược VHF-C60	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn rỗng lược chuyển vị 60mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	13.000.000
21	Vật liệu khác	Khe co giãn rỗng lược VHF-C80	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn rỗng lược chuyển vị 80mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	14.000.000
22	Vật liệu khác	Khe co giãn rỗng lược VHF-C100	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn rỗng lược chuyển vị 100mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	15.500.000
23	Vật liệu khác	Neo thép D25 bao gồm đai ốc	m	ASTM A615, A706	Mạ kẽm nhúng nóng dầu ren; bao gồm đai ốc	Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	124.000
24	Vật liệu khác	Neo thép D32 bao gồm đai ốc	m	ASTM A615, A706	Mạ kẽm nhúng nóng dầu ren; bao gồm đai ốc	Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	206.000
25	Vật liệu khác	Lưới sức kháng cao, khoảng cách cấp 30cm	m2	TCCS 35:2021/TCDBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%.	Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.205.000
26	Vật liệu khác	Lưới thép xoắn kép khoảng cách cấp 100cm kết hợp lưới địa 3 trục góc polyme	m2	TCCS 35:2021/TCDBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%.	Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	876.830

27	Vật liệu khác	Lưới thép xoắn kép khoảng cách cáp 200cm kết hợp lưới địa 3 trục gốc polyme	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%.	Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	752.000
28	Vật liệu khác	Tấm đế neo	cái	EN 10025	Bảo vệ chống ăn mòn bằng mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày tối thiểu 85µm	Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	384.000
29	Vật liệu khác	Khóa chữ U cho cáp D8	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cáp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	54.000
30	Vật liệu khác	Khóa chữ U cho cáp D12	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cáp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	195.000
31	Vật liệu khác	Khóa chữ U cho cáp D16	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cáp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	259.000
32	Vật liệu khác	Thiết bị liên kết các tấm lưới	cái	EN 13411-5	Cấu tạo từ sợi thép cường độ cao cấp 1770 MPa, D=4mm. Kích thước danh định: 50x20mm.	Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	16.000
33	Vật liệu khác	Cáp biên D12 cấp 1770Mpa	m	EN 12385-4	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D12	Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	112.000
34	Vật liệu khác	Cáp biên D16 cấp 1770Mpa	m	EN 12385-4	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D16	Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	128.000
35	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật 3 trục gốc Polyme	m2	Vật liệu Polypropylene, có cấu trúc da chiều được sử dụng để ngăn ngừa xói mòn và hiện tượng trượt bề mặt trên mái dốc, khối lượng riêng 490g/m2, điểm cháy 160 độ C, kháng tia UV, bền trong đất tự nhiên, tuổi thọ cao		Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	249.000
36	Vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 1000 KJ (gồm lưới thép, cột, thiết bị tiêu năng và các phụ kiện)	m2	- Cột thép tròn Ø 114.3 mm, chiều dày 5 mm, thép S235JRH (EN 10219-1) - Tấm đế neo: Kích thước 250x500mm, chiều dày 10mm, thép S235JR (EN10025) - Dây cáp thép: Ø 16 mm and Ø 18 mm (6x19+WSC) (EN 12385-4), Cường độ chịu kéo Min.1770 Mpa; - Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm có đường kính 30 ø mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm		Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	9.490.000
37	Vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 1500 KJ (gồm lưới thép, cột, thiết bị tiêu năng và các phụ kiện)	m2	- Hệ lưới chính: Hệ tấm lưới được tạo thành từ các vòng thép đường kính 350mm, đường kính sợi thép tạo vòng 3mm, cường độ chịu kéo Min.1380Mpa, mạ Zn hoặc Zn95/Al5 (EN10244-2, phần Dây A)		Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10.500.840
38	Vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 2000 KJ (gồm lưới thép, cột, thiết bị tiêu năng và các phụ kiện)	m2	- Hệ lưới bổ sung: Hệ lưới xoắn kép hình lục giác loại 8x10, đường kính dây Ø 2.20 mm (EN 10223-3), lớp mạ Zn hoặc Zn95/Al5 (EN10244-2, phần Dây A)		Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	11.957.000
39	Vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 3000 KJ (gồm lưới thép, cột, thiết bị tiêu năng và các phụ kiện)	m2	- Khóa chữ U: Dùng cho dây cáp thép Ø 16 mm và Ø 18 mm (EN 13411-5).		Hãng Maccaferri	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	13.652.000

40	Vật liệu khác	Tường chống ồn hấp thụ âm (bao gồm tấm chống ồn hấp thụ âm, cột thép, các phụ kiện)	m2	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn thiết kế: + TCCS45:2022/TCĐBVN: Tường chống ồn đường ô tô - Yêu cầu thiết kế. + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. + TCVN11823:2017: tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ. + BS EN 1794:2003: Thiết bị giảm tiếng ồn giao thông. - Tiêu chuẩn vật liệu: + Cột thép hình loại H (JIS G3101-SS400, hoặc HSGS400-TCVN7571 hoặc tương đương); + Thép tấm (JIS G3101-SS400, hoặc tương đương). + Cáp giữ an toàn cho tấm: GB/T 20118-2006. + Hợp kim nhôm theo tiêu chuẩn : GB/T-3880:2006-3003-H24 hoặc tương đương + Thép mạ kẽm: BS EN 10346:2015 - DX51D-Z275 tương đương. - Tiêu chuẩn thi nghiệm / đánh giá âm học: + ASTM C423:2017: Tiêu chuẩn quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo chính bao gồm hệ thống cột giữ, cáp giữ an toàn, tấm chống ồn dạng hấp thụ âm và hệ phụ kiện lắp đặt. - Cấu tạo cột thép hình loại H, đáy cột được hàn vào bản mã chân cột, bố trí các sườn tăng cường để đảm bảo khả năng chịu lực. - Tấm chống ồn: Là dạng tấm chống ồn hấp thụ âm, được đặt trong khung bao hợp kim nhôm: + Tấm mặt trước: hợp kim nhôm. + Tấm mặt sau: thép mạ kẽm. + Vật liệu hấp thụ âm: polyester hoặc bông khoáng hoặc tương đương. 	Tấm tường chống ồn: Trung Quốc Hạng mục còn lại: Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	6.920.000	
47	Vật liệu khác	Dải Polymer cấp 30	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài của dải gia cường thi có khía cạnh Cấp 30: Lực kéo đứt 30 kN - Bề rộng dải 83mm	- TCVN 11823 - 2017 - AASHTO LRFD - ISO/TR 20432	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	120.000
48	Vật liệu khác	Dải Polymer cấp 40	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài của dải gia cường thi có khía cạnh Cấp 40: Lực kéo đứt 40 kN - Bề rộng dải 83mm	- TCVN 11823 - 2017 - AASHTO LRFD - ISO/TR 20432	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	125.000
49	Vật liệu khác	Dải Polymer cấp 50	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài của dải gia cường thi có khía cạnh Cấp 50: Lực kéo đứt 50 kN - Bề rộng dải 87mm	- TCVN 11823 - 2017 - AASHTO LRFD - ISO/TR 20432	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	140.000
50	Vật liệu khác	Dải Polymer cấp 75	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài của dải gia cường thi có khía cạnh Cấp 75: Lực kéo đứt 75 kN - Bề rộng dải 90mm	- TCVN 11823 - 2017 - AASHTO LRFD - ISO/TR 20432	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	150.000
51	Vật liệu khác	Dải Polymer cấp 85	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài của dải gia cường thi có khía cạnh Cấp 85: Lực kéo đứt 85 kN - Bề rộng dải 90mm	- TCVN 11823 - 2017 - AASHTO LRFD - ISO/TR 20432	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	160.000
52	Vật liệu khác	Dải Polymer cấp 100	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài của dải gia cường thi có khía cạnh Cấp 100: Lực kéo đứt 100 kN - Bề rộng dải 90mm	- TCVN 11823 - 2017 - AASHTO LRFD - ISO/TR 20432	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	170.000
53	Vật liệu khác	Móc cầu	cái	D10mm		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	60.000
54	Vật liệu khác	Tấm đệm EPDM	cái	EPDM 150x70x22mm		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	120.000
55	Vật liệu khác	Hố neo nhẹ	cái	Vật liệu HDPE		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	110.000
56	Vật liệu khác	Hố neo nặng	cái	Vật liệu HDPE		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	135.000